

Số: 2190/QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy
từ khóa tuyển sinh năm 2017**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy học hệ đại học chính quy các ngành: Quản lý tài nguyên nước; Khí tượng thủy văn biển; Quản lý biển; Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Kỹ thuật địa chất; Khoa học đất; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy các ngành đào tạo trên được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Duy Kiều

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2190 /QĐ-TĐHHN ngày 04 tháng 07 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	2
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp.....	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Kiến thức	3
2.1.1. Kiến thức đại cương.....	3
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành.....	3
2.1.3. Kiến thức ngành.....	3
2.1.4. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	3
2.1.5. Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học	3
2.2. Kỹ năng	4
2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp	4
2.2.2. Kỹ năng mềm.....	4
2.2.3. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học.....	4
2.3. Phẩm chất đạo đức	5
2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:	5
2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	5
2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội	5
2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp.....	5
PHẦN 3.....	6
MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA ..	6
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	7
4.2. Khung chương trình đào tạo.....	7
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra.....	11
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	15
4.5. Đề cương chi tiết các học phần	21
1. Thông tin chung về học phần.....	55
2. Mục tiêu của học phần.....	55
3. Tóm tắt nội dung học phần	56
4. Tài liệu học tập.....	56
5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần.....	56

6. Nhiệm vụ của sinh viên.....	56
7. Thang điểm đánh giá.....	57
8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần	57
9. Nội dung chi tiết học phần	57
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	438
4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	438
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình.....	473
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	477

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Tourism and travel services management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Mã số: **52340103**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism and travel services management**

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt được các mục tiêu sau:

a) Kiến thức

MT1: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành du lịch trong các tổ chức doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch hiện nay. Cử nhân ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có đầy đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng một cách hiệu quả trong công việc, có cơ hội việc làm tốt trong các tổ chức kinh doanh du lịch cả trong và ngoài nước sau khi ra trường;

MT2: Có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu thực tiễn về nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

b) Kỹ năng

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

MT4: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp khi phục vụ khách du lịch; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT6: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

MT7: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3473/QĐ-TĐHHN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức đại cương

KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. Có kiến thức cơ bản về toán học, ngoại ngữ, tin học đại cương và khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

KT2: Hiểu được các kiến thức về lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán, Kiểm toán và phân tích tài chính làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn nội dung kiến thức chuyên ngành.

2.1.3. Kiến thức ngành

KT3: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành vào thực tế để tổ chức quản trị và tác nghiệp các hoạt động hướng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch theo chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU; thiết kế và thực hiện các chương trình du lịch; tổ chức và điều hành các sự kiện, các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch; quản lý điều hành chương trình du lịch trên cơ sở bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội.

2.1.4. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp

KT4: Hiểu biết thực tế công việc chuyên môn thuộc ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Có kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để giải quyết vấn đề thực tế.

2.1.5. Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

KT5: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

- Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ A2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
A2	3.5	400	400	96	40	45 – 64 PET 70 – 89 KET	2

- Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

- Sử dụng được internet và một số phần mềm chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu vấn đề và xác định nguyên nhân phát sinh để đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề

KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

KN3: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn: Lập và quản lý được các dự án du lịch; biết thiết kế, thực hiện các chương trình du lịch, các sự kiện; báo cáo được các thông tin về tình hình kinh doanh du lịch của đơn vị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị; kiểm tra, đánh giá được hoạt động hướng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch theo chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU.

2.2.2. Kỹ năng mềm

KN4: Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm

Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đề ra.

KN5: Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể; Phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Truyền cảm hứng, tạo động lực cho cá nhân và tập thể.

KN6: Kỹ năng tìm kiếm việc làm

Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

2.2.3. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học

KN7: Kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ

Có kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và cấp trên; có kỹ năng thuyết phục, thuyết trình và đàm phán tốt; có trình độ tiếng Anh giao tiếp cơ bản, đọc và hiểu biết cơ bản các kiến thức chuyên môn.

KN8: Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phổ biến (máy tính và phần mềm ứng dụng Du Lịch).

2.3. Phẩm chất đạo đức

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:

ĐD1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo. Sống hòa đồng với tập thể, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp và giữ gìn đoàn kết trong đơn vị. Đạt được các phẩm chất, đạo đức cá nhân khác như: năng động, ham học hỏi, yêu thích khám phá.

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

ĐD2: Trung thực, cẩn thận; Có tinh thần trách nhiệm với công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật tốt; Có tinh thần hòa đồng, hợp tác với đồng nghiệp.

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

ĐD3: Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có lối sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng; chấp hành tốt nội quy, quy chế của nơi làm việc. Thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử và trang phục phù hợp. Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, biết đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nhà quản trị du lịch sinh thái, nhân viên quản lý về du lịch ở các cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Tổng cục du lịch, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương;

- Nhân viên, thiết kế tour, hướng dẫn viên du lịch tại các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử;

- Làm việc tại các bộ phận khác nhau trong các khách sạn, nhà hàng trong nước và quốc tế.

- Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng.

- Khi có điều kiện, sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự thành lập các công ty dịch vụ du lịch.

PHẦN 3
MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	X					X	
	KT2	X					X	X
	KT3	X	X	X		X		
	KT4	X	X	X		X		X
	KT5			X	X			
Kỹ năng	KN1			X				
	KN2			X				
	KN3			X				
	KN4		X	X		X		X
	KN5			X		X		
	KN6						X	X
	KN7				X			
	KN8			X	X			
Phẩm chất đạo đức	ĐĐ1							X
	ĐĐ2							X
	ĐĐ3							X

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	130
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (<i>Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN</i>)	33
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	97
• Kiến thức cơ sở ngành	24
• Kiến thức ngành	61
+ <i>Bắt buộc:</i>	(45)
+ <i>Tự chọn:</i>	(16)
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Khung chương trình đào tạo

- Ký hiệu: - LT : Lý thuyết
 - TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương						
I.1	Lý luận chính trị						
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	LTML2101	2	22	8	60	
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	LTML2102	3	32	13	90	LTML2101
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202	3	32	12	90	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM201	2	21	9	60	
I.2	Khoa học xã hội						
5	Kỹ năng mềm	SFS102	3	26	19	60	
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2	21	9	60	
7	Pháp luật đại cương	BLA101	2	20	10	60	
I.3	Ngoại ngữ						

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
8	Tiếng Anh 1	ENG101	3	8	37	90	
9	Tiếng Anh 2	ENG211	3	6	39	90	ENG101
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2	6	39	90	ENG211
I.4	Khoa học tự nhiên - Tin học						
11	Toán cao cấp	MAT101	4	33	27	120	
12	Tin học đại cương	GEI401	2	20	10	60	MAT101
13	Xác suất thống kê	PRO221	2	15	15	60	MAT101
I.5	Giáo dục thể chất		5				
I.6	Giáo dục quốc phòng-an ninh		165 tiết				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành						
14	Kinh tế vi mô	MIC101	3	33	12	90	
15	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3	35	10	90	
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ERE102	2	23	7	60	MIC101
17	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	27	3	60	MIC101
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201	2	19,5	9,5	60	MIC101, MAT101
19	Lý thuyết kế toán	ACT202	3	30	15	90	MIC101, MAC201
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2	24,5	5,5	60	PES201, MAC201
21	Quản trị học	MNT101	3	36	9	90	
22	Marketing căn bản	BMA202	2	24	6	60	
23	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202	2	24	6	60	
II.2	Kiến thức ngành		61				
II.2.1	Bắt buộc						
24	Tổng quan du lịch	OVT101	3	32	13	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
25	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202	2	24	6	60	
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202	2	22	8	60	GEI401, BMA202
27	Quản trị nguồn nhân lực	HRM203	3	32	13	90	
28	Quản trị sự kiện	ETM203	3	35	10	90	MNT101
29	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MIR202	3	35	10	90	
30	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203	2	20	10	60	
31	Marketing du lịch	TMG202	3	36	9	90	
32	Quản trị lễ tân	FOM203	2	22	8	60	MNT101
33	Thương mại điện tử	ECM203	2	24	6	60	GEI401, BMA202
34	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203	3	30	15	90	MNT101
35	Văn hóa ẩm thực	FOC102	3	29	16	90	
36	Đạo đức nghề nghiệp	PRE104	2	24	6	60	
37	Du lịch bền vững	STT202	3	29	16	90	OVT101
38	Kế toán tài chính	FAC203	2	21	9	60	ACT202
39	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204	3	35	10	90	
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203	3	31	14	90	MNT101
41	Quản lý đại lý lữ hành	TAM204	2	18	12	60	
42	Quản lý điều hành chương trình du lịch	ETG204	3	28	17	90	OVT101
43	Hướng dẫn du lịch	TVG203	3	26	19	90	
44	Thiết kế chương trình du lịch	DTP204	3	26	19	90	
45	Thực tập dã ngoại 1	FWR212	3		45	90	OVT101, MTA202, MNT101
46	Thực tập dã ngoại 2	FWR223	3		45	90	OVT101,

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
							MTA202, MNT101
II.2.2	Tự chọn						
1	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	2	22	8	60	OVT101
2	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102	2	21	9	60	
3	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2	25	5	60	
4	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102	2	24	6	60	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2	21	9	60	
6	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	27	3	60	
7	Kinh tế đầu tư	IVE202	2	22	8	60	MIC101, MAT101
8	Kinh tế phát triển	DLE203	2	24	6	60	MIC101, MAT101
9	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2	24,5	5,5	60	PES201, MAC201
10	Kế toán tài chính	FAC203	2	21	9	60	ACT202
11	Thương mại điện tử	ECM203	2	24	6	60	GEI401, BMA202
12	Tin học ứng dụng	API202	2	13	17	60	GEI401
13	Phân tích định lượng	QNA203	2	17	13	60	PES201
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp						
59	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6		90	180	
60	Khóa luận tốt nghiệp	DST209	6		90	180	
II.4	Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
A	Hướng chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành						
1	Quản trị chiến lược	SMN204	3	34	11	90	
2	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204	3	35	10	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Tổng số		130				

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																
I.1	Lý luận chính trị																
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	x								x						x	
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	x								x						x	
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x								x						x	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x						x	
I.2	Khoa học xã hội																
5	Kỹ năng mềm		x						x	x	x			x	x		
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam																
7	Pháp luật đại cương	x								x				x	x		
I.3	Ngoại ngữ																
8	Tiếng Anh 1				x							x			x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
															ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3		
9	Tiếng Anh 2					x							x		x		
10	Tiếng Anh 3					x							x		x		
I.4	Khoa học tự nhiên - Tin học																
11	Toán cao cấp		x							x	x			x			
12	Tin học đại cương		x									x		x	x		
13	Xác suất thống kê	x								x	x			x			
I.5	Giáo dục thể chất	x									x			x		x	
I.6	Giáo dục quốc phòng-an ninh	x									x			x		x	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
II.1	Kiến thức cơ sở ngành														x		
14	Kinh tế vi mô		x								x				x		
15	Kinh tế vĩ mô		x								x				x		
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường		x								x				x		
17	Kinh tế tài nguyên biển		x								x				x		
18	Nguyên lý thống kê kinh tế		x								x	x			x		
19	Lý thuyết kế toán		x								x				x		
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh			x	x		x	x	x						x		
21	Quản trị học		x							x	x	x			x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
22	Marketing căn bản		x							x	x	x				x	
23	Tài chính - Tiền tệ		x							x	x	x				x	
II.2	Kiến thức ngành																
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>															x	
24	Tổng quan du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
25	Quản lý nhà nước về du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
27	Quản trị nguồn nhân lực			x	x		x	x	x	x						x	
28	Quản trị sự kiện			x	x		x	x	x	x						x	
29	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú			x	x		x	x	x	x						x	
30	Quản trị chất lượng du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
31	Marketing du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
32	Quản trị lễ tân			x	x		x	x	x	x						x	
33	Thương mại điện tử		x							x	x	x				x	
34	Tâm lý khách hàng du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
35	Văn hóa ẩm thực			x	x		x	x	x	x						x	
36	Đạo đức nghề nghiệp			x	x		x	x	x	x						x	
37	Du lịch bền vững			x	x		x	x	x	x						x	
38	Kế toán tài chính		x							x	x					x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
															ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3		
39	Quản trị điểm đến du lịch			x	x		x	x	x	x					x		
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành			x	x		x	x	x	x					x		
41	Quản lý đại lý lữ hành			x	x		x	x	x	x					x		
42	Quản lý điều hành chương trình du lịch			x	x		x	x	x	x					x		
43	Hướng dẫn du lịch			x	x		x	x	x	x					x		
44	Thiết kế chương trình du lịch			x	x		x	x	x	x					x		
45	Thực tập dã ngoại 1			x	x		x	x	x						x		
46	Thực tập dã ngoại 2			x	x		x	x	x						x		
II.2	Tự chọn																
47	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam		x				x	x	x	x					x		
48	Văn hóa các dân tộc Việt Nam		x				x	x	x	x					x		
49	Lịch sử văn minh thế giới		x				x	x	x	x					x		
50	Lịch sử Việt Nam đại cương		x				x	x	x	x					x		
51	Cơ sở văn hóa Việt Nam		x				x	x	x	x					x		
52	Kinh tế tài nguyên biển		x						x	x					x		
53	Kinh tế đầu tư		x						x	x					x		
54	Kinh tế phát triển		x						x	x					x		
55	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh			x	x		x	x	x	x					x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
	doanh																
56	Kế toán tài chính		x							x	x					x	
57	Thương mại điện tử		x							x	x	x				x	
58	Tin học ứng dụng		x							x	x	x			x	x	
59	Phân tích định lượng		x								x					x	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp																
60	Thực tập tốt nghiệp			x	x										x	x	x
61	Khóa luận tốt nghiệp			x	x										x	x	x
II.4	Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp																
A	Hướng chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành																
62	Quản trị chiến lược			x	x		x	x	x	x	x				x	x	
63	Tài nguyên và kinh doanh du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
	Tổng số																

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		33								

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.1	Lý luận chính trị		10								
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	LTML2101	2	2							
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	LTML2102	3	3							
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202	3			3					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM201	2		2						
I.2	Khoa học xã hội		7								
5	Kỹ năng mềm	SFS102	3				3				
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2			2					
7	Pháp luật đại cương	BLA101	2		2						
I.3	Ngoại ngữ		8								
8	Tiếng Anh 1	ENG101	3	3							
9	Tiếng Anh 2	ENG211	3		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học		8								
11	Toán cao cấp	MAT101	4	4							
12	Tin học đại cương	GEI401	2		2						
13	Xác suất thống kê	PRO221	2		2						

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.5	Giáo dục thể chất		5	x	x	x	x				
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh		16 5 tiết t								
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghệ		97								
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		24								
14	Kinh tế vi mô	MIC101	3	3							
15	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3		3						
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ERE102	2				2				
17	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2					2			
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201	2			2					
19	Lý thuyết kế toán	ACT202	3					3			
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB2 03	2						2		
21	Quản trị học	MNT101	3	3							
22	Marketing căn bản	BMA202	2				2				
23	Tài chính - Tiền tệ	FIMO20 2	2				2				
II.2	Kiến thức ngành		61								
24	Tổng quan du lịch	OVT101	3		3						
25	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202	2			2					

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202	2				2				
27	Quản trị nguồn nhân lực	HRM203	3						3		
28	Quản trị sự kiện	ETM203	3							3	
29	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MIR202	3				3				
30	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203	2						2		
31	Marketing du lịch	TMG202	3					3			
32	Quản trị lễ tân	FOM203	2						2		
33	Thương mại điện tử	ECM203	2						2		
34	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203	3					3			
35	Văn hóa ẩm thực	FOC102	3				3				
36	Đạo đức nghề nghiệp	PRE104	2							2	
37	Du lịch bền vững	STT202	3			3					
38	Kế toán tài chính	FAC203	2						2		
39	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204	3							3	
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203	3					3			
41	Quản lý đại lý lữ hành	TAM204	2							2	
42	Quản lý điều hành chương trình du lịch	ETG204	3							3	
43	Hướng dẫn du lịch	TVG203	3						3		
44	Thiết kế chương	DTP204	3							3	

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
	trình du lịch										
45	Thực tập dã ngoại 1	FWR212	3			3					
46	Thực tập dã ngoại 2	FWR223	3					3			
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp		12								
47	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6								6
48	Khóa luận tốt nghiệp	DST209	6								6
	Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học			18	17	17	17	17	16	16	12
III.	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn		16								
III. 1	Khối kiến thức tự chọn (10/26)		10								
49	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	2	2/10							
50	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102	2								
51	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2								
52	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102	2								
53	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2								
54	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	2/6							
55	Kinh tế đầu tư	IVE202	2								
56	Kinh tế phát triển	DLE203	2								
57	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh	RMMB2 03	2	6/10							

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số T C	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
	doanh										
58	Kế toán tài chính	FAC203	2								
59	Thương mại điện tử	ECM203	2								
60	Tin học ứng dụng	API202	2								
61	Phân tích định lượng	QNA203	2								
III. 2	Khối kiến thức bổ trợ (6TC)		6								
62	Quản trị chiến lược	SMN204	3								
63	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204	3								
Tổng tín chỉ			13 0								

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 1**
- Mã học phần: LTML2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;
 - *Về kỹ năng:* Bước đầu biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
 - *Về đạo đức nghề nghiệp:*
- + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

+ Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của học phần. Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia –sự thật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình môn Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn; các văn kiện Đại hội Đảng; Tạp chí Cộng sản.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...
- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm thảo luận; chuyên cần	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC 1, từ trang 09 – 23
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành</i> <i>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin</i>	2			2	4	
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu</i> <i>2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu</i>	1			1	2	
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC 1 từ trang 33 – 60, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</i>	1		1	2	4	
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <i>1.2.1. Vật chất</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Ý thức 1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận						
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2.1.2. Phép biện chứng duy vật	1			1	2	Độc TLC 1 từ trang 61 -124, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển	2		1	3	6	
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3.1. Cái chung và cái riêng 2.3.2. Nguyên nhân và kết quả 2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 2.3.4. Nội dung và hình thức 2.3.5. Bản chất và hiện tượng 2.3.6. Khả năng và hiện thực	2			2	4	
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại 2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập 2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng <i>2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</i> <i>2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</i>	2		1	3	6	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất <i>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</i> <i>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	2		1	3	6	Đọc TLC 1 từ trang 125 - 182, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng <i>3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i>	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội <i>3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</i> <i>3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</i>	1			1	2	
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội <i>3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội</i> <i>3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>kinh tế xã hội</i> <i>3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội</i>						
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp <i>3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i> <i>3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i>	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân <i>3.6.1. Con người và bản chất của con người</i> <i>3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</i>	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		08	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 2**
- Mã học phần: LTML2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;
- *Về kỹ năng:* Bước đầu biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

+ Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6 trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Chương 7,8 khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Chương 9 khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia –sự thật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình các học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn; các văn kiện Đại hội Đảng; Tạp chí Cộng sản ...

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...
- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40%
2	Điểm kiểm tra số 2	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC 1 từ trang 185-217, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1.Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá 4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá 4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá	1		0.5	1.5	3	
4.2.Hàng hoá 4.2.1.Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá 4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá 4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá	2		0.5	2.5	5	
4.3. Tiền tệ 4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ 4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	1		0.5	1.5	3	
4.4.Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trị						
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	Đọc TLC 1 từ trang 218-312, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư 5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư 5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản	2		1	3	6	
5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công 5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế						
5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản 5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản	2		0.5	2.5	5	
5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản	2			2	4	
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất 5.6.3. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất 5.6.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 313-355 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền <i>6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền</i> <i>6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</i> <i>6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</i>	2		1	3	6	
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước <i>6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i> <i>6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i>	1			1	2	
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó <i>6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền</i> <i>6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>độc quyền Nhà nước</i> <i>6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại</i>						
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản <i>6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</i> <i>6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản</i> <i>6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</i>	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7.SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	
7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân <i>7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>	2		1	3	6	Độc TLC 1 từ trang 358-416, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó 7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN	2		0.5	2.5	5	
7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội CSCN	1		0.5	1.5	3	
Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	
8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	Đọc TLC 1 từ trang 417-463, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghĩa</i> <i>8.2.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i> <i>8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i>						
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo <i>8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</i> <i>8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</i>	1		1	2	4	
Chương 9.CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			2	4	
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực <i>9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới</i> <i>9.1.2. Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó <i>9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết						
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội 9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: Vietnam communist Party' Revolution Line
- Mã học phần: VCPR 202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu được khái niệm Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; Hiểu và phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (chủ thể hoạch

định đường lối cách mạng Việt Nam) là tất yếu khách quan; Hiểu và phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đối ngoại.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội; Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, hình thành tình cảm yêu thích, coi trọng và hứng thú đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập; Tăng thêm lòng yêu nước, niềm tự hào đối với Đảng ta; tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, II, III*, Nxb CTQG, HN.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.

3. Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng và kết hợp linh hoạt các phương pháp như: Thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, phát vấn nhanh, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40%
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	Đọc TLC, chương mở đầu
1.1.Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1.1.1.Đối tượng nghiên cứu 1.1.2.Nhiệm vụ nghiên cứu						
1.2.Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của việc học tập học phần 1.2.1.Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu học phần 1.2.2.Ý nghĩa của việc học tập học phần						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.1.Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1.Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX 1.1.2.Hoàn cảnh trong nước	2			2	4	
1.2.Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.2.1.Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.2.Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.3.Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2		1	3	6	
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 2.1.1.Trong những năm 1903-1935 2.1.2.Trong những năm 1936-1939	2			2	4	
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1939 đến năm 1945 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.2.2.Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền						
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	- Đọc TLC, chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954) 3.1.1.Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) 3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	
3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) 3.2.1.Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2.Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3.2.3.Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương 4; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới <i>4.1.1.Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa</i> <i>4.1.2.Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa</i>	1			1	2	
4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới <i>4.2.1.Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa</i> <i>4.2.2.Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i> <i>4.2.3.Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức</i> <i>4.2.4.Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</i>	3		1	4	8	
Chương 5. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 5; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường <i>5.1.1.Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới</i> <i>5.1.2.Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</i>	1		1	2	4	
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1.Mục tiêu và quan điểm cơ bản 5.2.2.Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.3.Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân						
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức các chương đã học
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	- Đọc TLC, chương 6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 6.1.1.Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 6.1.2.Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 6.1.3.Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)	1		1	2	4	
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1.Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị 6.2.2.Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3.Đánh giá sự thực hiện đường lối	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	- Đọc TLC, chương 7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 7.1.1.Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2.Trong thời kỳ đổi mới	3		2	5	10	
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1.Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2.Trong thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 8; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1.Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2.Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.1.3.Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	1		1	2	4	
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1.Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế 8.2.3.Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2		1	3	6	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
 - Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
 - Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: HCM201
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 phút/tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
 - Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên nhận thức được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích được những nội dung cơ bản trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh từ đó nhận thức được những giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và đối với dân tộc ta.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết khoa học những vấn đề đang đặt ra trong đời sống chính trị - xã hội.

Sinh viên biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Qua học tập học phần, giúp sinh viên nâng cao lòng tự hào về Bác, về Đảng cộng sản, về Tổ quốc Việt Nam. Tự giác, chủ động học tập, lao động và rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách của Bác Hồ. Xây dựng cho bản thân lý tưởng sống cao đẹp của người thanh niên Việt Nam trong thời đại ngày nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả vấn đề nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS. Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị.
2. GS. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40%
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. Đối tượng nghiên cứu <i>1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh</i> <i>2. Đối tượng và nhiệm vụ của học phần tư tưởng Hồ Chí Minh</i> <i>3. Mối quan hệ của học phần này với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> II. Phương pháp nghiên cứu <i>1. Cơ sở phương pháp luận:</i> <i>2. Các phương pháp cụ thể:</i>	1				2	Đọc TLC trang 9-24 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
III. Ý nghĩa của việc học tập học phần đối với sinh viên 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác 2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị						
Chương 1. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
1.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1.1 Cơ sở khách quan 1.1.2. Nhân tố chủ quan	1				2	
1.2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước 1.2.2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc 1.2.3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư	2		1		6	Đọc TLC trang 25-56 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện</i> 1.3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</i> <i>1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới</i>						
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	3		1	4	8	
2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc <i>2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa</i> <i>2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp</i>	1				2	Đọc TLC trang 57- 95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc <i>2.2.1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</i> <i>2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</i> <i>2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</i> <i>2.2.4. Lực lượng của cách mạng</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</i> <i>2.2.5.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i> <i>2.2.6.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</i>						
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	2		1	3	6	
<i>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.1.1.Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC trang 96-127 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<i>3.2. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội						
Chương 4. TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		1	4	8	
4.1.Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2.Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3.Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.4.Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền	2		1	3	6	Đọc TLC trang 128- 162 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc	2			2	4	Đọc TLC 1 trang 163-203 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1 Vai trò của đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế	1		1	2	4	
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
6.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 6.1.1. Nhà nước của dân 6.1.2. Nhà nước do dân						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.1.3. Nhà nước vì dân 6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước 6.2.1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước 6.2.2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhâ dân, tính dân tộc của nhà nước	2			2	4	Đọc TL 1 trang 204- 228; Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
6.3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ 6.3.1. Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp 6.3.2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và trú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống 6.4. Xây dựng nhà nước trong sạch hoạt động có hiệu quả 6.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 6.4.2. Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước	1		1	2	4	
CHƯƠNG 7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá 7.1.1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới 7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá 7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá	1			1	2	Độc TLC 1 trang 229-284. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	1		1	2	4	
7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 7.3.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người 7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"	1		1	2	4	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: BLA 101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung;
 - + Hiểu được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Về kỹ năng:
 - + Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, sinh viên vận dụng để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống.

- *Về đạo đức, nghề nghiệp*: Sinh viên tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, học tập và làm việc tuân theo pháp luật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật ;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý ;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2009), *Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. GVC.TS. Vũ Quang (2018), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*;
2. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*;
3. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*;
4. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2009*
5. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động*;
6. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình*;
7. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp*;
8. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận, giải bài tập, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐

Trắc nghiệm ☒

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	4		2	6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	2		1	3	6	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, Chương III, Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương IX, Chương X, Chương XI, Chương XII - Đọc TLC 3, Chương 2, Chương 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc</i> <i>1.2.2. Bản chất</i> <i>1.2.3. Thuộc tính</i> <i>1.2.4. Hình thức</i>	2		1	3	6	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VIII, Chương XIV, Chương XV - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ.	4	3		7	14	
2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương XVI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương XIX - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XXI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XXI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	12	2	2	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013	2			2	4	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 1 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2.Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 2 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính						giảng viên
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	1	2	1	4	8	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương X - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của	4		1	5	10	- Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
tham những 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	5	5	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: SFS102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 17 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, NXB Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, NXB Trẻ.
3. Daniel Goleman (2010), *Emotional Intelligence: Why it can matter more than IQ*, 10th Anniversary Edition.
4. Peggy Klaus (2011), *The hard truth about Soft Skills*, Uncategorized.
5. Frederick H. Wentz (2012), *Soft Skills Training: a workbook to develop skills for employment*, Uncategorized

6. Barun K. Mitra(2012), *Personality development and soft skills*, Oxford University Press – New Delhi.

7. Jeff Butterfieldn (2012), *Problem-Solving and Decision Making*,Uncategorized.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 1
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	9	7		16	32	
2.1. Giao tiếp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
2.1.1. Khái niệm và vai trò						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp						
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	3	2		5	10	Đọc TLC 3, chương 2, 3
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	5	2		7	14	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	8	8		16	32	
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2. 2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 5
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân						
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	2		4	8	Đọc TLC 2, chương 6
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 6
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	1	2		3	6	Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	26	17	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - *Tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**
 - *Tiếng Anh: **Introduction to Vietnam Culture**
- Mã học phần: VNC102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ✓	Tự chọn	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - *Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - *Bài tập: 0 tiết
 - *Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - *Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận Chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;
- *Về kỹ năng:* Vận dụng và phát triển được kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực nhận diện được các hiện tượng văn hóa, phát triển nhận thức và hành động ứng xử có văn hóa trong học tập và cuộc sống; góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Trần Ngọc Thêm (2011), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

Trần Quốc Vượng (2017), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. DẪN NHẬP VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NAM						Đọc TLC từ trang 09 – 49 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.1.1. Định nghĩa văn hóa 1.1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa 1.1.3. Văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật 1.1.4. Cấu trúc của hệ thống văn hóa 1.1.5. Cơ sở văn hóa và các bộ môn văn hóa học	1			1	2	
1.2. Định vị văn hóa Việt Nam 1.2.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp 1.2.2. Chủ thể và thời gian văn hóa Việt Nam 1.2.3. Hoàn cảnh địa lý, không gian văn hóa và các vùng văn hóa Việt Nam 1.2.4. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội của văn hóa Việt Nam	1			1	2	
1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam 1.3.1. Lóp văn hóa bản địa 1.3.2. Lóp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực 1.3.3. Lóp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây	1		1	2	4	
Chương 2. VĂN HÓA NHẬN THỨC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 50 –87 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: triết lý âm dương 2.1.1. Triết lý âm dương: bản chất và khái niệm 2.1.2. Hai quy luật của triết lý âm dương 2.1.3. Triết lý âm dương và tính cách người Việt	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.4. Hai hướng phát triển của triết lý âm dương						
2.2. Cấu trúc không gian của vũ trụ: mô hình tam tài - ngũ hành 2.2.1. Tam tài 2.2.2. Những đặc trưng khái quát của ngũ hành 2.2.3. Hà Đồ - cơ sở của ngũ hành 2.2.4. Ngũ hành theo Hà Đồ 2.2.5. Ứng dụng của ngũ hành	2			1	6	
2.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ: lịch âm dương và hệ can chi 2.3.1. Lịch và lịch âm dương 2.3.2. Hệ đếm can chi	1			1	2	
2.4. Nhận thức về con người 2.4.1. Nhận thức về con người tự nhiên 2.4.2. Cách nhìn cổ truyền về con người xã hội	1		1	2	4	
Chương 3. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ	4		2	6	12	
3.1. Tổ chức nông thôn 3.1.1. Tổ chức nông thôn theo huyết thống: gia đình và gia tộc 3.1.2. Tổ chức nông thôn theo địa bàn cư trú: xóm và làng 3.1.3. Tổ chức nông thôn theo nghề nghiệp và sở thích: phường, hội 3.1.4. Tổ chức nông thôn theo truyền thống nam giới: giáp đình và gia tộc 3.1.5. Tổ chức nông thôn theo đơn vị hành chính: thôn và xã 3.1.6. Tính cộng đồng và tính	1		1	2	4	Đọc TLC từ trang 88 – 125 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tự trị - hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam 3.1.7. Làng Nam Bộ						
3.2. Tổ chức quốc gia 3.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội 3.2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp	2			2	4	
3.3 Tổ chức đô thị 3.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia 3.3.2. Đô thị trong quan hệ với nông thôn 3.3.4. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống	1		1	2	4	
Chương 4. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 126 – 185
4.1. Tín ngưỡng 4.1.1. Tín ngưỡng phồn thực 4.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 4.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người	1		1	2	4	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Phong tục 4.2.1. Phong tục hôn nhân 4.2.2. Phong tục tang ma 4.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội	1		1	2	4	
4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.3.1. Các đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt 4.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam	0.5			0.5	1	
4.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.1. Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.2. Tính biểu cảm của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.3. Tính tổng hợp của nghệ thuật thanh sắc và hình khối						Đọc TLC từ trang 186 –225 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 5. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	3		1	4	8	
5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn 5.1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn 5.1.2. Tính tổng hợp trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.4. Tính biện chứng và linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt	1		0.5	1.5	3	
5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc 5.2.1. Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong chất liệu may mặc của người Việt 5.2.2. Trang phục qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc	1		0.5	1.5	3	
5.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: ở và đi lại 5.3.1. Ứng phó với khoảng cách: Giao thông 5.3.2. Ứng phó với thời tiết, khí hậu: nhà cửa, kiến trúc	1			1	2	
Chương 6. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 226 – 313

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1. Giao lưu với Ấn Độ: văn hóa Chăm <i>6.1.1. Bàlamôn giáo và ba nguồn gốc của văn hóa Chăm</i> <i>6.1.2. Những đặc điểm của kiến trúc Chăm</i> <i>6.1.3. Những đặc điểm của điêu khắc Chăm</i> <i>6.1.4. Sức mạnh bản địa hóa ảnh hưởng Bàlanôm giáo</i>	0.5			0.5	1	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam <i>6.2.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật Giáo</i> <i>6.2.2. Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo Việt Nam</i> <i>6.2.3. Những đặc điểm của Phật Giáo Việt Nam</i>	0.5		0.5	1	2	
6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam <i>6.3.1. Sự hình thành của Nho giáo</i> <i>6.3.2. Nội dung cơ bản và sự phát triển của Nho giáo</i> <i>6.3.3. Quá trình thâm nhập, phát triển và những đặc điểm của Nho giáo</i>	0.5		0.5	1	2	
6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam <i>6.4.1. Từ Đạo gia đến đạo giáo</i> <i>6.4.2. Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam</i>	0.5			0.5	1	
6.5. Phương tây với văn hóa Việt Nam <i>6.5.1. Ki –tô giáo với văn hóa Việt Nam</i> <i>6.5.2. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.6. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội: tính dung hợp 6.6.1. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội, quân sự, ngoại giao 6.6.2. Dung hợp và dung hợp văn hóa khu vực: Tam giáo 6.6.3. Dung hợp văn hóa Đông Tây: Từ lăng Khải Định đến đạo Cao Đài 6.6.4. Tích hợp văn hóa Đông – Tây với lý tưởng Cộng sản: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			01	01	2	
Cộng	21		09	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng anh 1
Tiếng Anh: English 1
- Mã học phần: ENG101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn

giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kĩ năng:

*** Kỹ năng đọc:**

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

*** Kỹ năng nghe:**

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

*** Kỹ năng nói:**

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

*** Kỹ năng viết:**

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- **Về thái độ:**

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- **Unit 1: People and Places**
- **Unit 2: Everyday life**
- **Unit 3: Loves and Hates**
- **Unit 4: Eating and Drinking**
- **Unit 5: Extraordinary Lives**
- **Unit 6: Buying and Selling**
- **Unit 7: The world around us**
- **Unit 8: Going places**

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: New cutting Edge (Elementary)
- Tài liệu tham khảo:
 - A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
 - Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
 - Esol examinations. 2013. *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
 - Practice Exercise 1. 2014. Internal circulation. Department of Foreign Language, University of Natural Resources and Environment

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:
- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi: Vấn đáp và trắc nghiệm trên máy

Hình thức thi: Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận, Kiểm tra	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: People and places	1	1	2	4	8	

• Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) • Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) • Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) • Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) • Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) • Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						• Cách sử dụng của động từ To Be • Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) • Số đếm trong TA <u>Tự học:</u> Module 2: You and Yours (p20-25)
Unit 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
• Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) • Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) • Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) • Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) • Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						• Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn • Cách nói thời gian trong TA (p.30) • Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Unit 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
• Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con						• Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân

vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) - Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) - Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40)						
Unit 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) - Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) - Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) - Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						- Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn - Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i> - Cấu trúc <i>How much / How many</i> - Nói về thói quen ăn uống của bản thân. Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)
Unit 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) - Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63)

một việc gì đó là khi nào (p.65) Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Unit 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
- Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) - Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) - Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) - Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84)						- Từ vựng về chủ đề mua sắm - Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc - Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm - Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) - Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)
Unit 7: The world around us	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) - Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) - Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100)						- Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên - Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng - Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh-questions) - Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE - Nói về một loài vật yêu thích Tự học:

Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						Module 13: Learning for the future (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
- Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) - Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) - Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) - Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng						- Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố - Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don't have to và Can/can't - Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) - Các cách hỏi và chỉ đường - Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích Tư học: Module 12: A weekend away (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		2	3	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Tiếng Anh 2
- Tên tiếng Anh: English 2
- Mã học phần: ENG211
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Bachelor
- Các môn học tiên quyết: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 6 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 23 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận : 16 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Kiến thức:

* Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

* Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

* Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

2.2. Kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

2.3. Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản dành cho hệ Cao đẳng và Đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, động từ khuyết thiếu...

Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. các hoạt động thể thao, nghề nghiệp trong tương lai.....

Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; danh từ số nhiều....

Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: New cutting Edge (Pre- Intermediate)
- Tài liệu tham khảo:
 - A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
 - Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
 - Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
 - Department of Foreign Language. 2014. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp

Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.

Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình:

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: Thi nói và thi trắc nghiệm trên máy

Thời lượng thi: Thi trên máy 60 phút + Thi nói mỗi sinh viên 5 phút

Sinh viên không được tham khảo tài liệu khi thi.

Hình thức thi: Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp				Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận, Kiểm tra	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2	4	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)						- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân

Module 2: Importance First	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả.						- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1	4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật						- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp

Module 4: Speacial Occassions		2	2	4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.						- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt. Tự học: Module 6 Time off (p.52)
Consolidation Modules 1-4		2		2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		2		2		
Module 5: Appearances	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình						- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và

(p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)						tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	3	2	6	12	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai						Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất qui tắc và quá khứ phân từ. Cách sử dụng của thì tương lai đơn với ý nghĩa tiên đoán.
Module 7: Countries and cultures	1	2	3	6	12	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường.						- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)

- Viết: Thiệp mời						
Consolidation Modules 5-8; Revision 2 Progress test 2		3 1		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2		10	Preparation for the final exam
Tổng	6	23	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tiếng anh 3**
- Tiếng Anh: **English 3**

Mã học phần: NNTA 2103

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 06 tiết
- Bài tập: 10 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
- Kiểm tra: 0 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- *Về kỹ năng*:

* *Kỹ năng đọc*:

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.

- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

* *Kỹ năng nói*:

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.

- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.

- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

* *Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý.

- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ.

- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

* *Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.

- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

* *Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho học phần chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.
- Về thái độ:
 - + Nhận thức được tầm quan trọng của học phần .
 - + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
 - + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
 - + Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
 - + Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
 - + Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và động từ khuyết thiếu.
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm.
- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại, quá khứ; hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và câu trực tiếp, gián tiếp.
- Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng cơ bản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cunningham, Sarah (2011), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, NXB Từ điển bách khoa.
2. Chris Redston, Gille Cunningham (2012), *Face2face 2nd edition (Elementary)*, Cambridge

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.

4. Department of Foreign Language. 2014. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:
- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...;
Module 1: Old and New	1	2	3	6	10	- Thời hiện tại đi sau if, when, before, etc...
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and molbile phone</i>						-Từ vựng: Hiện đại và truyền thống

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						-Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	3	6	10	-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lời văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						
Module 3: Got to have it	1	2	3	6	10	-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
-Đọc: <i>The World’s Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	10	- Thì quá khứ hoàn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (p.125,127) - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý						thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5	1			1	5	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
End of Term Test		1		1		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1		– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	6	10	14	30	60	
Tổng	6	23	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: Toán cao cấp.
 - Tiếng Anh: Advanced Mathematics for Economics.
- Mã học phần: MAT101
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc √	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 24 tiết
 - Kiểm tra: 03 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.
- Về kỹ năng: Sinh viên nắm được những kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp (bao gồm các kiến thức về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép

toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân).

- Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về không gian véc tơ.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, *Toán học cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Đình Thúc, 2004, *Toán học cao cấp cho các nhà kinh tế (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
3. Bộ môn Toán, 2015, Bài giảng *Toán cao cấp*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm:

- Điểm kiểm tra viết: 2 bài kiểm tra hệ số 1 ; 1 bài thi giữa kỳ.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi¹:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận 1.2.2. Các tính chất của định thức	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1.Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe

						giảng và làm bài tập về khái niệm hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. KHÔNG GIAN VEC TƠ VÀ DẠNG TOÀN PHƯƠNG	8	4	2	14	25	
3.1. Định nghĩa không gian véc tơ	2	1		3	5	3.2. Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ
3.3. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ
3.3 Cơ sở, số chiều của không gian véc tơ. Hạng của hệ véc tơ.	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hạng của hệ véc tơ.
3.4 Dạng toàn phương	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về dạng toàn phương.
Kiểm tra			2	2	5	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5		10	25	
4.1. Các hàm số lượng giác ngược 4.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 4.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 4.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược

4.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	5	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
4.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
4.4. Chuỗi số	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
4.5. Chuỗi hàm	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
CHƯƠNG 5. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
5.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
5.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 6. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
6.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
6.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc

CHƯƠNG 7. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	6	1	11	20	
7.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	3		5	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
7.2. Phương trình vi phân cấp 2 Kiểm tra	2	3	1	1	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Cộng	33	24	3	60	120	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: GEI 401
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, major: Environment, Land use planning, Surveying, Land management, Accounting, Tourism service management and business, Natural resource economics, Natural geography, Land resources, Marine science and islands, Climate change and sustainable development.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thực hành: 8 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- *Về kỹ năng:* Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Trung thực, chăm chỉ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. *Tự học windows 7 (2012)*; Trí Việt (2012), *Tự học Microsoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
2. *Tự học Word 2010 (2011)*, NXB Hồng Bàng.
3. *Tự học PowerPoint 2010 (2012)*, NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, Giáo trình nhập môn tin học, NXB Nông nghiệp.
2. Bùi Thế Tâm, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông Vận tải, 2010.
3. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thực hành và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	3				3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1					2	Đọc TLTK [1]
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.4. Biểu diễn thông tin	1					2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
trong máy tính							
1.5. Virus tin học và cách phòng chống	1					2	
1.6. Mạng máy tính và Internet							
1.7. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
Chương 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1					2	Đọc TLC [1]
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows 2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục 2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.3. Thay đổi cấu hình (Control Panel)	1			1		4	
Chương 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu hình làm việc	0.5					1	Đọc TLC [2]
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font)	2			1		6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.3.2. Định dạng đoạn văn (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học(Equantion)	1.5			1		5	Đọc TLC [2]
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên	1			0.5		3	Đọc TLC[2]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6.Trộn thư	0.5			0.5		2	Đọc TLC [2]
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 7.5.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5					1	
Kiểm tra			1			2	
Chương 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một WorkSheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu	0.5					1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>và các toán tử</i>							Đọc TLC[1]
4.2. Các thao tác cơ bản <i>4.2.1. Xử lý trên vùng</i> <i>4.2.2. Thao tác trên cột và dòng</i> <i>4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin</i> <i>4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel</i>	0.5			0.5		2	
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel <i>4.3.1.Cách sao chép công thức</i> <i>4.3.2. Cú pháp chung của hàm</i> <i>4.3.3. Cách sử dụng các hàm</i> <i>4.3.4. Các hàm thông dụng</i>	3			1.5		9	
4.4. Cơ sở dữ liệu <i>4.4.1.Khái niệm</i> <i>4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu</i> <i>4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu</i>	1			0.5		3	Đọc TLC[1]
4.5. Biểu đồ trong Excel <i>4.5.1. Các thành phần của biểu đồ</i> <i>4.5.2. Các bước dựng biểu đồ</i> <i>4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ</i>	0.5			0.5		2	
4.6. In ấn <i>4.6.1. Định dạng trang in</i>	0.5					1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu							
Kiểm tra			1			2	
Chương 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	Đọc TLC [3]
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5					1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5		2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide 5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	1.5			0.5		4	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5					1	
Cộng	20		2	8		60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **XÁC SUẤT THỐNG KÊ**
 - Tiếng Việt: **XÁC SUẤT THỐNG KÊ**
 - Tiếng Anh: *Probability theory and mathematical statistics*
- Mã học phần: PRO221
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, tất cả các ngành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
√	☐	☐	☐	☐	☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Giải tích 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 64 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sinh viên giải quyết được các bài toán cơ bản của xác suất, các bài toán ước lượng mẫu.
- Về kỹ năng: sinh viên có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.

- Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất)
- Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng)
- Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Phạm Đình Phùng, 2010, *Giáo trình Xác suất và thống kê toán*, NXB Tài chính [1]
2. Phạm Văn Kiên, 2012, *Giáo trình xác suất và thống kê*, NXB Giáo dục [2]

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Đặng Hùng Thắng, 2000, *Mở đầu về xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục
2. Đặng Hùng Thắng, 2000, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Giảng viên thuyết trình lý thuyết, hướng dẫn bài tập, cá nhân sinh viên thuyết trình bài tập, thảo luận nhóm ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Hai đầu điểm hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	6	5	1	12	26	
1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1 1	1	1		3 2	Đọc [2] phần biến cố, phép thử ngẫu nhiên, các định nghĩa về xác suất Đọc [1] phần các quy tắc tính xác suất Đọc [1] phần công thức xác suất toàn phần, Bayes Đọc [2] phần công thức xác suất nhị thức
1.2. Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	2	2			9	
1.3. Các quy tắc tính xác suất	1	1			6	
1.4. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			6	
1.5. Công thức xác suất nhị thức						
CHƯƠNG 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	5	4	2	11	23	
2.1. Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			7	Đọc [2] phần đại lượng ngẫu nhiên và phân phối Đọc [2] phần các tham số đặc trưng Đọc [1] phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều Đọc [1] phần một số quy luật phân phối thường gặp
2.2. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			7	
2.3. Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1					
2.4. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng	2	1			3	
<i>Kiểm tra</i>			2		6	

CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT MẪU	4	2	1	7	15	
3.1. Một số khái niệm	1				3	Đọc [2] phần mẫu ngẫu nhiên
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1		1		5	Đọc [2] phần ước lượng 1 số tham số lý thuyết
	2	2			7	
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy						Đọc [2] phần ước lượng khoảng tin cậy
Cộng	15	11	4	30	64	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**
 - Tiếng Anh: **Microeconomic**
- Mã học phần: MIC101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.

2. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2011), *Kinh tế học vi mô*, NXB NXB Chính trị Hành chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.

4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.

5. Nguyễn Văn Dân (2012), *Kinh tế vi mô*, NXB Tài chính.

6. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tập tại nhà và sửa chữa trên lớp
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40%
2	Điểm thảo luận, chuyên cần	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu						
1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.5.1. Chi phí cơ hội 1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
2.2. Cầu 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Luật cầu 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu 2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu 2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm 2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>học</i>						
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan 3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên 3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng 3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận 4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất 4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội						
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.3.1. Đường cung ngắn hạn 5.3.2. Đường cung dài hạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành 5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế						Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Độc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2		1	3	6	
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường 7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo 7.1.2. Ngoại ứng 7.1.3. Hàng hóa công cộng 7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế	1			1	2	Độc TLC 1, chương 8; Độc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Độc TLC 1, chương 8; Độc TLC 2, chương 10.
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: MAC201
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài

tập, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Làm bài tập chương 1
1.6. GNP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	5	3		8	16	
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 4 Làm bài tập chương 4
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	6	1		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Hệ thống ngân hàng	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Cung tiền	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6,5	1		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Làm bài tập chương 6
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lạm phát</i>						
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 8
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	Làm bài tập chương 6
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
						Đọc TLC 2, chương 7
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
						Đọc TLC 2, chương 7
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
						Đọc TLC 2, chương 7
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
						Đọc TLC 2, chương 7
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10;
						Đọc TLC 3, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	08	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: NREE102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên và

xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu; Phân tích các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích - chi phí trong quản lý tài nguyên môi trường.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể; vận dụng phương pháp xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu để xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho từng hoạt động khai thác tài nguyên cụ thể trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý và điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được môi trường. Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể để đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường với viễn cảnh và những ý tưởng phân tích của kinh tế học. Nó tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường và khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; từ đó nó đề ra những qui định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm và khai thác tài nguyên sao cho giảm được sự suy thoái môi trường cũng như khai thác tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả hơn.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững... và vấn đề ứng dụng hệ thống thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

2. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Hoàng Xuân Cơ (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
 - + Phương pháp hoạt động nhóm
 - + Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN	3			3	6	
1.1. Sự ra đời của Kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Khái niệm, đối tượng và nội dung môn học	1				2	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 3, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.1. Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2.2. Đối tượng và nội dung môn học 1.3. Phương pháp nghiên cứu môn học						
1.4. Môi liên hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế 1.4.1. Một số khái niệm 1.4.2. Vai trò của hệ thống môi trường 1.4.3. Hoạt động của hệ thống kinh tế và tác động của nó đến môi trường 1.4.4. Cân bằng vật chất và chất lượng môi trường 1.4.5. Biến đổi môi trường	2				4	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 2. Đọc TLC 3, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4	1		5	10	
2.1. Lợi ích xã hội và hiệu quả Pareto 2.2. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường	1,5				3	Đọc TLC 1, chương 2.
2.3. Ngoại ứng 2.3.1. Khái niệm và phân loại ngoại ứng 2.3.2. Tác động của ngoại ứng tiêu cực 2.3.3. Tác động của ngoại ứng tích cực	2,5	1			7	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 3.
Chương 3. KINH TẾ Ô NHIỄM	9,5	3		12,5	25	
3.1. Ô nhiễm tối ưu và định lý Ronald Coase 3.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 3.1.2. Xác định mức ô	4 1 1				8	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 4. Đọc TLC 3, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhiễm tối ưu</i> 3.1.3. Biện pháp kinh tế giảm nhẹ ô nhiễm môi trường 3.1.4. Lý thuyết Ronald Coase về quyền sở hữu và thị trường	1 1					
3.2. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm 3.2.1. Thuế Pigou 3.2.2. Trợ cấp giảm thải 3.2.3. Phí xả thải và tiêu chuẩn môi trường 3.2.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng (Quota ô nhiễm)	5,5 1 1 2 1,5	3 2 1			17	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 4. Đọc TLC 3, chương 2.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. PHÂN TÍCH LỢI ÍCH - CHI PHÍ	2,5	1		3,5	7	
4.1. Định giá tài nguyên và môi trường 4.1.1. Tầm quan trọng của việc định giá tài nguyên và môi trường 4.1.2. Các phương pháp định giá tài nguyên và môi trường 4.2. Khái quát chung về phân tích lợi ích – chi phí 4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa 4.2.2. Khung phân tích 4.2.3. Chiết khấu 4.2.4. Các chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá một dự án	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 3, chương 6.
Chương 5. LÝ THUYẾT SỬ DỤNG TỐI ƯU TÀI NGUYÊN TÁI SINH	2			2	4	
5.1. Khái niệm tài nguyên tái sinh 5.1.1. Định nghĩa tài nguyên tái sinh	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLC 3, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.2. Đặc điểm của tài nguyên tái sinh 5.2. Đặc điểm khai thác tài nguyên tái sinh 5.2.1. Đường cong tăng trưởng 5.2.2. Tốc độ khai thác 5.2.3. Chi phí và thu nhập 5.3. Mô hình sử dụng tối ưu tài nguyên tái sinh 5.3.1. Mô hình khi có chủ sở hữu xác định 5.3.2. Mô hình khi không có chủ sở hữu xác định hoặc là tài sản chung						
Chương 6. LÝ THUYẾT SỬ DỤNG TỐI ƯU TÀI NGUYÊN KHÔNG TÁI SINH (NRR)	2			2	4	
6.1. Khái niệm tài nguyên không tái sinh 6.1.1. Định nghĩa tài nguyên không tái sinh 6.1.2. Đặc điểm tài nguyên không tái sinh 6.2. Tối ưu khai thác tài nguyên không tái sinh 6.2.1. Tối ưu khai thác tài nguyên không tái sinh trong ngắn hạn 6.2.2. Tối ưu khai thác tài nguyên không tái sinh trong dài hạn	2				4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLC 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế đầu tư**
 - Tiếng Anh: **Investment Economics**
- Mã học phần: IVE202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Kinh tế đầu tư, sinh viên phải hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Cụ thể, trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư. Thêm vào đó, người học cần biết được trình tự các bước cũng như phương pháp để lập,

thẩm định và thực hiện đấu thầu các dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đấu thầu và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đấu thầu các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đấu thầu và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

- Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), *Giáo trình Kinh*

đầu tư, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Đỗ Phú Trần Tình (2009), *Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Giao thông vận tải.

3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2006), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Phạm Xuân Giang (2010), *Giáo trình Lập thẩm định & Quản trị dự án đầu tư*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH TẾ ĐẦU TƯ	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại đầu tư</i> <i>1.1.2. Vốn đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Đầu tư phát triển <i>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư phát triển</i> <i>1.2.2. Phân loại đầu tư phát triển</i> <i>1.2.3. Tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Kinh tế đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm về kinh tế đầu tư</i> <i>1.3.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận của môn học</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2.QUẢN LÝ ĐẦU TƯ	3			3	6	
2.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư <i>2.1.1. Khái niệm quản lý đầu tư</i> <i>2.1.2. Mục tiêu của quản lý đầu tư</i> <i>2.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
2.2. Nội dung, phương pháp và công cụ quản lý đầu tư <i>2.2.1. Nội dung quản lý đầu tư</i> <i>2.2.2. Phương pháp quản lý hoạt động đầu tư</i> <i>2.2.3. Công cụ quản lý hoạt</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
động đầu tư						
Chương 3. CHI PHÍ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4	4	1	9	18	
3.1. Chi phí của hoạt động đầu tư phát triển 3.1.1. Khái niệm khối lượng vốn đầu tư thực hiện 3.1.2. Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 3
3.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển 3.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển 3.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư 3.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 7 Làm bài tập chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5	2		7	14	
4.1. Dự án đầu tư 4.1.1. Khái niệm và yêu cầu của một dự án đầu tư 4.1.2. Sự cần thiết phải thiết lập dự án đầu tư 4.1.3. Chu kỳ của dự án đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 1
4.2. Lập dự án đầu tư 4.2.1. Khái niệm lập dự án 4.2.2. Nguyên tắc lập dự án	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 4 Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Nội dung của dự án đầu tư 4.2.4. Phân tích đánh giá về môi trường đầu tư, thị trường, kỹ thuật và tài chính của dự án 4.2.5. Phân tích độ nhạy của dự án						
4.3. Thẩm định dự án đầu tư 4.3.1. Một số vấn đề chung về thẩm định dự án đầu tư 4.3.2. Căn cứ tiến hành thẩm định dự án đầu tư 4.3.3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư 4.3.4. Phương pháp thẩm định dự án đầu tư 4.3.5. Tổ chức thẩm định dự án	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC2, chương 8; Đọc TLC3, chương 2
Chương 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU THẦU TRONG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3			3	6	
5.1 Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của đấu thầu 5.1.1. Một số khái niệm 5.1.2. Vai trò của đấu thầu 5.1.3. Nguyên tắc của đấu thầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu. 5.2.1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu 5.2.2. Phương thức đấu thầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Trình tự thực hiện đấu thầu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
5.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu tư vấn 5.4.2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu xây lắp 5.4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa						
Chương 6. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG ĐẦU TƯ	4		1	5	10	
6.1. Một số vấn đề chung về đầu tư quốc tế 6.1.1. Sự cần thiết của đầu tư quốc tế 6.1.2. Bản chất của đầu tư quốc tế 6.1.3. Vai trò của đầu tư quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
6.2. Các hình thức đầu tư quốc tế 6.2.1. Đầu tư quốc tế trực tiếp 6.2.2. Đầu tư quốc tế gián tiếp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
6.3. Chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế 6.3.1. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ 6.3.2. Vai trò của chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế 6.3.3. Nội dung chuyển giao công nghệ 6.3.4. Các bước tiến hành chuyển giao công nghệ trong	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>các dự án FDI</i>						
6.4. Quan hệ quốc tế trong đầu tư của Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên biển**
Tiếng Anh: **Marine resource economics**
- Mã học phần: MRE203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Management of Tourism and Travel Services and Hospitality
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - ☐ Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - ☐ Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - ☐ Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên Biển, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý

nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển.

+ Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.

+ *Kỹ năng tư duy:* Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Hình thành thái độ tích cực trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường*, NXB Thống kê.
3. Lê Đức Tổ, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.
5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.
6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.
7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.
8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần bao gồm: Thuyết trình, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu tài liệu, ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...
- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...
- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.
- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
1.1. Tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1,
1.1.1. Khái niệm, phân loại tài nguyên biển	0,5			0,5	1	chương 1 + chương 2;
1.1.2. Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Kinh tế tài nguyên biển	2,5			2,5	5	Đọc TLĐT 1;
1.2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLĐT 2;
1.2.2. Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay	1,5			1,5	3	Đọc TLĐT 3.
1.3. Đối tượng, nội dung và mục tiêu nghiên cứu của học phần Kinh tế tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
Chương 2. CÁC MÔ HÌNH LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN BIỂN	10			10	20	
2.1. Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh	6			6	12	Đọc TLC 1, chương 5;
2.1.1. Mô hình tăng trưởng theo thời gian	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 4.
2.1.2. Mô hình cân bằng sinh học	1,5			1,5	3	
2.1.3. Mô hình khai thác trong điều kiện tự do tiếp cận và điều kiện sở hữu tư nhân	2			2	4	
2.1.4. Đường cung của ngành	2			2	4	
2.2. Các mô lý thuyết cơ bản trong khai	4			4	8	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thác tài nguyên biển không có khả năng tái sinh						chương 6; TLC 2, chương 4.
2.2.1. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo	2			2	4	
2.2.2. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường độc quyền	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN	6			6	12	
3.1. Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 4.
3.2. Một số biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển	5			5	10	Đọc TLC 3, chương 4;
3.2.1. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ thuế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5+
3.2.2. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ hạn ngạch, can thiệp giá	1			1	2	chương 6.
3.2.3. Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên biển	1			1	2	Đọc TLĐT 4; Đọc TLĐT 5.
3.2.4. Quy hoạch không gian biển	1			1	2	
3.2.5. Quản lý tổng hợp vùng ven biển	1			1	2	
Chương 4. ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
4.1. Giá trị kinh tế tài nguyên và ý nghĩa của việc đánh giá giá trị tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Một số phương pháp đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên biển	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 8;
4.2.1. Phương pháp chi phí lợi ích	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2,
4.2.2. Phương pháp giá trị thị trường	0,5			0,5	1	chương 3.
4.2.3. Phương pháp sử dụng các hàng hoá liên quan, thay thế	0,5			0,5	1	
4.2.4. Phương pháp chi phí du lịch						
4.2.5. Phương pháp tạo dựng thị trường	0,5			0,5	1	
	0,5			0,5	1	
4.2.6. Phương pháp chuyển đổi lợi ích	0,5			0,5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN VIỆT NAM	3		1	4	8	
5.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3. Đọc TLĐT 2.
5.2. Khai thác và quản lý tài nguyên biển Việt Nam	2		1	3	6	Đọc TLĐT 6; Đọc TLĐT 7; Đọc TLĐT 8.
Cộng	27		3	30	60	

10. Ngày phê duyệt: Ngày tháng năm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế phát triển**
 - Tiếng Anh: **Development Economics**
- Mã học phần: DLE203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Kinh tế phát triển, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và

quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm tăng trưởng, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế; các nguồn lực với phát triển kinh tế và vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để hiểu được các yếu tố nguồn lực sử dụng trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển hiện nay; đánh giá được các khía cạnh của phát triển kinh tế thông qua một số mô hình kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế đất nước hiện nay.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển.... Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2011), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Đinh Văn Hải, TS. Lương Thu Thủy (2014), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Tài chính.

3. Đàm Văn Liệm (2010), *Kinh tế phát triển*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. ThS. Đồng Thị Vân Hồng (2010), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, thảo luận tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận trên lớp
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN	2			2	4	
1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2
Chương 2. TỔNG QUAN VỀ SỰ TĂNG TRƯỞNG	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI						
2.1. Bản chất của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 4
2.3. Các vấn đề cơ bản trong phát triển kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 3. CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ	2			2	4	
3.1. Khái niệm và các loại cơ cấu kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 4
3.2. Cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành.	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LAO ĐỘNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3		1	4	8	
4.1. Lao động và vai trò của lao động trong tăng trưởng và phát triển kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu lao động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
4.3. Phân chia thị trường lao động ở các nước đang phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 5. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3		1	4	8	
5.1. Đặc điểm và phân loại tài nguyên thiên nhiên	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Địa tô và giá trị thị trường của tài nguyên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.4. Thị trường một số tài nguyên thiên nhiên	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.5. Phát triển bền vững	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
Chương 6. VỐN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4		1	5	10	
6.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.2. Vai trò của vốn sản xuất và vốn đầu tư với tăng trưởng và phát triển kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.3. Các yếu tố tác động đến cầu vốn đầu tư	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.4. Các nguồn hình thành vốn đầu tư	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
Chương 7. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3			3	6	
7.1. Khoa học và công nghệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
7.2. Đổi mới công nghệ với phát triển kinh tế	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
Chương 8. NGOẠI THƯƠNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4		1	5	10	
8.1. Lợi thế của hoạt động ngoại thương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.2. Chiến lược thay thế sản	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phẩm nhập khẩu						Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.3. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.4. Chiến lược hướng ra thị trường quốc tế	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	0	6	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: PES201
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, **Kinh tế vi mô**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19,5 tiết
 - Bài tập: 7,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 72 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: nắm được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.
- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như: (1) *Tổng quan về nguyên lý thống kê*: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê. (2). *Thu thập thông tin thống kê*: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu. (3). *Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê*: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê. (4). *Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng*: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng. (5). *Các phương pháp phân tích và dự báo biến động của hiện tượng thống kê*: giới thiệu các kiến thức phân tích thống kê, phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích và dự báo thống kê.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Mai Văn Nam (2008), *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Văn hóa thông tin.
2. Ngô Thị Thuận (2006), *Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Đại học Nông nghiệp
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hà Văn Sơn (2010), *Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế*, NXB Thống Kê
2. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB Thống Kê.
3. Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.
4. Tổng cục Thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	9	
1.1 Khái niệm về thống kê <i>1.1.1 Định nghĩa về thống kê</i> <i>1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê <i>1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i>						Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1

1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê <i>1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát</i> <i>1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất</i> <i>1.3.3 Chỉ tiêu thống kê</i> <i>1.3.4 Các loại thang đo</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê <i>1.4.1 Điều tra thống kê</i> <i>1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê</i> <i>1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê</i> 1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê	1			1	3	Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê <i>2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê</i> <i>2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC1, phần 1,
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê <i>2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê</i> <i>2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê</i> <i>2.2.3 Phương pháp thu thập thông tin thống kê</i> <i>2.2.4 Sai số trong thu thập thông tin thống kê</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC1, phần 1, Đọc TLC1, phần 3, chương 8. Đọc TLC 2, chương 2; 5
2.3 Phương pháp chọn mẫu <i>2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu</i> <i>2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên</i> <i>2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên</i> <i>2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu</i> <i>2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu</i>	0,5	0,5		1	4	Đọc TLC1, phần 1, Đọc TLC1, phần 3, chương 8. Đọc TLC 2, chương 2; 5
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	4	1,5	0,5	6	10	
3.1 Phân tổ thống kê	1	0,5	0,5	2	2	Đọc TLC1, phần 2,

3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê 3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê 3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê						chương 1. Độc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê 3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê 3.2.2 Phân loại bảng thống kê 3.2.3 Yêu cầu và qui ước xây dựng bảng thống kê 3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS	1,5	0,5		2	4	Độc TLC1, phần 2, chương 1. Độc TLC 2, chương 3 Độc TLC 3, chương 3
3.3 Đồ thị thống kê 3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê 3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê 3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê 3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS	1,5	0,5		2	4	Độc TLC1, phần 2, chương 1. Độc TLC 2, chương 3 Độc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	4,5	3,5		8	22	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh	0,5	0,5		1	3	Độc TLC1, phần 2, chương 2 Độc TLC 2, chương 4
4.1.1 Số tuyệt đối 4.1.2 Số tương đối						
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện điển hình 4.2.1 Số bình quân cộng 4.2.2 Số bình quân nhân 4.2.3 Trung vị 4.2.4 Mốt	1	1		2	6	Độc TLC1, phần 2, chương 1. Độc TLC 2, chương 3 Độc TLC 3, chương 3
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân 4.3.1 Khoảng biến thiên 4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân 4.3.3 Phương sai 4.3.4 Độ lệch chuẩn 4.3.5 Hệ số biến thiên	1,5	1		2,5	6	Độc TLC1, phần 2, chương 1. Độc TLC 2, chương 3 Độc TLC 3, chương 3
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS	0,5			0,5	1	Độc TLC1, phần 2, chương 1.

4.4.1 Mô tả dữ liệu <i>Frequencies</i> 4.4.2 Mô tả dữ liệu <i>Descriptives</i>						Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3
4.5 Chỉ số so sánh các mức độ của hiện tượng 4.5.1 Khái niệm về chỉ số 4.5.2 Hệ thống chỉ số 4.5.2.1 Chỉ số cá thể 4.5.2.2 Chỉ số tổng hợp	1	1		2	6	Đọc TLC1, phần 2, chương 1. Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 5. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	1,5	0,5	7	21	
5.1 Phương pháp phân tích thống kê 5.1.1 Khái niệm về phân tích thống kê 5.1.2 Các phương pháp chính sử dụng trong phân tích thống kê 5.1.2.1 Ước lượng khoảng tin cậy 5.1.2.2 Kiểm định giả thuyết thống kê 5.1.2.3 Phân tích phương sai 5.1.2.4 Phân tích tương quan và hồi quy 5.1.3 Ứng dụng SPSS trong phân tích thống kê	3	1		4	12	Đọc TLC1, phần 3, chương 4; 5; 6; 7 Đọc TLC 2, chương 6; 8 Đọc TLC 3, chương 4; 7; 8; 9
5.2 Phương pháp dự báo thống kê 5.2.1 Khái niệm về dự báo thống kê 5.2.2 Một số mô hình dự báo biến động của dãy số thời gian 5.2.2.1 Dự báo dựa vào lượng tăng giảm tuyệt đối trung bình 5.2.2.2 Dự báo dựa vào tốc độ phát triển trung bình 5.2.3 Ứng dụng SPSS trong dự báo thống kê	2	0,5	0,5	3	9	Đọc TLC1, phần 3, chương 4; 5; 6; 7 Đọc TLC 2, chương 6; 8 Đọc TLC 3, chương 4; 7; 8; 9
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19,5	7,5	3	30	72	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lý thuyết kế toán**
 - Tiếng Anh: **Principles of Accounting**
- Mã học phần: ACT202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long (2015), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
2. Võ Văn Nhị (2015), *Nguyên lý kế toán, lý thuyết và hệ thống bài tập*, NXB ĐH Kinh tế TP HCM.
3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thi Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và sử dụng tình huống.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN	2			2	4	
1.1. Khái niệm kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 1.
1.2. Phân loại kế toán 1.2.1. Theo mục đích cung cấp thông tin 1.2.2. Theo nguyên tắc ghi nhận thông tin						
1.3. Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán, nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị 1.3.1. Ý nghĩa của thông tin kế toán 1.3.2. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 1.
1.4. Các nguyên tắc kế toán và khái niệm chung được						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thừa nhận <i>1.4.1. Các khái niệm và giả định</i> <i>1.4.2. Các nguyên tắc kế toán</i>						
Chương 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN	2			2	4	
2.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán <i>2.1.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán</i> <i>2.1.2. Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp</i> <i>2.1.3. Tuần hoàn vốn kinh doanh</i> <i>2.1.4. Kết luận chung về đối tượng kế toán</i>					1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
2.2. Hệ thống phương pháp của kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
2.3. Chu trình kế toán					1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
Chương 3. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ	3			3	6	
3.1. Khái niệm và ý nghĩa chứng từ kế toán <i>3.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán</i> <i>3.1.2. Ý nghĩa của chứng từ kế toán</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3.
3.2. Phân loại chứng từ kế toán <i>3.2.1. Phân loại theo</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ng nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ</i> <i>3.2.2. Phân loại theo thời công dụng của chứng từ</i> <i>3.2.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ</i> <i>3.2.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ</i> <i>3.2.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trong chứng từ</i>						
3.3. Hệ thống bản chứng từ <i>3.3.1. Bản chứng từ</i> <i>3.3.2. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ</i> <i>3.3.3. Luân chuyển chứng từ</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3.
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	5	3		8	16	
4.1. Khái niệm và sự cần thiết của phương pháp tính giá <i>4.1.1. Khái niệm về phương pháp tính giá</i> <i>4.1.2. Sự cần thiết của phương pháp tính giá</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá <i>4.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá</i> <i>4.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá</i>						
4.3. Nội dung và trình tự	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tính giá tài sản mua vào <i>4.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào</i> <i>4.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào</i>						
4.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất <i>4.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất</i> <i>4.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.
4.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng cho sản xuất – kinh doanh <i>4.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i> <i>4.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4.
Chương 5. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN	4	2		6	12	
5.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản <i>5.1.1. Khái niệm và các yếu tố cấu thành</i> <i>5.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tài khoản						
5.2. Tài khoản kế toán 5.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản 5.2.2. Kết cấu các tài khoản cơ bản 5.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán						
5.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép 5.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản 5.3.2. Phương pháp ghi sổ kép	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5.
5.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích 5.4.1. Tài khoản tổng hợp 5.4.2. Tài khoản phân tích	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	3	1		4	8	
6.1. Sự cần thiết phải hình thành và những đặc trưng của hệ thống tài khoản kế toán 6.1.1. Sự cần thiết phải hình thành hệ thống tài khoản kế toán 6.1.2. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán					1	Đọc TLC 1, chương 6.
6.2. Phân loại tài khoản kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp thống nhất hiện hành <i>6.3.1. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp (Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC)</i> <i>6.3.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản</i> <i>6.3.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6.
Chương 7. PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI	3	1		4	8	
7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán <i>7.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp</i> <i>7.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp</i>					1	Đọc TLC 1, chương 5.
7.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán <i>7.2.1. Bảng cân đối kế toán</i> <i>7.2.2. Bảng cân đối thu, chi và kết quả</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5.
7.3. Quan hệ giữa phương pháp tổng hợp cân đối với các phương pháp khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.
Chương 8. KẾ TOÁN	4	5		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU						
8.1. Khái quát về quá trình kinh doanh và nhiệm vụ của kế toán <i>8.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh</i> <i>8.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh</i>					1	Đọc TLC 1, chương 8.
8.2. Kế toán quá trình cung cấp <i>8.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.2.2. Phương pháp kế toán quá trình cung cấp</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 8.
8.3. Kế toán quá trình sản xuất <i>8.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 8.
8.4. Kế toán quá trình tiêu thụ <i>8.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ</i> <i>8.4.3. Kế toán kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các doanh nghiệp</i>	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8.
Chương 9. SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN						
9.1. Sổ kế toán 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Các loại sổ kế toán 9.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán	1	1		2	3	Đọc TLC 1, chương 9.
9.2. Hình thức kế toán 9.2.1. Khái niệm 9.2.2. Các hình thức kế toán	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 9.
Chương 10. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN	2			2	4	
10.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung của tổ chức công tác kế toán 10.1.1. Khái niệm 10.1.2. Ý nghĩa 10.1.3. Nội dung của tổ chức công tác kế toán	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 10.
10.2. Phương pháp tổ chức công tác kế toán 10.2.1. Các phương pháp tổ chức công tác kế toán 10.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích định lượng**
 - Tiếng Anh: **Quantitative Analysis**
- Mã học phần: QNA203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 74 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong tiêu dùng. Đồng thời người học phải trình bày được kiến thức lý thuyết về phương pháp hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.
- *Về kỹ năng:* Thực hiện thành thạo việc lập mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng các toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể

là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược và chính sách qua các dự báo hiện tượng kinh tế xã hội.

Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic...nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nhận thức được tầm quan trọng của tính trung thực trong quá trình thu thập, phân tích số liệu; cũng như những kết luận, dự báo mang tính khoa học, khách quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến.

Chương 2. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu: Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn.

Chương 3. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn.

Chương 4. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), *Giáo trình Mô hình toán kinh tế*, NXB Tài chính.
2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. Lê Đình Thúy (2010), *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải.
2. TS Trần Đình Phụng (2013), *Ứng dụng các phương pháp định lượng trong kế toán quản trị*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, trên lớp...theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.
- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.
- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG	3			3	5	
1.1. Khái niệm phân tích định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Mục tiêu của nghiên cứu định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Phương pháp và các bước tiến hành 1.3.1. Các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích định lượng 1.3.2. Các bước tiến hành phân tích định lượng	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1, chương 1.
1.4. Các phần mềm ứng dụng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP	5	4	1	10	25	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỐI ƯU						
2.1. Khái niệm về mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế 2.1.1. Mô hình kinh tế 2.1.2. Mô hình toán kinh tế 2.1.3. Ứng dụng mô hình toán kinh tế trong nghiên cứu lựa chọn giải pháp tối ưu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 2, 3.
2.2. Toán cao cấp và một số ứng dụng 2.2.1. Cực trị của một hàm số 2.2.2. Đạo hàm riêng và tối ưu hóa nhiều biến 2.2.3. Tối ưu hóa bị ràng buộc	2	2		4	10	Đọc TLC 3, chương 2, 3.
2.3. Mô hình quy hoạch tuyến tính 2.3.1. Giới thiệu quy hoạch tuyến tính 2.3.2. Các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính 2.3.3. Phân tích độ nhạy cho bài toán quy hoạch tuyến tính và ứng dụng Solver	2	2	1	5	12	Đọc TLC 1, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. PHÂN TÍCH HỒI QUY	6	5		11	30	
3.1. Một số vấn đề cơ bản về phân tích hồi quy 3.1.1. Khái niệm phân tích hồi quy 3.1.2. Hồi quy tổng thể và hồi quy mẫu 3.1.3. Một số dạng hàm cơ bản trong phân tích hồi quy	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2, 3.
3.2. Mô hình hồi quy đơn biến 3.2.1. Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn biến 3.2.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất - OLS	3	2		5	13	Đọc TLC 2, chương 2, 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn của các hệ số hồi quy ước lượng 3.2.4. Ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê cho các hệ số hồi quy 3.2.5. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy 3.2.6. Dự báo bằng mô hình hồi quy tuyến tính dạng đơn						
3.3. Mô hình hồi quy đa biến 3.3.1. Giới thiệu về mô hình hồi quy đa biến 3.3.3. Ước lượng các tham số của mô hình hồi quy đa biến 3.3.3. Ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định cho các hệ số hồi quy 3.3.4. Hệ số xác định bội R^2 và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh 3.3.5. Kiểm định ý nghĩa của hàm hồi quy	2	3		5	14	Đọc TLC 2, chương 3.
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO ĐỊNH LƯỢNG	3	1		4	10	
4.1. Giới thiệu về phương pháp dự báo định lượng 4.1.1. Khái niệm dự báo định lượng 4.1.2. Quy trình dự báo định lượng 4.1.3. Các phương pháp dự báo định lượng	0,5			0,5	2	Đọc TLĐT 2, chương 4,5.
4.2. Dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian 4.2.1. Khái quát về dữ liệu chuỗi thời gian 4.2.2. Các phương pháp dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 2, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả <i>4.3.1. Khái niệm về phương pháp dự báo nhân quả</i> <i>4.3.2. Các phương pháp dự báo nhân quả</i>	1,5	0,5		2	5	Đọc TLĐT 2, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17	10	3	30	74	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**

Tiếng Anh: **Research Methods in Management and Business**

Mã học phần: RMMB203

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghệp ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết

Bài tập: 2,5 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Thời gian tự học: 78 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: nắm được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư

duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp

4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng và kết hợp linh hoạt các phương pháp như: Thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, phát vấn nhanh, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	4,5			4,5	10	
1.1 Nghiên cứu khoa học	2,5				5	Đọc TLC 1, chương 2; 3
1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học						Đọc TLC2, chương1
1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học				2,5		Đọc TLC3, chương1
1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học						
1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khoa học 1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học						Đọc TLĐT2, chương 1
1.2 Nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.1 Định nghĩa nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.2 Phân loại nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.4 Quy trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	2			2	5	Đọc TLC2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	2,5	0,5		3	9	
2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu 2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong quản lý và kinh doanh	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu 2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên	1,5	0,5		2	6	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu 3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu 3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu 3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu	3	0,5		3,5	10	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu 3.2.3 Xác định phương pháp luận nghiên cứu 3.2.4 Xây dựng khung logic nghiên cứu 3.2.5 Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu						Đọc TLC 2, chương 3; 4 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu 3.3.1 Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo 3.3.3 Xây dựng bảng hỏi	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 Chọn mẫu nghiên cứu 4.1.1 Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 4.1.2 Phương pháp chọn mẫu xác suất 4.1.3 Phương pháp chọn mẫu phi xác suất 4.1.4 Hạn chế của điều tra chọn mẫu	1,5			1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu 4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp 4.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	23	
5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu 5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu 5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu	2	1		3	9	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong quản lý và kinh doanh						Đọc TLĐT 2, chương 5	
5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4	
5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu						Đọc TLC 2, chương 6	
5.2.2 Phương pháp phân tích định tính						Đọc TLĐT 2, chương 5	
5.2.3 Phương pháp phân tích định lượng							
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4	
5.4.1 Trình bày dạng văn viết						Đọc TLC 2, chương 6	
5.4.2 Trình bày bảng						Đọc TLĐT 2, chương 5	
5.4.3 Trình bày hình							
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9		
6.1 Báo cáo nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5	
6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu						Đọc TLĐT 2, chương 6	
6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo nghiên cứu							
6.2 Đề cương nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5	
6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu						Đọc TLĐT 2, chương 6	
6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu							
6.3 Báo cáo khoa học	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5	
6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học						Đọc TLC 3, chương 10	
6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học							
Kiểm tra			1	1			
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	78		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP VỚI THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học ứng dụng**
 - Tiếng Anh: **Applied Informatics**
- Mã học phần: API202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 13 tiết
 - Bài tập, thực hành: 15 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm:
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần tin học ứng dụng, người học phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

+ *Về kỹ năng*

- Kỹ năng nhận thức: sử dụng thành thạo các lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, sắp xếp, phân tổ, phân tích số liệu, vào các công thức, hàm trong Excel và giải mô hình toán trên máy tính.

- Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý du lịch.
- Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác: thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- Kỹ năng tư duy: rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.
- + *Về đạo đức nghề nghiệp*
- Yêu thích học phần Tin học ứng dụng.
- Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước;
- Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, rèn luyện được đức tính cẩn thận trong công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tin học ứng dụng giới thiệu những vấn đề cơ bản về ứng dụng phần mềm Excel trong công tác tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu điều tra. Và một số hàm tài chính được ứng dụng để tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả của vốn đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 5 chương:

Chương 1. Mở đầu: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành du lịch, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành.

Chương 2. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Chương 3. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Chương 4. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bảo toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý.

Chương 5. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về crystal Ball và ứng dụng trong quản lý.

Chương 6. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), *Giáo trình tin học ứng dụng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Trần Công Nghiệp (2011), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, *Bài giảng Tin học ứng dụng*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2 Phan Hiếu Hiền (2001), *Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu*, Nhà xuất bản nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

3 Website: Hossein Arsham, *Statistical Data Analysis, Prove it with Data*, <http://ubmail.ubalt.edu/harsham/stat-data/ope330.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập, thực hành và tự nghiên cứu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. MỞ ĐẦU	2				2	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1 Mục đích, ý nghĩa của tin học chuyên ngành 1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về tin học 1.1.2 Ý nghĩa của tin học chuyên ngành	0,75				0,75		Đọc TLC 1 chương 1 Mục 1.1
1.2 Khả năng ứng dụng của tin học chuyên ngành 1.2.1 Nhu cầu ứng dụng tin học chuyên ngành 1.2.2 Các chương trình ứng dụng	0,75				0,75		Đọc TLC 1 chương 1 Mục 1.2
1.3 Đối tượng và phạm vi của tin học chuyên ngành 1.3.1 Đối tượng 1.3.2 Phạm vi ứng dụng	0,5				0,5		Đọc TLC 1 chương 1 Mục 1.3
Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH EXCEL ỨNG DỤNG TRONG CHUYÊN NGÀNH	2			2	4,0	15	
2.1 Giới thiệu chung về chương trình Excel 2.1.1 Cấu tạo 2.1.2 Tác dụng	0,25				0,25		Đọc TLC 1 chương 1 Mục 1.2 Đọc TLC 2 chương 2 Mục 2.1
2.2 Cách nhập, xoá, sửa số liệu 2. 2.1 Cách nhập thông tin 2.2.2 Cách xoá và sửa chữa	0,5				1,0		Đọc TLC 1 chương 2 Mục 2.2 Đọc TLĐT 1 chương 2 Mục 2.2,2.3
2.3 Sử dụng các lệnh trong Excel 2.3.1 Các lệnh sắp xếp tài liệu 2.3.2 Các lệnh phân tổ tài liệu 2.3.3 Các lệnh phân tích tài liệu	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 2 Mục 2.3 Đọc TLĐT 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							chương 2 Mục 2.4
2.4 Cách vào các công thức và hàm trong Excel 2.4.1 Các hàm thống kê 2.4.2 Các hàm tài chính 2.4.3 Các hàm phân tích khác	0,5			0,5	1,5		Đọc TLC 1 chương 2 Mục 2.2 Đọc TLC 2 chương 2 Mục 2.3 Đọc TLC 3 chương 2 Mục 2.3
2.5 Đồ thị và biểu đồ trong Excel	0,25			0,5	0,75		
Chương 3. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	3			3	6	15	
3.1 Khấu hao tài sản cố định	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Mục 3.1 Đọc TLC 2 chương 3 Mục 3.1
3.2 Phân tích hiệu quả vốn đầu tư	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Mục 3.2 Đọc TLC 3 chương 3 Mục 3.1
3.3 Đầu tư chứng khoán	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Mục 3.3 Đọc TLC 2 chương 3 Mục 3.3
Chương 4. CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO - LẬP KẾ	3	0	1	4	8	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HOẠCH KINH DOANH VÀ BÀI TOÁN ĐIỂM HÒA VỐN							
4.1 Dự báo kinh tế 4.1.1 Ý nghĩa của dự báo kinh tế 4.1.2 Phương pháp dự báo kinh tế	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 4 Mục 4.1 Đọc TLC 2 chương 4 Mục 4.1
4.2 Phân tích tương quan 4.2.1 Nhập tài liệu 4.2.2 Chọn lệnh và chạy mô hình 4.2.3 Đọc và phân tích lời giải 4.2.4 Hàm CORREL 4.2.5 Hàm COVAR 4.2.6 Hàm LINEST 4.2.7 Sử dụng chức năng Regression để tính hồi quy và dự báo.	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 4 Mục 4.2 Đọc TLC 3 chương 4 Mục 4.1 Đọc TLĐT 1 chương 4 Mục 4.3,4.4
4.3 Tìm kiếm mục tiêu với Goal Seek 4.3.1 Bài toán tìm mục tiêu 4.3.2 Bài toán tìm điểm giao giữa đường cung và cầu	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 4 Mục 4.3 Đọc TLĐT 1 chương 4 Mục 4.5
4.4. Bài Toán điểm hòa vốn	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 4 Mục 4.4 Đọc TLC 2 chương 5 Mục 5.5
Kiểm tra			1,0		1,0		
Chương 5. PHÂN TÍCH RỦI RO TRONG KINH DOANH BẢNG CRYSTAL BALL	2			3	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.1 Cài đặt Crystal Ball vào môi trường Excel	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.1 Đọc TLC 2 chương 6 Mục 6.1
5.2 Khai báo biến giả thiết, biến kết quả	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.2 Đọc TLC 2 chương 2 Mục 6.2
5.3 Chạy mô phỏng	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.3 Đọc TLC 2 chương 2 Mục 6.3
5.4 Xem kết quả chạy được	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.4
5.5 Lập báo cáo và phân tích	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.5 Đọc TLC 2 chương 6 Mục 6.5 Đọc TLC 3 chương 6 Mục 6.3
5.6 Chạy lại bài toán với các biến giả thiết và biến kết quả mới	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.6
Chương 6. GIẢI BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	3		1	3	7	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.1 Cách lập bài toán tối ưu 6.1.1 Những bài toán tối ưu trong kinh tế 6.1.2 Mô hình tổng quát	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 6 Mục 6.1 Đọc TLC 3 chương 5 Mục 5.1 Đọc TLĐT 1 chương 5 Mục 5.5
6.2 Giải bài toán bằng Solver 6.2.1 Cách nhập số liệu 6.2.2 Cách xoá, sửa số liệu 6.2.3 Chạy mô hình 6.2.4 Đọc và phân tích lời giải	2			2,0	4,0		Đọc TLC 1 chương 6 Mục 6.1 Đọc TLC 3 chương 5 Mục 5.2 Đọc TLĐT 1 chương 5 Mục 5.6
Kiểm tra			1,0		1,0		
Cộng	13	0	2	15	30	65	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị học**
 - Tiếng Anh: **Management**
- Mã học phần: MNT101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Bùi Văn Danh (2011), *Quản trị học – Bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), *Giáo trình quản trị học*, NXB Văn hóa nghệ thuật

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	4			4	8	
1.1. Bản chất của quản trị 1.1.1. Khái niệm quản trị 1.1.2. Vai trò của quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2.Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.4.Quản trị theo mục tiêu 1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu 1.4.2.Vai trò của quản trị theo mục tiêu 1.4.3.Quá trình quản trị theo mục tiêu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.5. Nhà quản trị	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.1. Khái niệm nhà quản trị 1.5.2. Vai trò của nhà quản trị 1.5.3. Cấp bậc của quản trị 1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quan trị						Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	4			4	8	
2.1. Trường phái quản trị cổ điển 2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại 2.1.2. Trường phái quản trị khoa học 2.1.3. Trường phái quản trị hành chính	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2 Độc TLC 3, chương 2
2.2.Trường phái quản trị hành vi 2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker 2.2.2. Lý thuyết về bản chất con người của Douglas Mc Gregor 2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo 2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2 Độc TLC 3, chương 2
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2 Độc TLC 3, chương 2
2.4. Học thuyết quản trị hiện đại	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z 2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị						Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	4	1		5	10	
3.1. Khái niệm môi trường quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3
3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	4			4	8	
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1.Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2.Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị 4.3.1. Nội dung thông tin quản trị 4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin 4.4.1. Phương pháp thu thập 4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin 4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	5			5	10	
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị 5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định 5.1.2. Vai trò của ra quyết định	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định 5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định 5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Nội dung và hình thức ra	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quyết định 5.3.1. Nội dung của việc ra quyết đình 5.3.2. Hình thức của việc ra quyết đình						Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
5.4. Quá trình ra quyết định 5.4.1. Quá trình ra quyết định 5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	4	1		5	10	
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định 6.1.1. Khái niệm hoạch định 6.1.2. Vai trò của hoạch định	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 6
6.2. Phân loại hoạch định 6.2.1. Hoạch định chiến lược 6.2.2. Hoạch định chiến thuật 6.2.3. Hoạch định tác nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 6
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 6
Chương 7. TỔ CHỨC	5	1		6	12	
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức 7.1.1. Khái niệm tổ chức 7.1.2. Vai trò tổ chức	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.2. Cơ cấu tổ chức 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức 7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức 7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức						
7.3. Phân quyền trong quản trị 7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan 7.3.2. Quá trình ủy quyền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.4. Tầm hạn quản trị 7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị 7.4.2. Phân loại 7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
Chương 8. LÃNH ĐẠO	4	2		6	12	
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.1.1. Khái niệm lãnh đạo 8.1.2. Vai trò của lãnh đạo						7,8 Đọc TLC 3, chương 8
8.2. Các phong cách lãnh đạo 8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực 8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 7,8 Đọc TLC 3, chương 8
8.3. Động cơ thúc đẩy 8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy 8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy 8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 7,8 Đọc TLC 3, chương 8
8.4. Các phương pháp lãnh đạo 8.4.1. Phương pháp giáo dục 8.4.2. Các phương pháp hành chính 8.4.3. Các phương pháp kinh tế 8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 7,8 Đọc TLC 3, chương 8
Chương 9. KIỂM TRA	2	2		4	8	
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị 9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị 9.1.2. Vai trò của kiểm tra	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong quản trị						
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 1, chương 9
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing căn bản**
 - Tiếng Anh: **Basic marketing**
- Mã học phần: BMA 202
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học: Bachelor
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường

mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động Marketing có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những chiến lược về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác marketing trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu quá trình làm sao có thể đưa hàng hóa từ doanh nghiệp đến khách hàng, làm sao có thể thỏa mãn tối đa được nhu cầu của khách hàng. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Minh Cách (2008), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Tài chính.
2. Trần Minh Đạo (2012), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phillip Kotler (2008), *Marketing management*, McGraw Hills Publishing Inc.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING	2			2	4	
1.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing <i>1.1.1. Marketing cổ điển</i> <i>1.1.2. Marketing hiện đại</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.2. Một số khái niệm cơ bản của Marketing <i>1.2.1. Nhu cầu</i> <i>1.2.2. Mong muốn</i> <i>1.2.3. Yêu cầu tiêu dung</i> <i>1.2.4. Hàng hóa</i> <i>1.2,5. Trao đổi</i> <i>1.2.6. Thị trường</i> <i>1.2.7. Marketing</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.3. Những định hướng phát triển của Marketing <i>1.3.1. Quan điểm tập trung vào sản xuất</i> <i>1.3.2. Quan điểm tập trung vào hoàn thiện sản phẩm</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.3. Quan điểm tập trung vào bán hàng 1.3.4 .Quan điểm Marketing 1.3,5 Quan điểm marketing đạo đức xã hội						
1.4 Phân loại Marketing 1.4.1 Căn cứ vào hình thái vật chất của quá trình trao đổi 1.4.2 Căn cứ vào phạm vi ứng dụng 1.5 Chức năng và vai trò của Marketing 1.5.1 Chức năng của Marketing 1.5.2 Vai trò của Marketing	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
Chương 2.MÔI TRƯỜNG MARKETING	2			2	4	
2.1. Khái quát về môi trường Marketing 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu môi trường kinh doanh 2.1.3. Phân loại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 2
2.2. Môi trường Marketing vĩ mô 2.2.1. Môi trường kinh tế 2.2.2. Môi trường văn hóa xã hội 2.2.3. Môi trường nhân khẩu học 2.2.4. Môi trường tự nhiên 2.2.5. Môi trường khoa học, công nghệ 2.2.6. Môi trường chính trị pháp luật	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
2.3. Môi trường Marketing vi mô 2.3.1. Nhà cung ứng 2.3.2. Đối thủ cạnh tranh 2.3.3. Các trung gian marketing 2.3.4. Khách hàng	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.5. Giới công chúng 2.3.6. Doanh nghiệp						
Chương 3.PHÂN ĐOẠN VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU – ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG	3			3	6	
3.1. Phân đoạn thị trường 3.1.1. Khái niệm, vai trò của phân đoạn thị trường 3.1.2. Các tiêu thức phân đoạn thị trường 3.1.3. Yêu cầu đối với việc phân đoạn thị trường 3.1.4. Tiến trình phân đoạn thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 3
3.2. Thị trường mục tiêu 3.2.1. Khái niệm thị trường mục tiêu 3.2.2. Các yêu cầu đối với thị trường mục tiêu 3.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 3
3.3. Định vị 3.3.1. Khái niệm định vị 3.3.2. Phân loại định vị 3.3.3. Định vị thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 3
Chương 4. HÀNH VI KHÁCH HÀNG	3			3	6	
4.1. Khái niệm, phân loại hành vi khách hàng 4.1.1. Khái niệm hành vi khách hàng 4.1.2. Phân loại hành vi khách hàng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2 chương 4
4.2. Hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.1. Khái niệm hành vi mua của	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, 2 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>người tiêu dùng</i> 4.2.2. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.4. Quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng						
4.3. Hành vi của tổ chức 4.3.1. Khái niệm hành vi mua của tổ chức 4.3.2. Hành vi mua của doanh nghiệp sản xuất 4.3.3. Hành vi mua của doanh nghiệp thương mại 4.3.4. Hành vi mua của các tổ chức phi lợi nhuận (cơ quan Nhà nước, tổ chức chính quyền,...)	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. CHÍNH SÁCH SẢN PHẨM	3	1		4	8	
5.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 5.1.1. Khái niệm và vai trò của sản phẩm 5.1.2. Phân loại sản phẩm 5.1.3. Chu kỳ sống của sản phẩm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.2 Chính sách sản phẩm 5.2.1 Quyết định về nhãn hiệu 5.2.2. Quyết định về bao bì sản phẩm 5.2.3. Quyết định về dịch vụ hỗ trợ sản phẩm 5.2.4. Quyết định về phát triển sản phẩm mới 5.2.5. Quyết định về chủng loại sản phẩm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 6. CHÍNH SÁCH GIÁ	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CỦA SẢN PHẨM						
6.1. Giá và chính sách giá 6.1.1. Giá 6.1.2. Chính sách giá	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến định giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6
6.3. Quy trình định giá 6.3.1. Xác định mục tiêu định giá 6.3.2. Xác định cầu của thị trường mục tiêu 6.3.3. Xác định chi phí cho một đơn vị sản phẩm 6.3.4. Phân tích chi phí, giá cả và sản phẩm cạnh tranh 6.3.5. Chọn phương pháp định giá 6.3.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 7: CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM	3	1		4	8	
7.1. Khái niệm và vai trò của phân phối 7.1.1. Khái niệm phân phối 7.1.2. Vai trò của phân phối	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7
7.2. Kênh phân phối 7.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của kênh phân phối 7.2.2. Cấu trúc kênh phân phối 7.2.3. Các trung gian phân phối	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7
7.3 Lựa chọn kênh phân phối 7.3.1. Căn cứ lựa chọn 7.3.2. Một số phương thức phân	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phối</i>						
Chương 8. CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN	3	1		4	8	
8.1. Khái niệm và vai trò của xúc tiến <i>8.1.1. Khái niệm xúc tiến</i> <i>8.1.2. Vai trò của xúc tiến</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
8.2. Các công cụ xúc tiến <i>8.2.1. Quảng cáo</i> <i>8.2.2. Quan hệ công chúng</i> <i>8.2.3. Khuyến mại</i> <i>8.2.4. Bán hàng cá nhân</i> <i>8.2,5. Marketing trực tiếp</i>	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 9. MARKETING DỊCH VỤ	2			2	4	Đọc TLC 1, 3, chương 9
9.1. Bản chất và phân loại dịch vụ <i>9.1.1. Khái niệm và đặc trưng của dịch vụ</i> <i>9.1.2. Phân loại dịch vụ</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 3, chương 9
9.2 Marketing dịch vụ <i>9.2.1. Vai trò và đặc điểm của Marketing dịch vụ</i> <i>9.2.2. Những vấn đề căn bản của quản trị Marketing dịch vụ</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, 3, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**
 - Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**
- Mã học phần: FIMO202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản trị du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học nắm được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ

và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.

2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.

3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.
2. Dương Thị Bình Minh, Sử Đình Thành (2010), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.
3. Nguyễn Hòa Nhân, PGS.TS Lâm Chí Dũng, TS. Hồ Hữu Tiến, ThS. Võ Văn Vang, ThS. Trịnh Thị Trinh, ThS. Đặng Tùng Lâm (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.
4. Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: Phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập và thảo luận nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	2			2	4	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ <i>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ</i> <i>1.1.2. Bản chất của tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Các chức năng của tiền tệ 1.2.1. Chức năng đơn vị định giá 1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi 1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.3. Các khối tiền tệ 1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông 1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.4. Cung và cầu tiền tệ 1.4.1. Cầu tiền tệ 1.4.2. Cung tiền cho lưu thông	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính 1.5.1. Khái niệm tài chính 1.5.2. Các chức năng của tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.6. Hệ thống tài chính 1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính 1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	2	1		3	6	
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng 2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng 2.1.2. Khái niệm tín dụng 2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong	1			1	2	Đọc TLC1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nền kinh tế thị trường</i> <i>2.1.4. Phân loại tín dụng</i>						
2.2. Các hình thức tín dụng <i>2.2.1. Tín dụng thương mại</i> <i>2.2.2. Tín dụng Nhà nước</i> <i>2.2.3. Tín dụng ngân hàng</i>						Đọc TLC1, chương 2.
2.3. Vai trò của tín dụng <i>2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển</i> <i>2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước</i> <i>2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông</i> <i>2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư</i>						Đọc TLC1, chương 2.
2.4. Các chức năng của tín dụng <i>2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả</i> <i>2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền</i>	1	1		2	4	Đọc TLC1, chương 2.
2.5. Lãi suất tín dụng <i>2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng</i> <i>2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng</i>						Đọc TLC1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng						
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2			2	4	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3.
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước 3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3.
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước 3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3.
3.4. Cân đối ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3.
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách 3.5.3. Nguyên tắc phân						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cấp quản lý ngân sách</i>						
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	2	1	6	12	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp <i>4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</i> <i>4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4.
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp <i>4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh</i> <i>4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh</i>						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4.
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp <i>4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm</i> <i>4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp</i>						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4.
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp <i>4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp</i> <i>4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	3			3	6	
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5.
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính <i>5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu</i>						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp 5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung						
5.3. Công cụ của thị trường tài chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5.
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính 5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5.
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5.
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian						
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian 6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi 6.2.2. Các công ty tài chính 6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng 6.2.4. Các trung gian đầu tư	1			1	2	Đọc TLC1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6.
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2			2	4	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8.
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại 7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại 7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8.
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại 7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng 7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán 7.3.3. Chức năng tạo tiền						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8.
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.4.3. Các hoạt động khác						
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	3			3	6	
8.1. Ngân hàng Trung ương 8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương 8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương 8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10.
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương 8.2.1. Định nghĩa 8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ 8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ 8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10.
Chương 9. LẠM PHÁT	3		2	5	10	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Phân loại lạm phát	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12.
9.2. Nguyên nhân của lạm phát 9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng 9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng 9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định						Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12.
9.3. Tác động của lạm phát	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đến phát triển kinh tế xã hội <i>9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải</i> <i>9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát</i>						Đọc TLC 3, chương 12.
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát <i>9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu</i> <i>9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung</i> <i>9.4.3. Cải cách tiền tệ</i>						Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12.
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế <i>10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17,18,19; Đọc TLC 3, chương 11.
10.2. Tỷ giá hối đoái <i>10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái</i> <i>10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</i>						Đọc TLC 2, chương 17,18,19; Đọc TLC 3, chương 11.
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17,18,19;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quốc tế thông dụng 10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế 10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế						Đọc TLC 3, chương 11.
10.4. Tín dụng quốc tế 10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế 10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế						Đọc TLC 2, chương 17,18,19; Đọc TLC 3, chương 11.
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tổng quan du lịch**
 - Tiếng Anh: **Overview of tourism**
- Mã học phần: OVT101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản liên quan tới lĩnh vực du lịch, đặc điểm của du lịch cũng như sự phát triển của ngành du lịch, và vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, học phần còn bổ sung những kiến thức liên quan đến quản trị và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong tương lai.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về Hoạt động du lịch và khoa học du lịch; quá trình hình thành và phát triển của ngành du lịch thế giới và Việt Nam; các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch; mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác; tính thời vụ, đặc điểm và biện pháp khắc phục tính thời vụ du lịch; nhiệm vụ và vai trò của người làm du lịch...
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào việc thực hiện các nghiệp vụ du lịch như: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, quản lý nhân sự trong du lịch, làm chủ tính thời vụ trong du lịch, quy hoạch du lịch...
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học nắm bắt được một cách tổng quan về các nội dung của hoạt động kinh doanh du lịch từ đó giúp nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn..
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: các khái niệm cơ bản, phương pháp và thực tiễn về du lịch; cung cấp các kiến thức chung, cơ bản về ngành du lịch và khách sạn của Việt nam và bối cảnh quốc tế bao gồm sự phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng của hệ thống du lịch và các thành phần có liên quan. Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các ảnh hưởng về kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường đến công nghiệp du lịch, hướng giải quyết những vấn nạn do phát triển du lịch gây ra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động – Xã hội
3. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Đình Quang, Trần Thị Thúy Lan (2013), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DU LỊCH	5	2		7	14	
1.1. Một số khái niệm về du lịch 1.1.1. Các quan niệm về du lịch 1.1.2. Khách du lịch 1.1.3. Hoạt động du lịch và ngành du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.4. Tài nguyên du lịch						
1.2. Các bộ phận cấu thành của hoạt động du lịch 1.2.1. Hoạt động vận chuyển du lịch 1.2.2. Hoạt động lưu trú 1.2.3. Hoạt động ăn uống 1.2.4. Hoạt động giải trí 1.2.5. Lữ hành và các hoạt động trung gian	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
1.3. Sự hình thành và phát triển ngành du lịch 1.3.1. Cơ sở hình thành ngành du lịch 1.3.2. Các điều kiện phát triển ngành du lịch 1.3.3. Lịch sử phát triển ngành du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 3
1.4. Các tổ chức du lịch 1.4.1. Một số tổ chức du lịch trên thế giới 1.4.5. Một số tổ chức du lịch tại Việt Nam	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. ĐỘNG CƠ VÀ LOẠI HÌNH DU LỊCH	6	2		8	16	
2.1. Động cơ du lịch 2.1.1. Lý do đi du lịch 2.1.2. Lý do cản trở đi du lịch 2.1.3. Động cơ du lịch 2.1.4. Những điều kiện hình thành nhu cầu du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Loại hình du lịch <i>2.2.1 Khái niệm loại hình du lịch</i> <i>2.2.2. Các loại hình du lịch theo mục đích chuyến đi</i> <i>2.2.3. Các loại hình du lịch theo phạm vi lãnh thổ</i> <i>2.2.4. Các loại hình du lịch theo việc sử dụng phương tiện vận chuyển của khách du lịch</i> <i>2.2.5. Sự biến đổi của các loại hình du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 3
2.3. Sản phẩm du lịch <i>2.3.1. Khái niệm sản phẩm du lịch</i> <i>2.3.2. Các bộ phận hợp thành sản phẩm du lịch</i> <i>2.3.3. Đặc trưng cơ bản của sản phẩm du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 4
Chương 3. TÍNH THỜI VỤ TRONG DU LỊCH	6	2		8	16	
3.1.Những vấn đề cơ bản về thời vụ trong du lịch <i>3.1.1 Khái niệm về thời vụ trong du lịch</i> <i>3.1.2 Các đặc điểm của thời vụ du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
3.2. Các nhân tố tác động đến thời vụ trong du lịch <i>3.2.1. Nhân tố mang tính tự</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhiên 3.2.2. Nhân tố mang tính kinh tế - xã hội 3.2.3. Nhân tố mang tính tổ chức – kỹ thuật 3.2.4. Các nhân tố khác						
3.3. Một số biện pháp giảm sự tác động bất lợi của tình thời vụ du lịch 3.4.1. Các tác động bất lợi của thời vụ du lịch 3.4.2. Phương hướng và biện pháp chính làm giảm những tác động bất lợi do tính thời vụ trong du lịch mang lại	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	5	2		7	14	
4.1. Những vấn đề cơ bản về điểm đến du lịch 4.1.1. Quan niệm về điểm đến du lịch 4.1.2. Đặc điểm chung của điểm đến du lịch 4.1.3 Các yếu tố cấu thành của một điểm đến du lịch 4.1.4. Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật 4.1.5. Chu kỳ phát triển của điểm đến du lịch 4.1.6. Sức chứa của điểm đến	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 11 Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
du lịch						
4.2. Điểm hấp dẫn du lịch 4.2.1. Quan niệm về điểm hấp dẫn 4.2.2. Các loại điểm hấp dẫn 4.2.3. Phân loại các điểm đến hấp dẫn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 11 Đọc TLC 2, chương 3
Chương 5. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA – XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	5	1		6	12	
5.1. Tác động về kinh tế 5.1.1. Quan niệm về tác động kinh tế 5.1.2. Các lợi ích về kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 8
5.2. Tác động về văn hóa – xã hội 5.2.1. Quan niệm về tác động văn hóa – xã hội 5.2.2. Các hậu quả xã hội chủ yếu 5.2.3. Các tác động văn hóa	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 8
5.3. Tác động về môi trường 5.3.1. Quan niệm về tác động của môi trường 5.3.2. Tác động của du lịch đến môi trường thành thị 5.3.3. Tác động của du lịch đến môi trường nông thôn 5.3.4. Ảnh hưởng của du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đại chúng						
Chương 6. QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	5	2		7	14	
6.1. Quy hoạch du lịch 6.1.1. Các cách tiếp cận quy hoạch du lịch 6.1.2. Tầm quan trọng của quy hoạch du lịch 6.1.3. Tiến trình quy hoạch du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 10
6.2. Phát triển du lịch 6.2.1. Xu hướng phát triển du lịch 6.2.2. Dự án phát triển du lịch 6.2.3. Vai trò của Nhà nước và Doanh nghiệp trong phát triển du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 10 Đọc TLC 2, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về du lịch**
 - Tiếng Anh: **State management of tourism**
- Mã học phần: SMT202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch.
- *Về kỹ năng*:

- + *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.
- + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.
- + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản lý nhà nước về du lịch.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản lý nhà nước về du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Đỗ Văn Phúc (2009), *Quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách khoa – Hà Nội.
3. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2009), *Giáo trình quản lý nhà nước về đất đai*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Trần Thị Thúy Loan, Nguyễn Đình Quang (2013), *Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4. Võ Kim Sơn, (2012), *Giáo trình quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2010), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	6			6	12	
1.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước 1.1.1. Một số khái niệm 1.1.2. Bản chất của quản lý nhà nước 1.1.3. Đặc điểm của quản lý	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhà nước</i> <i>1.1.4. Chức năng của quản lý nhà nước</i> <i>1.1.5. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước</i> <i>1.1.6. Các công cụ quản lý hành chính nhà nước</i>						
1.2. Một số vấn đề quản lý nhà nước về du lịch <i>1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch</i> <i>1.2.2. Vai trò quản lý nhà nước về du lịch</i> <i>1.2.3. Đối tượng quản lý nhà nước về du lịch</i> <i>1.2.4. Chức năng quản lý nhà nước về du lịch</i> <i>1.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch</i>	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	7			7	14	
2.1. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về du lịch <i>2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngành du lịch</i> <i>2.1.2. Công tác quản lý nhà nước về du lịch từ khi thành lập đến nay</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch <i>2.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lịch. 2.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	11	4		15	30	
3.1. Quản lý quy hoạch phát triển du lịch 3.1.1. Các loại quy hoạch phát triển du lịch 3.1.2. Nguyên tắc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch 3.1.3. Nội dung quy hoạch phát triển du lịch 3.1.4. Thẩm quyền lập, phê duyệt, quyết định quy hoạch phát triển du lịch 3.1.5. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, phần 2
3.2. Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch 3.2.1. Quản lý khu du lịch 3.2.2. Quản lý điểm du lịch 3.2.3. Quản lý tuyến du lịch 3.2.4. Quản lý đô thị du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Quản lý kinh doanh du lịch 3.3.1. Quy định chung về kinh doanh du lịch 3.3.2. Kinh doanh lữ hành 3.3.3. Kinh doanh vận chuyển	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khách du lịch 3.3.4. Kinh doanh lưu trú du lịch 3.3.5. Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch 3.3.6. Kinh doanh dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch						
3.4. Quản lý hướng dẫn du lịch 3.4.1. Khái niệm hướng dẫn viên du lịch 3.4.2. Quản lý hướng dẫn viên du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.5. Xúc tiến du lịch 3.5.1. Nội dung xúc tiến du lịch 3.5.2. Chính sách xúc tiến du lịch 3.5.3. Hoạt động xúc tiến du lịch của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch 3.5.4. Hoạt động xúc tiến du lịch của doanh nghiệp du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.6. Hợp tác quốc tế về du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
3.7. Thanh tra, kiểm tra du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị doanh nghiệp du lịch**
 - Tiếng Anh: **Management of travel Agency**
- Mã học phần: MTA202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi nghiên cứu học phần quản trị doanh nghiệp du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, môn học giúp người học đi sâu vào tìm hiểu về hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như: nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch và các resort.

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần thương mại điện tử, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị doanh nghiệp du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch như: tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp du lịch như: nhân sự, marketing, tài chính...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), *The management of Tourism*, SAGE Publications
3. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn*, NXB Phương Đông

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động-xã hội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP DU LỊCH	4			4	8	
1.1 . Doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phân loại doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4
1.2. Quản trị doanh nghiệp 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Các chức năng quản trị doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4
1.3. Quản trị doanh nghiệp du lịch 1.3.1. Khái niệm và vai trò của quản trị doanh nghiệp du lịch. 1.3.2. Phân loại doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
du lịch						
1.3.3. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp du lịch						
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHÀ HÀNG	5	2		7	14	
2.1. Nhà hàng và kinh doanh nhà hàng . 2.1.1 Khái niệm và phân loại nhà hàng 2.1.2 Khái niệm và đặc điểm kinh doanh nhà hàng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
2.2. Nội dung quản trị hoạt động kinh doanh của nhà hàng . 2.2.1 Quản trị nghiên cứu nhu cầu khách hàng 2.2.2 Quản trị lập kế hoạch thực đơn 2.2.3 Quản trị hậu cần kinh doanh 2.2.4 Quản trị sản xuất phục vụ khách hàng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
2.3. Quản lý điều hành hoạt động kinh doanh. 2.3.1 Quản lý thông tin 2.3.2 Quản trị nhân lực 2.3.3 Quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ 2.3.4 Quản lý giá cả sản phẩm dịch vụ	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ	4.5	2		6.5	13	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA KHÁCH SẠN						
3.1. Khách sạn và kinh doanh khách sạn. <i>3.1.1 Khách sạn và phân loại khách sạn</i> <i>3.1.2 Các hoạt động kinh doanh khách sạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,2
3.2. Nội dung quản trị hoạt động kinh doanh của khách sạn. <i>3.2.1 Quản trị hoạt động kinh doanh lưu trú</i> <i>3.2.2 Quản trị hoạt động kinh doanh ăn uống</i> <i>3.2.3 Quản trị hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung</i>	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 4,5
3.3. Quản lý điều hành khách sạn. <i>3.3.1 Quản lý thông tin</i> <i>3.3.2 Quản trị nhân lực</i> <i>3.3.3 Quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ</i> <i>3.3.4 Quản lý giá cả sản phẩm dịch vụ</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3,6,7,8
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH VÀ ĐẠI LÝ DU LỊCH	4.5	2		6.5	13	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Doanh nghiệp lữ hành. <i>4.1.1 Khái niệm và vai trò của doanh nghiệp lữ hành</i> <i>4.1.2 Đặc điểm của doanh nghiệp lữ hành</i> <i>4.1.3 Phân loại doanh nghiệp lữ hành</i>	1.5			1.5	3	Đọc TL 2, chương 6
4.2. Đại lý du lịch <i>4.2.1 Khái niệm và đặc điểm của đại lý du lịch</i> <i>4.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của đại lý du lịch</i>	1			1	2	Đọc TL 2, chương 6
4.3. Quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành và đại lý du lịch <i>4.3.1 Quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành</i> <i>4.3.2 Quản trị hoạt động kinh doanh của đại lý du lịch</i>	2	2		4	8	Đọc TL 2, chương 7, 8, 9, 10
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA RESORT	4			4	8	
5.1. Tổng quan về resort và kinh doanh resort <i>5.1.1 Khái niệm</i> <i>5.1.2 Phân loại resort</i> <i>5.1.3 Đặc điểm của kinh doanh resort</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
5.2. Nội dung cơ bản quản trị hoạt động kinh doanh của resort	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5,6,7,8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1 Quản trị hoạt động chào bán sản phẩm 5.2.2 Quản trị quá trình tổ chức cung ứng phục vụ khách hàng						
5.3. Quản trị hoạt động điều hành resort 5.3.1 Bộ máy tổ chức điều hành resort 5.3.2 Nội dung quản trị hoạt động điều hành resort	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

DETAILED COURSE SYLLABUS
THEORY

1. Course information

- Course title:
 - Vietnamese: **Quản trị doanh nghiệp du lịch**
 - English: **Management of travel agency**
- Course code: MTA202
- Course credit value: 02 credits
- Objective learners: University students, Management of Tourism and Travel service
- The position of the module in the training program:

General education knowledge □		Professional education knowledge ☒				Internship and thesis □
		Foundation knowledge of the major □		Knowledge of the major ☒		
Compulsory □	Optional □	Compulsory □	Optional □	Compulsory ☒	Optional □	

- Prerequisites: Overview of tourism, Management
- Total periods: 30 periods
 - Theories : 22 periods
 - Exercises : 06 periods
 - Tests : 02 periods
- Self-study: 60 hours
- Department in charge of the course: Tourism Administration Division, Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- Knowledge: After studying the management of travel agency module, the student can present the basic knowledge as an overview of corporate tourism management. In addition, the course helps learners to get insights into the business administration of some typical types of businesses such as restaurants, hotels, travel agents, and resorts.
- Skills:

- + *Cognitive skill*: Able to analyze the basic issues of managing operations in travel agency.
- + *Professional skill*: Able to apply the knowledge learned in the management of the travel sector after graduation.
- + *Team work skill*: Through discussion and practice hours, students can practice the skills of working in-group and cooperate with others.
- + *Thinking skill*: To be able to propose solutions in order to help travel enterprises analyze and synthesize problems in corporate governance in the field of tourism.

3. Course description

The module Management of Travel agency researches issues related to the management of enterprises in the field of tourism such as: overview of tourism business management, business management of tourism enterprises such as: restaurants, hotels, tour operators, travel agents, and resorts.

4. Course materials

4.1. Main materials (MM):

4. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2008), *Hotel Management*, National Economics Publications.
5. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), *The management of Tourism*, SAGE Publications.
6. Son Hong Duc (2012), *Resort management: theory and practice*, Phuong Dong Publications.

4.2. Further materials:

1. . Tran Thi Mai (2008), *Overview of tourism*, LD-XH Publication.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- Group work method

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

- One mark with coefficient 2: mid-term test

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒

Multiple choice ☐

Experiment ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. Overview of tourism enterprises	4			4	8	
1.1. Enterprises 1.1.1 Definition 1.1.2 Enterprises classification	1			1	2	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4
1.2. Corporate governance 1.2.1. Definition 1.2.2. Business administration functions	1			1	2	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4
1.3. Corporate tourism management 1.3.1. The concept and role of tourism business management. 1.3.2. Classification of tourism enterprises 1.3.3. Business environment of tourism business	2			2	4	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4
Chapter 2. Restaurant management	5	2		7	14	
2.1. Restaurant and restaurant business 2.1.1 Concept and classification of restaurants 2.1.2 Concept and characteristics of restaurant business	1			1	2	Read MM 1, chapter 5
2.2. The content of business management of the restaurant business 2.2.1 Managing customer needs research 2.2.2 Menu planning management 2.2.3 Business logistics management	2			2	4	Read MM 1, chapter 5

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.4 Production management						
2.3. Managing business operations 2.3.1 Information Management 2.3.2 Human Resource Management 2.3.3 Quality control of products and services 2.3.4 Manage prices of products and services	2	2		4	8	Read MM 1, chapter 5
Chapter 3. Hotel management	4.5	2		6.5	13	
3.1. Hotel and hotel business 3.1.1 Hotel and hotel classification 3.1.2 Hotel business activities	1			1	2	Read MM 1, chapter 1,2
3.2. Content management business activities of the hotel 3.2.1 Management of resident business activities 3.2.2 Management of catering business 3.2.3. Management of additional service business	1.5			1.5	3	Read MM 1, chapter 4,5
3.3. Hotel management 3.3.1 Information Management 3.3.2 Human Resource Management 3.3.3 Quality control of products and services 3.3.4 Manage prices of products and services	2	2		4	8	Read MM 1, chapter 3,6,7,8
Test			1	1	2	
Chapter 4. Tour Operators and travel agency management	4.5	2		6.5	13	
4.1. Tour Operator 4.1.1 The concept and role of the tour operator 4.1.2 Characteristics of the tour operator	1.5			1.5	3	Read TL 2, chapter 6

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3 Classification of the tour operator						
4.2. Travel agent 4.2.1 Concept and characteristics of travel agents 4.2.2 Functions and tasks of travel agents	1			1	2	Read TL 2, chapter 6
4.3. Managing business activities of tour operator and travel agents 4.3.1 Business management of the tour operator 4.3.2 Managing the business of travel agents	2	2		4	8	Read TL 2, chapter 7, 8, 9, 10
Chapter 5. Resort management	4			4	8	
5.1. Overview of resort and resort business 5.1.1 Definition 5.1.2 Resort classification 5.1.3 Characteristics of resort business	1			1	2	Read MM 3, chapter 1
5.2. The basic content of resort management business 5.2.1 Managing the product offering 5.2.2 Managing the supply chain process for the customer	1			1	2	Read MM 3, chapter 5,6,7,8
5.3. Executive management resort operations 5.3.1 Organizational structure of the resort 5.3.2. Content governance of resort operations	2			2	4	Read MM 3, chapter 3
Test			1	1	2	
Total	22	6	2	30	60	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị nguồn nhân lực**
 - Tiếng Anh: **Human resources management**
- Mã học phần: HRM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32tiết
 - Bài tập: 11tiết
 - Kiểm tra: 02tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả..
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả..
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
3. Đỗ Văn Phúc (2009), *Quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách Khoa-Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. John. M. Ivancevich (2010), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.
2. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.
3. Nhiều tác giả (2012), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính.
4. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2008), *Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	4			4	8	
1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực <i>1.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,3 chương 1
1.2. Các học thuyết quản trị nhân lực	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1
1.3 Ảnh hưởng của môi trường đối với quản trị nguồn nhân lực	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.1. Sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài 1.3.2 Sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên trong						
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ CÔNG VIỆC VÀ PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC	4	2		6	12	
2.1. Thiết kế công việc 2.1.1. Khái niệm và vai trò của thiết kế công việc 2.1.2. Nội dung của thiết kế công việc 2.1.3. Các phương pháp thiết kế công việc	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Phân tích công việc 2.2.1. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc 2.2.2. Quy trình phân tích công việc 2.2.3. . Các phương pháp phân tích công việc 2.2.4. Sản phẩm của phân tích công việc	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC VÀ HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC	4	1		5	10	
3.1. Chiến lược nguồn nhân lực và mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp 3.1.1. Chiến lược nguồn nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Mục tiêu chiến lược nguồn nhân lực của doanh nghiệp						
3.2. Hoạch định nguồn nhân lực 3.2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nguồn nhân lực 3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định nguồn nhân lực 3.2.3. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực	1,5			1,5	3	Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Thực trạngvà dự báonguồn nhân lực trong ngành kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành 3.3.1.Thực trạng nguồn nhân lực trong ngành kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành 3.3.2. Dự báo nguồn nhân lực trong ngành kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 4.TUYỂN DỤNG NHÂN LỰC	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm, vai trò của tuyển dụng nhân lực 4.1.1. Khái niệm tuyển dụng nhân lực 4.1.2. Vai trò của tuyển dụng nhân lực	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 4
4.2 Quá trình tuyển dụng nhân lực 4.2.1. Định danh công việc cần tuyển dụng	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Thông báo tuyển dụng 4.2.3. Thu nhận và xử lý hồ sơ 4.2.4. Tổ chức thi tuyển dụng 4.2,5. Đánh giá các ứng cử viên 4.2.6. Quyết định tuyển dụng 4.2.7. Hội nhập nhân viên mới						
4.3 Nội dung của tuyển dụng nhân lực 4.3.1. Tuyển mộ nhân lực 4.3.2. Tuyển chọn nhân lực	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 3, chương 4
CHƯƠNG 5. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.1.1. Khái niệm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.1.2. Mục đích của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.1.3. Vai trò và sự cần thiết của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13
5.2. Quá trình đào tạo nguồn nhân lực 5.2.1. Xác định nhu cầu đào tạo 5.2.2. Lập kế hoạch Đào tạo 5.2.3. Thực hiện Đào tạo 5.2.4. Đánh giá chương trình	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 13

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đào tạo						
5.3. Các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên 5.3.1. Đào tạo và phát triển tại nơi làm việc 5.3.2. Đào tạo và phát triển bên ngoài nơi làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CỦA NHÂN LỰC	4	2		6	12	
6.1. Khái niệm, mục tiêu và tiến trình đánh giá nhân lực 6.1.1. Khái niệm và mục tiêu đánh giá nhân lực 6.1.2. Tiến trình đánh giá nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
6.2. Các yêu cầu đối với một hệ thống đánh giá thực hiện đánh giá nhân viên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
6.3 Các loại hình đánh giá nhân lực đánh giá nhân lực 6.3.1. Cấp trên trực tiếp đánh giá cấp dưới 6.3.2. Cấp dưới đánh giá cấp trên 6.3.3. Đồng nghiệp đánh giá lẫn nhau 6.3.4. Tập thể đánh giá (đánh giá nhóm) 6.3.5. Tự đánh giá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.6. Khách hàng đánh giá						
6.4. Các phương pháp đánh giá nhân lực 6.4.1. Phương pháp thang đo 6.4.2. Phương pháp so sánh từng cặp 6.4.3. Phương pháp Quản trị bằng mục tiêu (MBO) 6.4.4. Phương pháp đánh giá thực hiện công việc bằng định lượng 6.4.5. Phương pháp quan sát hành vi	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 8
CHƯƠNG 7. THÙ LAO LAO ĐỘNG	3	2		5	10	
7.1. Khái niệm và yêu cầu của thù lao lao động 7.1.1. Khái niệm thù lao lao động 7.1.2. Yêu cầu của thù lao lao động	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 15
7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thù lao lao động 7.2.1. Nhóm các yếu tố thuộc về bản thân công việc 7.2.2. Nhóm các yếu tố thuộc về bản thân nhân viên 7.2.3. Nhóm các yếu tố thuộc về môi trường bên trong 7.2.4. Nhóm các yếu tố thuộc về môi trường bên ngoài	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Mục tiêu, yêu cầu của chiến lược tiền lương <i>7.3.1. Mục tiêu của chiến lược tiền lương</i> <i>7.3.2. Các yêu cầu cơ bản của chiến lược tiền lương</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 15
7.4. Các hình thức trả lương <i>7.4.1. Hình thức trả lương trả theo thời gian</i> <i>7.4.2. Hình thức trả lương trả theo sản phẩm</i>	1	2		3	6	Đọc TLC 2, chương 15
CHƯƠNG 8: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG	5	1		6	12	
8.1. Khái niệm và chủ thể mối quan hệ lao động <i>8.1.1. Khái niệm mối quan hệ lao động</i> <i>8.1.2. Các chủ thể cấu thành tham gia mối quan hệ lao động trong cơ chế thị trường</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
8.2. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động <i>8.2.1. Những khái niệm có liên quan tới tranh chấp lao động</i> <i>8.2.2. Phòng ngừa và giải quyết tranh chấp lao động</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6
8.3. Hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể <i>8.3.1. Hợp đồng lao động</i> <i>8.3.2. Thỏa ước lao động tập thể</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.4. Kỷ luật lao động <i>8.4.1. Khái niệm kỷ luật lao động</i> <i>8.4.2. Hình thức và nguyên nhân vi phạm kỷ luật lao động</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị sự kiện**
 - Tiếng Anh: **Event management**
- Mã học phần: ETM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, field of Service Management and Tourism
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần quản trị sự kiện người học trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, môn học giúp người học đi sâu vào tìm hiểu về các lĩnh vực mà nhà quản trị cần kiểm soát trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của quản trị sự kiện trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị sự kiện nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Các hoạt động chuẩn bị trước khi diễn ra sự kiện; chuẩn bị hậu cần tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Văn Nghiêm (2012), *Tổ chức sự kiện*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Lao động - Xã hội.
3. TS. Thái Trí Dũng (2012), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

2. *Festival and special event management*- Johnny Allen, William O'toole, Ian McDonnell, Robert Harris- Wiley Australia Tourism Series.
3. University of Manitoba – Resource Guide: Special Event Planners.
4. *Event Risk Management and Safety* by Peter E. Tarlow in Front Matter

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SỰ KIỆN	3			3	6	
1.1 Khái quát về sự kiện <i>1.1.1. Khái niệm sự kiện</i> <i>1.1.2. Các loại hình sự kiện</i> <i>1.1.3. Các thành phần tham gia trong sự kiện.</i> <i>1.1.4. Ý nghĩa của sự kiện</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Quản trị sự kiện <i>1.2.1 Khái niệm quản trị sự kiện</i> <i>1.2.2 Các hoạt động cơ bản trong quản trị sự kiện</i> <i>1.2.3 Các yếu tố tác động tới quản trị sự kiện</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 2. HÌNH THÀNH CHỦ ĐỀ, LẬP CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ KIỆN	7	2		9	18	
2.1 Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến sự kiện <i>2.1.1 Mục tiêu của sự kiện</i> <i>2.1.2 Tiếp nhận các thông tin</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của nhà đầu tư sự kiện 2.1.3 Nghiên cứu các yếu tố khác có liên quan đến sự kiện						
2.2 Hình thành chủ đề sự kiện 2.2.1 Khái niệm chủ đề sự kiện 2.2.2 Hình thành chủ đề cho sự kiện 2.2.3 Các ý tưởng cho sự kiện	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3
2.3 Lập chương trình và kế hoạch tổng thể cho sự kiện 2.3.1 Khái niệm chương trình của sự kiện 2.3.2 Xây dựng chương trình cho sự kiện	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.4 Lập dự toán ngân sách cho sự kiện 2.4.1 Khái niệm dự toán ngân sách cho sự kiện 2.4.2 Các nhóm chi phí cơ bản trong tổ chức sự kiện 2.4.3 Các hình thức lập dự toán ngân sách cho sự kiện 2.4.4 Lập dự toán ngân sách cho sự kiện theo hình thức chi phí cố định và chi phí biến đổi	2	1		3	4	Đọc TLC 1, chương 1;
CHƯƠNG 3. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN	6	1		7	14	
3.1 Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện 3.1.1 Khái niệm kế hoạch tổ chức sự kiện 3.1.2 Phân loại kế hoạch trong tổ chức sự kiện 3.1.3 Vai trò của kế hoạch trong tổ chức sự kiện	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Nội dung lập kế hoạch trong 7 tổ chức sự kiện	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.1 Một số yêu cầu cơ bản và quy trình chung khi lập kế hoạch tổ chức sự kiện 3.2.2 Hệ thống hóa các hoạt động trong sự kiện						Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CÁC HOẠT ĐỘNG TRƯỚC KHI DIỄN RA SỰ KIỆN	9	3		12	24	
4.1 Thành lập ban tổ chức sự kiện	0,5			0,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
4.2 Lập tiến độ cho sự kiện 4.2.1. Bảng tiến độ 4.2.2. Quy trình lập tiến độ cho công tác chuẩn bị tổ chức sự kiện	0,5			0,5	3	Đọc TLC 1, chương 3;
4.3 Chuẩn bị về thủ tục hành chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
4.4 Chuẩn bị các công việc có liên quan đến khách mời tham gia sự kiện 4.4.1. Khái niệm, phân loại khách mời tham gia sự kiện 4.4.2 Lập danh sách khách mời 4.4.3 Chuẩn bị và gửi thiệp mời/ giấy mời cho khách	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 4
4.5 Chuẩn bị địa điểm tổ chức sự kiện 4.5.1 Tổng quan về địa điểm tổ chức sự kiện 4.5.2 Phân loại địa điểm tổ chức sự kiện 4.5.3 Các khu vực cơ bản của không gian và địa điểm tổ chức sự kiện 4.5.4. Các yêu cầu khi lựa chọn địa điểm tổ chức sự kiện	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.5.5. Quy trình lựa chọn địa điểm tổ chức sự kiện 4.5.6. Quy trình chuẩn bị địa điểm tổ chức sự kiện						
4.6 Chuẩn bị nhân lực cho sự kiện 4.6.1. Xác định mô hình tổ chức lao động 4.6.2. Các chức danh trong tổ chức sự kiện	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4;
4.7 Chuẩn bị về hậu cần	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
4.8 Dự tính và xử lý các sự cố trong sự kiện 4.8.1. Khái niệm sự cố trong sự kiện 4.8.2. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan đến chủ đề chính của sự kiện	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 5
4.9 Chuẩn bị các yếu tố khác cho sự kiện 4.9.1. Chuẩn bị về tài liệu 4.9.2. Chuẩn bị các chương trình hỗ trợ, dự phòng 4.9.3. Chuẩn bị quà tặng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 2, chương 6
4.10 Chuẩn bị các yếu tố cơ bản trong quá trình diễn ra sự kiện 4.10.1. Không gian thực hiện sự kiện 4.10.2. Người dẫn chương trình và diễn giả 4.10.3. Đạo diễn và dàn dựng sân khấu	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ HẬU CẦN CHO SỰ KIỆN	5	1		6	12	
5.1 Khái quát về quản trị hậu cần cho sự kiện 5.1.1 Khái niệm quản trị hậu cần	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cho sự kiện 5.1.2 Vai trò của quản trị hậu cần cho sự kiện						
5.2 Quy trình chung trong quản trị hậu cần cho sự kiện 5.2.1 Lập kế hoạch về cung ứng dịch vụ 5.2.2 Lựa chọn các nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ 5.2.3. Thương lượng và ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ 5.2.4. Kiểm soát và phối hợp cung ứng dịch vụ 5.2.5. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan.	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 2
5.3 Cung ứng các dịch vụ vận chuyển và tổ chức đưa đón khách 5.3.1 Các nhà cung ứng dịch vụ và phương tiện vận chuyển 5.3.2 Tổ chức đón khách khi khách sử dụng các phương tiện vận chuyển công cộng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 2
5.4 Cung ứng dịch vụ lưu trú 5.4.1. Quy trình cơ bản trong việc tổ chức nhận buồng 5.4.2. Quy trình chung trong việc tổ chức trả buồng	0,5			0,5	3	Đọc TLC 2, chương 2
5.5 Cung ứng dịch vụ ăn uống	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
5.6 Tổ chức mạng lưới thông tin liên lạc trong sự kiện 5.6.1. Thông tin nội bộ 5.6.2. Các tài liệu và bảng chỉ dẫn cho các thành phần tham gia sự kiện . 5.6.3. Cung ứng các dịch vụ thông tin liên lạc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 6. TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA SỰ KIỆN	5	1		6	12	
6.1 Tổ chức khai mạc sự kiện <i>6.1.1. Tổ chức đón tiếp khách tại nơi diễn ra sự kiện</i> <i>6.1.2. Khai mạc sự kiện</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
6.2 Điều hành diễn biến của sự kiện <i>6.2.1. Điều hành sân khấu/ khu vực trình diễn/ khu vực thi đấu</i> <i>6.2.2. Điều hành, quản lý khán giả và khách mời</i> <i>6.2.3. Điều hành các hoạt động phụ trợ</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 6
6.3 Kết thúc sự kiện <i>6.3.1. Tổ chức bế mạc sự kiện</i> <i>6.3.2. Tiễn khách</i> <i>6.3.3. Thanh quyết toán sự kiện</i> <i>6.3.4. Phối hợp giải quyết các công việc còn lại sau sự kiện</i> <i>6.3.5. Lập các báo cáo và tổng kết về công tác tổ chức sự kiện</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú**
 - Tiếng Anh: **Management for immigration and residence**
- Mã học phần: MIR202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, đặc điểm và ưu, nhược điểm của từng loại hình cơ sở lưu trú du lịch, quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác xuất nhập cảnh và lưu trú trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động-Xã hội.
2. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2015), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Hồng Chương, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị Kinh doanh lữ hành*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội
3. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH	6			6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về xuất nhập cảnh 1.1.1. Khái niệm, điều kiện xuất cảnh 1.1.2. Khái niệm, điều kiện nhập cảnh 1.1.3. Khái niệm, điều kiện quá cảnh 1.1.4. Nguyên tắc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 1.1.5. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại Việt Nam	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Vấn đề thị thực <i>1.2.1. Khái niệm, hình thức của thị thực</i> <i>1.2.2. Ký hiệu thị thực</i> <i>1.2.3. Quy định cấp thị thực</i> <i>1.2.4. Tác động của thị thực đối với du lịch quốc tế</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
Chương 2. THỦ TỤC XUẤT NHẬP CẢNH	3	3		6	12	
2.1. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh <i>2.1.1. Các giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh</i> <i>2.1.2. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
2.2. Thủ tục xuất cảnh <i>2.2.1. Quy trình thủ tục xuất cảnh</i> <i>2.2.2. Thủ tục xuất cảnh tại Việt Nam</i> <i>2.2.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
2.3. Thủ tục nhập cảnh <i>2.3.1. Quá trình thủ tục nhập cảnh</i> <i>2.3.2. Thủ tục nhập cảnh tại Việt Nam</i> <i>2.3.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
Chương 3. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LƯU TRÚ	8	1		9	18	
3.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị lưu trú trong du lịch <i>3.1.1 Khái niệm cơ sở lưu trú du lịch và hệ thống cơ sở lưu trú</i>	2,0	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
di lịch 3.1.2 Sự tồn tại tất yếu khách quan của hoạt động kinh doanh lưu trú 3.1.3. Quá trình hình thành và phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch						
3.2. Vai trò của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.2.1. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 3.2.2. Đối với sự phát triển ngành du lịch	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1
3.3. Đặc điểm của quản trị lưu trú 3.3.1. Đặc điểm về sản phẩm 3.3.2. Đặc điểm về mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm của ngành du lịch 3.3.3. Đặc điểm về quá trình tổ chức kinh doanh 3.3.4. Đặc điểm về việc sử dụng các yếu tố cơ bản trong quá trình kinh doanh 3.3.5. Đặc điểm của đối tượng phục vụ	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1
3.4. Sản phẩm lưu trú du lịch 3.4.1 Khái niệm sản phẩm lưu trú 3.4.2. Đặc điểm của sản phẩm lưu trú	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1
3.5. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.1. Khái niệm và vai trò của	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch</i> 3.5.2. Phân loại cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch						
3.6. Bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.2. Những tác động về môi trường của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CÁC LOẠI HÌNH KINH DOANH CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH	8,5	2,5		12	24	
4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch 4.1.1. Khái niệm loại hình cơ sở lưu trú du lịch 4.1.2. Ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
4.2 Các loại hình kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 4.2.1. Khách sạn (Hotel) 4.2.2. Nhà nghỉ du lịch (Guest house)	7,5	2,5		11	22	Đọc TLC 2, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Motel 4.2.4. Bungalow 4.2.5.Làng du lịch (Tourism Village) 4.2.6. Cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp (Resort) 4.2.7. Tàu du lịch (Tourist Cruise) 4.2.8. Bãi cắm trại du lịch (Camping) 4.2.9. Caravan 4.2.10. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay)						
Chương 5. QUẢN TRỊ KINH DOANH SẢN PHẨM LƯU TRÚ	9,5	1,5		11	22	
5.1. Quản trị kinh doanh, phục vụ lưu trú 5.1.1. Bộ phận lễ tân 5.1.2. Bộ phận phục vụ buồng	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 3, chương 4
5.2. Quản trị kinh doanh ăn uống	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Quản trị kinh doanh các dịch vụ bổ trợ 5.3.1. Các dịch vụ đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt 5.3.2. Các dịch vụ vận chuyển khách 5.3.3. Những dịch vụ khác (Dịch vụ tổ chức hội nghị, buổi biểu diễn)	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 1
5.4 Quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú 5.4.1. Nghiên cứu thị trường, phân đoạn thị trường và bán sản phẩm lưu trú 5.4.2. Đón tiếp khách	2,5			2,5	5	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.3. Phục vụ khách trong thời gian lưu trú 5.4.4. Tiễn khách rời khỏi cơ sở lưu trú						
5.5. Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh sản phẩm lưu trú 5.5.1. Nhóm giải pháp thu hút khách 5.5.2. Nhóm giải pháp đối với nhân viên 5.5.3. Nhóm giải pháp đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ khách	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism quality management**
- Mã học phần: TQM203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị chất lượng dịch vụ du lịch gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, NXB Thống kê.

2. Nguyễn Đình Phan (2012), *Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Phan Thăng (2009), *Quản trị chất lượng*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Hương Lan (2008), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Lao động Xã hội.

2. Nguyễn Văn Lưu, *Thị trường du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Đình, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)			Giờ tự học		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	5			5	10	
1.1. Khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành dịch vụ du lịch 1.1.1. Khái niệm, phân loại dịch vụ du lịch 1.1.2. Đặc điểm dịch vụ du lịch 1.1.3. Các yếu tố cấu thành dịch vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Giờ tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Một số vấn đề về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch <i>1.2.1. Khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>1.2.2. Đặc điểm cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>1.2.3. Nguyên tắc cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.3. Chức năng, chu trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch <i>1.3.1. Chức năng quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>1.3.2. Chu trình quản trị chất lượng dịch vụ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	4	2		6	12	
2.1. Phương pháp thiết kế chất lượng dịch vụ du lịch <i>2.1.1. Phương pháp thiết kế gói dịch vụ du lịch</i> <i>2.1.2. Vận dụng phương pháp thiết kế gói dịch vụ vào một số khách sạn.</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch <i>2.2.1. Nội dung đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>2.2.2. Các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	6	3		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Giờ tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.1. Khái niệm đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.2. Công cụ kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.3. Điều khiển chất lượng dịch vụ 3.1.4. Chương trình nhân sự đảm bảo chất lượng dịch vụ 3.1.5. Bảo hành dịch vụ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.2. Cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch 3.2.1. Khái niệm cải tiến chất lượng dịch vụ 3.2.2. Cải tiến không ngừng sự tin cậy của dịch vụ du lịch 3.2.3. Chương trình cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.3. Phát triển các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch 3.3.1. Tạo lập sự gắn gũi với khách hàng 3.3.2. Soạn thảo những tiêu chuẩn dịch vụ thích hợp 3.3.3. Xác lập các tiêu chuẩn mở rộng 3.3.4. Đào tạo và đánh giá lại 3.3.5. Xây dựng hệ thống thưởng hợp lý	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. CÁC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG TRONG DU LỊCH	5	3		8	16	
4.1. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000 4.1.1. Khái quát về ISO 9000:2000 4.1.2. Triết lý, nguyên tắc và lợi ích căn bản của ISO 9000:2000	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3. Mô hình và yêu cầu của ISO 9001:2000 4.1.4. Áp dụng ISO 9001:2000 trong du lịch						
4.2. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 22000:2005 4.2.1. Khái quát về ISO 22000:2005 4.2.2. Nguyên tắc căn bản của ISO 22000:2005 4.2.3. Áp dụng ISO 22000:2005 trong du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4
4.3. Quản trị chất lượng đồng bộ 4.3.1. Khái quát về TQM 4.3.2. Nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của TQM 4.3.3. Áp dụng TQM trong du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 4
4.4. Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS) 4.4.1. Khái quát về VTOS 4.4.2. Lợi ích của việc áp dụng tiêu chuẩn VTOS 4.4.3. Áp dụng VTOS trong du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing du lịch**
 - Tiếng Anh: Tourism Marketing
- Mã học phần: TMG202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Tourism Management major and related fields
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Marketing du lịch, giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về Marketing du lịch.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing du lịch.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần marketing du lịch gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2005), *Marketing du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.
3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình marketing căn bản*, ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Michael M.Colman (2010), *Tiếp thị du lịch*, CMIE GROUP and Investment service & applied science and technology Centre
2. Hà Nam Khánh Giao (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Tổng hợp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING DU LỊCH	5			5	10	
1.1. Marketing du lịch 1.1.1.Khái niệm marketing du lịch 1.1.2.Các đặc điểm dịch vụ của marketing du lịch	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Sự cần thiết của marketing du lịch	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Marketing mix trong du lịch 1.3.1. Khái niệm marketing mix trong du lịch 1.3.2. Các thành phần của marketing mix trong du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG DU LỊCH	5	1		6	12	
2.1. Thị trường du lịch 2.1.1. Khái niệm thị trường du lịch 2.1.2. Các loại thị trường du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Phân đoạn thị trường du lịch 2.2.1. Khái niệm phân đoạn thị trường du lịch 2.2.2. Các tiêu thức để phân đoạn thị trường trong marketing du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Lựa chọn thị trường du lịch mục tiêu 2.3.1. Khái niệm thị trường du lịch mục tiêu 2.3.2. Các phương án lựa chọn thị trường du lịch mục tiêu	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM DU LỊCH	7	2		9	18	
3.1. Sản phẩm du lịch 3.1.1. Khái niệm sản phẩm du lịch 3.1.2. Cấp độ sản phẩm du lịch 3.1.3. Các mô hình sản phẩm du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
3.2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm du lịch 3.2.1. Khái niệm nhãn hiệu sản phẩm du lịch 3.2.2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
3.3. Chu kì sống của sản phẩm du lịch 3.3.1. Khái niệm chu kì sống của sản phẩm du lịch 3.3.2. Các giai đoạn trong chu kì sống của sản phẩm du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DU LỊCH	6	2		8	16	
4.1. Những yếu tố tác động đến	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
việc định giá sản phẩm du lịch 4.1.1.Yếu tố bên trong doanh nghiệp 4.1.2.Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp						Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Những phương pháp định giá trong du lịch 4.2.1. Phương pháp ấn định giá ở khách sạn 4.2.2. Phương pháp ấn định giá ở nhà hàng 4.2.3. Phương pháp ấn định giá tour – tour chọn gói	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
4.3. Các chiến lược giá đối với sản phẩm du lịch 4.3.1. Chiến lược về giá cho sản phẩm mới 4.3.2. Chiến lược về giá cho sản phẩm hiện tại	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH	6	1		7	14	
5.1. Vị trí chức năng của phân phối sản phẩm du lịch 5.1.1. Vị trí của chính sách phân phối sản phẩm du lịch 5.1.2.Chức năng của phân phối sản phẩm du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối trong du lịch 5.2.1. Các kênh phân phối và cấu trúc kênh phân phối sản phẩm du lịch 5.2.2. Tổ chức và hoạt động của kênh phân phối trong du lịch.	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối trong du lịch 5.3.1. Lựa chọn kênh phân phối	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.2. Quản lý kênh phân phối						
CHƯƠNG 6. CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP SẢN PHẨM DU LỊCH	7	1		8	16	
6.1. Xúc tiến hỗn hợp sản phẩm du lịch 6.1.1. Bản chất của hoạt động xúc tiến hỗn hợp 6.1.2. Vai trò và tác dụng của xúc tiến hỗn hợp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
6.2. Các công cụ xúc tiến hỗn hợp trong du lịch 6.2.1. Quảng cáo 6.2.2. Xúc tiến bán 6.2.3. Bán hàng 6.2.4. Quan hệ công chúng	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
6.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp du lịch 6.3.1. Khái quát quá trình truyền thông marketing 6.3.2. Quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược xúc tiến hỗn hợp	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị lễ tân**
 - Tiếng Anh: **Front Office Management**
- Mã học phần: FOM203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần quản trị lễ tân người học nắm bắt được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân sau khi ra trường.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân, ...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM (2011), *Công tác lễ tân*.
2. Nguyễn Văn Đính (2007), *Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN	3			3	6	
1.1. Khái quát về bộ phận lễ tân <i>1.1.1.Khái niệm lễ tân</i> <i>1.1.2.Phân loại lễ tân</i> <i>1.1.3.Vai trò và nhiệm vụ của bộ phận lễ tân</i> <i>1.1.4.Những yêu cầu cơ bản của nhân viên lễ tân</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Quản trị lễ tân <i>1.2.1. Khái niệm quản trị lễ tân</i> <i>1.2.2. Cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân</i> <i>1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của các chức danh trong bộ phận lễ tân</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Mối quan hệ của bộ phận lễ tân với các bộ phận khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. QUẢN TRI	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHÂN SỰ VÀ TRANG THIẾT BỊ TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN						
2.1. Quản trị nhân sự tại bộ phận lễ tân 2.1.1. Xác định nhu cầu và tuyển dụng nhân sự 2.1.2 . Bố trí và sử dụng nhân sự 2.1.3. Đào tạo và đánh giá nhân sự	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
2.2. Bố trí mặt bằng và quản trị trang thiết bị tại bộ phận lễ tân 2.2.1. Bố trí mặt bằng tại bộ phận lễ tân 2.2.2. Nhu cầu và sử dụng trang thiết bị 2.2.3. Kiểm soát trang thiết bị	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐÓN, TIẾP KHÁCH CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN	5	2		7	14	
3.1. Trang bị phòng lễ tân	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2
3.2. Phân loại khách	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
3.3. Tổ chức đón tiếp khách 3.3.1. Chào hỏi khách 3.3.2. Công tác sau chào hỏi 3.3.3. Tổ chức đón tiếp đoàn khách quan trọng từ xa tới. 3.3.4. Tổ chức các cuộc hẹn gặp	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.5. Tiếp khách 3.3.6. Xử lý phàn nàn của khách						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN	4	3		7	14	
4.1. Các chỉ tiêu dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân 4.1.1. Chỉ tiêu doanh thu 4.1.2. Chỉ tiêu tỉ lệ doanh thu thực tế so với doanh thu tiềm năng 4.1.3. Một số chỉ tiêu khác	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10
4.2. Quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân 4.2.1. Quản trị về thông tin 4.2.2. Quản trị về nhân sự 4.2.3. Quản trị về giá 4.2.4. Quản trị về chất lượng sản phẩm dịch vụ	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5,8,9
CHƯƠNG 5. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ LỄ TÂN TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	7	1		8	16	
5.1. Quản trị quy trình đặt buồng khách sạn 5.1.1. Khái quát về đặt buồng và vai trò của nhân viên lễ tân trong tiếp thị bán hàng 5.1.2. Các nội dung về đặt buồng 5.1.3. Kỹ năng bán buồng và các chính sách ưu đãi của khách sạn 5.1.4. Tổ chức nhân đặt	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
buồng						
5.2. Quản trị quy trình đăng ký khách sạn <i>5.2.1. Khái quát chung về làm thủ tục đăng ký khách sạn</i> <i>5.2.2. Quy trình làm thủ tục đăng ký khách sạn</i> <i>5.2.3. Tổ chức làm thủ tục đăng ký khách sạn cho các đối tượng khách</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
5.3. Quản trị quy trình phục vụ khách trong thời gian lưu trú <i>5.3.1. Khái quát chung về phục vụ khách trong thời gian lưu trú</i> <i>5.3.2. Quy trình phục vụ một số các dịch vụ cho khách trong thời gian lưu trú.</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Quản trị quy trình trả buồng khách sạn <i>5.4.1. Khái quát chung về làm thủ tục trả buồng</i> <i>5.4.2. Quản trị quy trình làm thủ tục trả buồng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

DETAILED COURSE SYLLABUS THEORY

1. Course information

- Course title:
 - Vietnamese: **Quản trị lễ tân**
 - English: **Front Office Management**
- Course code: FOM203
- Course credit value: 02 credits
- Objective learners: University students, Management of Tourism and Travel service
- The position of the module in the training program:

General education knowledge ☐		Professional education knowledge ☒				Internship and thesis ☐
		Foundation knowledge of the major ☐		Knowledge of the major ☒		
Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☒	Optional ☐	

- Prerequisites: Management
- Total periods: 30 periods
 - Theories : 22 periods
 - Exercises : 06 periods
 - Tests : 02 periods
- Self-study: 60 hours
- Department in charge of the course: Tourism Administration Division, Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- Knowledge: After studying the module, learners will understand and be able to present the basic knowledge of in front office activities which including: Labor and furniture management; reservation management, registration, accommodation and catering at hotel,

and evaluating the effectiveness of front office activities in order to help student developing their management and administration skills

- + *Cognitive skill*: Able to analyze the basic issues of front office management.
- + *Professional skill*: Able to apply the knowledge learned in the management of front office after graduation.
- + *Team work skill*: Through discussion and practice hours, students can practice the skills of working in-group and cooperate with others.
- + *Thinking skill*: Be able to propose solutions in order to help front office analyze and synthesize problems in corporate governance in the field of tourism.

3. Course description

The module provides learners with basic knowledge of issues related to receptionist management such as: customer service planning, room fund forecasting, room-booking process, checkout, payment methods, customer service, assessing the effectiveness of receptionist activities, etc.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Pham Thi Cuc (2005), *Front office theory*, Ha Noi Publisher.
2. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), *Hotel business management*, National Economics University Publisher.
3. Nguyen Van Dinh, Hoang Thi Lan Huong (2007), *Technology services in hotel and restaurant*, National Economics University Publisher.

4.2. Further materials:

1. Industrial university of Ho Chi Minh city (2011), *Receptionist Activities*.
2. Luc Boi Minh (2005), *Modern hotel management*, National Political-Institute for tourism development research Publisher.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- Group work method

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒

Multiple choice ☐

Experiment ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1: OVERVIEW OF MANAGEMENT FRONT OFFICE	3			3	6	
1.1. Overview of front office 1.1.1. Definition of front office 1.1.2 Receptionist classification 1.1.3. The role and task of front office 1.1.4. The requirements of receptionist	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
1.2. Management front office 1.2.1. Definition of management front office 1.2.2. The structure of front office 1.2.3. Functions and mission of dignities in front office	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (2), chapter 4 Read main material (3), chapter 1
1.3. Relationship of front office with other deparment	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
CHAPTER 2: LABOUR	3			3	6	

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
AND FURNITURE MANAGEMENT AT FRONT OFFICE						
2.1. Labour management in front office 2.2.1. Identify needs and recruitment 2.2.2. Arrangement and employment 2.2.3. Training and presonnel evaluation	1,5			1,5	3	Read main material (2), chapter 5
2.2. Premises arranging and equipment administration at front office 2.2.1. Premises arranging at front office 2.2.2. Demand and using of front office equipment 2.2.3. Control front office equipment	1,5			1,5	3	Read main material (2), chapter 2
CHAPTER 3: WELCOMING ACTIVITY MANAGEMENT	5	2		7	14	
3.1. Equipped front office	1	1		2	4	Read main material (3), chapter 1 Read main material (2), chapter 2
3.2. Customer classification	1			1	2	Read main material (1), chapter 2
3.3. Organize welcome activity at front office 3.3.1. Greeting 3.3.2. After greeting 3.3.3. Organize welcome importance customer from afar 3.3.4. Organizing appointments	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 7

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.5. Receive guests 3.3.6. Dealing customer complaints						
Test			1	1	2	
CHAPTER 4: PERFORMANCE EVALUATION OF RECEPTION	4	3		7	14	
4.1. Standard of evaluation front office performance 4.1.1. Turnover 4.1.2. Ratio of net revenue compare with potential revenue 4.1.3. Other standard	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 6 Read main material (2), chapter 10
4.2. Management of improving front office performance 4.2.1. Information management 4.2.2. Labour management 4.2.3. Price management 4.2.4. Management services quality	2	2		4	8	Read main material (1), chapter 8 Read main material (2), chapter 5,8,9
CHAPTER 5: MANGAGING FRONT OFFICE IN TOURISM BUSINESS	7	1		8	16	
5.1. Hotel booking process management 5.1.1. Overview of booking and role of receptionist in sales and marketing 5.1.2. Content of hotel booking 5.1.3. Room selling and incentive policy 5.1.4. Organize receiving	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 3 Read main material (3), chapter 1

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>room booking</i>						
5.2. Check –in process management <i>5.2.1. Overview of hotel check – in</i> <i>5.2.2. Hotel check –in process</i> <i>5.2.3. Organize hotel check –in process</i>	2			2	4	Read main material (1), chapter 5
5.3. Manage serving process during customer’s staying time <i>5.3.1. Overview of hotel serving process</i> <i>5.3.2. Hotel serving process</i>	2			2	4	Read main material (1), chapter 5
5.4. Check – out process <i>5.4.1. Overview of hotel check – out process</i> <i>5.4.2. Hotel check – out process management</i>	1			1	2	Read main material (1), chapter 6
Test			1	1	2	
Total	22	6	2	30	60	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**
 - Tiếng Anh: **Electronic commerce**
- Mã học phần: ECM 203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Management of tourism services and travel
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần thương mại điện tử, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản như: mô hình kinh doanh, loại hình giao dịch, chu kỳ thương mại điện tử, lĩnh vực ứng dụng, cơ sở công nghệ, quản trị chiến lược kinh doanh thương mại điện tử.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Phân tích được hoạt động kinh doanh điện tử ở các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng các chiến lược kinh doanh thương mại điện tử và thực hành hình thức kinh doanh đơn giản qua mạng Internet
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử có thể đưa ra những biện pháp, ý tưởng mới cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản của thương mại điện tử như : cơ sở công nghệ, cơ sở pháp lý của thương mại điện tử; các mô hình thương mại điện tử; các chiến lược và quản trị chiến lược thương mại điện tử.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Hòe (2015), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS Nguyễn Văn Minh (2011), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Thống kê.
3. Nguyễn Văn Hồng (2012), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Thương mại – trung tâm Thông tin Thương mại (2006), *Thương mại điện tử giành cho doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
2. Minh Quang (2009), *Những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử*, NXB Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4

theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5			5	10	
1.1. Khái niệm về thương mại điện tử <i>1.1.1. Định nghĩa thương mại điện tử</i> <i>1.1.2. Đặc trưng của thương mại điện tử</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử <i>1.2.1. Giai đoạn sơ khai của thương mại điện tử</i> <i>1.2.2. Giai đoạn thương mại thông tin</i> <i>1.2.3. Giai đoạn thương mại giao dịch</i> <i>1.2.4. Giai đoạn thương mại tích hợp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Lợi ích của thương mại điện tử <i>1.3.1. Lợi ích đối với các tổ chức</i> <i>1.3.2. Lợi ích đối với người tiêu dùng</i> <i>1.3.3. Lợi ích đối với xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.4. Hạn chế của thương mại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử 1.4.1. Hạn chế về kỹ thuật 1.4.2. Hạn chế về thương mại						Đọc TLC 3, chương 1
1.5. Những lĩnh vực ứng dụng của thương mại điện tử 1.5.1. Thương mại hàng hóa dịch vụ điện tử 1.5.2. Ngân hàng, tài chính điện tử 1.5.3. Đào tạo trực tuyến 1.5.4. Xuất bản trực tuyến 1.5.5. Giải trí trực tuyến 1.5.6. Dịch vụ việc làm trực tuyến 1.5.7. Dịch vụ công trực tuyến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.6. Một số vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử 1.6.1. Vấn đề riêng tư 1.6.2. Quyền sở hữu trí tuệ 1.6.3. Quảng cáo điện tử không mong đợi 1.6.4. Đánh thuế kinh doanh trên internet	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Thị trường thương mại điện tử 2.1.1. Khái niệm thị trường thương mại điện tử 2.1.2. Bản chất của thị trường thương mại điện tử 2.1.3. Phân loại thị trường thương mại điện tử 2.1.4. Tương lai phát triển của thị trường thương mại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử						
2.2. Trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.1. Định nghĩa về trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.2. Lợi ích của EDI 2.2.3. Tương lai phát triển của EDI	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Thương mại internet 2.3.1. Khái niệm về thương mại internet 2.3.2. Chuỗi giá trị trong thương mại internet 2.3.3. Hệ thống thanh toán trong thương mại internet	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ AN NINH, BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	6	0,5		6,5	13	
3.1. An ninh trong thương mại Internet 3.1.1. Các nguy cơ và hình thức tấn công đe dọa an toàn thương mại điện tử 3.1.2. Các yếu tố đảm bảo an toàn trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.2. Kỹ thuật mã hóa thông tin 3.2.1. Mã hóa khóa bí mật 3.2.2. Mã hóa khóa công cộng 3.2.3. Chữ ký điện tử	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.3. Chứng thực điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.4. Các giao thức an toàn 3.4.1. Cơ chế bảo mật SSL 3.4.2. Cơ chế bảo mật SET	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.5. Công nghệ an toàn mạng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.1. Các kiểm soát của hệ điều hành 3.5.2. Phần mềm chống virus						Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH GIAO DỊCH TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5	2		7	14	
4.1. Tổng quan về mô hình giao dịch điện tử 4.1.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử 4.1.2. Một số hệ thống giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.3. Các chủ thể tham gia giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.4. Các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.2. Mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.2. Các phương thức thương mại điện tử B2C 4.2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong giao dịch điện tử B2C	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.3. Mô hình giao dịch điện tử B2B 4.3.1. Khái niệm về giao dịch điện tử B2B 4.3.2. Các phương thức thương mại điện tử B2B	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử <i>4.4.1. Khái niệm về Chính phủ điện tử</i> <i>4.4.2. Vai trò và chức năng của Chính phủ điện tử</i> <i>4.4.3. Lợi ích của chính phủ điện tử</i> <i>4.4.4. Các mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7,8 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 2,3
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	1		5	10	
5.1. Chiến lược thương mại điện tử <i>5.1.1. Khái niệm về chiến lược thương mại điện tử</i> <i>5.1.2. Một số chiến lược thương mại điện tử</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 12 Độc TLC 2, chương 8,9,10 Độc TLC 3, chương 5
5.2. Quản trị chiến lược thương mại điện tử <i>5.2.1. Khái niệm về quản trị chiến lược thương mại điện tử</i> <i>5.2.2. Quy trình quản trị chiến lược thương mại điện tử</i>	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 12 Độc TLC 2, chương 8,9,10 Độc TLC 3, chương 5
5.3. Hoạch định chiến lược thương mại điện tử <i>5.3.1. Nghiên cứu thị trường</i> <i>5.3.2. Phân tích môi trường cạnh tranh</i> <i>5.3.3. Xác định, lựa chọn chiến lược thích nghi</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 12 Độc TLC 2, chương 8,9,10 Độc TLC 3, chương 5
5.4. Tổ chức, triển khai chiến lược thương mại điện tử <i>5.4.1. Lập kế hoạch kinh</i>	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 12 Độc TLC 2, chương 8,9,10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh thương mại điện tử 5.4.2. Xây dựng, duy trì và phát triển website 5.4.3. Đề ra chính sách marketing trực tuyến 5.4.4. Lựa chọn phương án thanh toán điện tử 5.4.5. Lựa chọn phương án an toàn và bảo mật trên mạng						Đọc TLC 3, chương 5
5.5. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử 5.5.1. Kiểm tra lại các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp 5.5.2. Đo lường đánh giá các kết quả kinh doanh 5.5.3. Điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tâm lý khách hàng Du lịch**
 - Tiếng Anh: **Psychology of tourist**
- Mã học phần: PGT 203
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần Tâm lý khách hàng du lịch trang bị cho người học các kiến thức cơ bản như: Khái niệm, vai trò, đặc điểm tâm lý của khách du lịch cũng như các

yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến tâm lý của họ. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp các kiến thức nền tảng về tâm lý của khách du lịch Việt Nam và đặc điểm về tâm lý khách du lịch khắp các lục địa lớn trên thế giới và có ảnh hưởng quan trọng đối với du lịch Việt Nam như: Âu, Á, Mỹ, Úc.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của tâm lý khách hàng du lịch, các đặc điểm về tâm lý của du khách nói chung và của từng quốc gia trong các khu vực trên thế giới nói riêng.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lữ hành trong tương lai.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được đặc điểm tâm lý khách du lịch nói chung và từng quốc gia nói riêng, biết cách ứng phó với các tình huống đối với khách du lịch trong từng trường hợp cụ thể.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tâm lý khách hàng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tâm lý khách hàng du lịch cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức như sau: Tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Phan Thị Dung (2010), *Tâm lý du khách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Thị Thu Hà (2005), *Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch*, NXB Hà Nội

3. Thái Trí Dũng (2012), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Ngọc Bích (2011), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đinh Thị Vân Chi (2012), *Nhu cầu của du khách trong quá trình du lịch*, NXB Văn hóa – Thông tin.

3. Vũ Đức Minh (2010), *Tổng quan về du lịch*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH VÀ	5	1		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH						
1.1. Tâm lý khách hàng du lịch <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu tâm lý khách hàng du lịch trong kinh doanh, phục vụ du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch <i>1.2.1. Các yếu tố tự nhiên</i> <i>1.2.2. Các yếu tố văn hóa - xã hội</i> <i>1.2.3. Các yếu tố tâm lý xã hội</i> <i>1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch trong quá trình phục vụ du lịch</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA DU KHÁCH TRONG QUÁ TRÌNH TIÊU DÙNG DỊCH VỤ DU LỊCH	5	3		8	16	
2.1. Hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch <i>2.1.1. Khái niệm hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch</i> <i>2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 2,5
2.1. Hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.1. Khái niệm hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch 2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng du lịch						Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 2,5
CHƯƠNG 3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CÁ NHÂN PHỔ BIẾN CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1. Những đặc điểm tâm lý cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch theo đặc điểm sinh lý 3.1.1. Tâm lý khách hàng du lịch theo thể chất 3.1.2. Các kiểu khách hàng du lịch theo khí chất 3.1.3. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo độ tuổi 3.1.4. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo giới tính 3.1.5. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo tình hình sức khỏe	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
3.2. Những đặc điểm tâm lý xã hội của khách hàng du lịch theo một số nghề nghiệp 3.2.1. Khách hàng du lịch là nhà quản lý – ông chủ 3.2.2. Khách hàng du lịch là thương gia 3.2.3 Khách hàng du lịch là nhà báo	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.4. Khách hàng du lịch là nhà khoa học 3.2.5 .Khách hàng du lịch là nghệ sĩ 3.2.6. Khách hàng du lịch là công nhân 3.2.7 Khách hàng du lịch là thủy thủ 3.2.8. Khách hàng du lịch là nhà chính trị - ngoại giao 3.2.9 Khách hàng du lịch là học sinh - sinh viên						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU, CHÂU ÚC VÀ BẮC MỸ	7	3		10	20	
4.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Âu, Úc và Bắc Mỹ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực 4.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Vương quốc Anh 4.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Đức 4.2.3. Đặc điểm tâm lý khách	6	3		9	18	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hàng du lịch Pháp 4.2.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Canada 4.2.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Mỹ 4.2.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Úc						
CHƯƠNG 5. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á	7	3		10	20	
5.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Á	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
5.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á 5.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Trung Quốc 5.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Nhật Bản 5.2.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Hàn Quốc	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương
5.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á 5.3.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Thái Lan 5.3.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Malaysia	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Indonesia 5.3.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Philippines 5.3.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Singapore 5.3.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Lào 5.3.7. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Cam – pu - chia 5.3.8. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Việt Nam						
Kiểm Tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

10. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Văn hóa ẩm thực**
 - Tiếng Anh: **Food Culture**
- Mã học phần: FOC102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghệ □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

11. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Văn hóa ẩm thực trang bị cho người học các kiến thức cơ bản như: khái niệm, xu thế hội nhập, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực. Bên

cạnh đó, người học cũng được cung cấp các kiến thức nền tảng về văn hóa ẩm thực Việt Nam các nền văn hóa ẩm thực đặc trưng khắp các lục địa lớn trên thế giới và có ảnh hưởng quan trọng đối với du lịch Việt Nam như: Âu, Á, Mỹ cùng với các kiến thức về nền ẩm thực của các loại tôn giáo khác nhau

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Học phần Văn hóa ẩm thực trang bị các phương pháp và kỹ năng để người học có thể phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của văn hóa ẩm thực trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

12. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa ẩm thực truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. Văn hóa ẩm thực của Việt Nam, của một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng với du lịch Việt Nam và ẩm thực của các tôn giáo khác nhau trên Thế giới.

13. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Bầy, Trần Quốc Vượng (2010), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa.

2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), *Ẩm thực Việt Nam và thế giới*, NXB Phụ nữ.

3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

14. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

15. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA ẨM THỰC	5,5	1,5		7	14	
1.1. Khái niệm về văn hóa ẩm	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thực <i>1.1.1. Khái niệm về văn hóa</i> <i>1.1.2. Khái niệm ẩm thực</i> <i>1.1.3. Khái niệm văn hóa ẩm thực</i>						
1.2. Ẩm thực nhìn từ các góc độ văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế dịch vụ du lịch <i>1.2.1. Dưới góc độ văn hóa</i> <i>1.2.2. Dưới góc độ xã hội</i> <i>1.2.3. Dưới góc độ y tế</i> <i>1.2.4. Dưới góc độ kinh tế dịch vụ, du lịch</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1
1.3. Biểu hiện của văn hóa ẩm thực qua góc độ vật chất và tinh thần <i>1.3.1. Qua góc độ vật chất</i> <i>1.3.2. Qua góc độ tinh thần</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa ẩm thực <i>1.4.1. Vị trí, địa lý</i> <i>1.4.2. Khí hậu</i> <i>1.4.3. Lịch sử</i> <i>1.4.4. Kinh tế</i> <i>1.4.5. Tôn giáo</i> <i>1.4.6. Ảnh hưởng của sự phát triển du lịch</i>	3			3	6	Đọc TLC 2, phần 1
1.5. Ẩm thực trong xu hướng hội nhập <i>1.5.1. Hội nhập ẩm thực Á - Âu</i> <i>1.5.2. Xu hướng chung</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. TẬP QUÁN VÀ KHẨU VỊ ĂN UỐNG	4,5	3,5		8	16	
2.1. Khái quát về tập quán và khẩu vị ăn uống 2.1.1. Khái niệm về tập quán ăn uống 2.1.2. Khái niệm về khẩu vị ăn uống 2.1.3. Tính chất và đặc điểm các bữa ăn	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống 2.2.1. Địa lý và khí hậu 2.2.2. Lịch sử và văn hóa 2.2.3. Tôn giáo 2.2.4. Nghề nghiệp 2.2.5. Khuynh hướng chung trong văn hóa ăn uống	1,0	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo tôn giáo 2.3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Phật giáo 2.3.2. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Cơ đốc giáo 2.3.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Hồi giáo 2.3.4. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Ấn Độ giáo 2.3.5. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo đạo Do Thái	2,5	2,5		5	10	Đọc TLC 2, phần 2
CHƯƠNG 3. VĂN HÓA ĂM	7,5	2,5		11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THỰC KHU VỰC CHÂU ÂU VÀ CHÂU MỸ						
3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực 3.1.1. Cơ cấu bữa ăn 3.1.2. Dụng cụ ăn uống 3.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống 3.1.4. Phương pháp chế biến 3.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực châu Âu - Mỹ có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam 3.2.1. Văn hóa ẩm thực của Anh 3.2.2. Văn hóa ẩm thực của Đức 3.2.3. Văn hóa ẩm thực của Pháp 3.2.4. Văn hóa ẩm thực của Nga 3.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ý 3.2.6. Văn hóa ẩm thực của Hoa Kỳ	6	2		8	16	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA ẨM THỰC KHU VỰC CHÂU Á	6,5	4,5		11	22	
4.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Cơ cấu bữa ăn 4.1.2. Dụng cụ ăn uống 4.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống 4.1.4. Phương pháp chế biến 4.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống						
4.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam (hoặc tiêu biểu trong khu vực) 4.2.1. Văn hóa ẩm thực của Trung Quốc 4.2.2. Văn hóa ẩm thực của Nhật Bản 4.2.3. Văn hóa ẩm thực của Hàn Quốc 4.2.4. Văn hóa ẩm thực của Thái Lan 4.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ấn Độ	5	3		8	16	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
CHƯƠNG 5. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM	5	2		7	14	
5.1. Khái quát về Việt Nam 5.1.1. Điều kiện tự nhiên 5.1.2. Điều kiện xã hội	1			1	2	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1
5.2. Văn hoá ẩm thực Việt Nam truyền thống 5.2.1. Một số nét văn hoá ẩm thực truyền thống tiêu biểu 5.2.2. Một số nét văn hoá ẩm	4	2		6	12	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thực của dân tộc thiểu số</i> <i>5.2.3. Văn hoá âm thực ba miền</i>						
<i>Kiểm tra</i>			1	1	1	
Cộng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đạo đức nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Professional Ethics**
- Mã học phần: PRE104
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Management of Tourism and Travel Services
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên phải nắm vững hệ thống những tri thức cơ bản về đạo đức học, cụ thể: Nguồn gốc, bản chất, tính chất, nhiệm vụ và vai trò của đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội, các phương pháp nghiên cứu đạo đức, Sự hình thành đạo đức cá nhân, các phạm trù...; đặc trưng của nhà quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành, những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị, một số nội dung cơ bản về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản lý; vấn đề xây dựng đạo đức mới cho

người lao động trong nền kinh tế thị trường: Các nguyên tắc của đạo đức mới, vai trò đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự chuyển đổi của thang giá trị đạo đức hiện nay.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức về đạo đức học và đạo đức nghề nghiệp vào thực tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm công tác nghiên cứu, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Người học có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước.

+ Người học tu dưỡng những phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam mới, yêu nước xã hội chủ nghĩa, yêu lao động và sáng tạo, yêu nghề, sống cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư...

+ Tự rèn luyện những phẩm chất đạo đức cơ bản của cá nhân, nhân cách của người làm công tác QTNS và quản lý lao động vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về đạo đức học như: Khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học, nhiệm vụ của đạo đức học, một số phạm trù của đạo đức học, các phương pháp nghiên cứu đạo đức. Sự hình thành đạo đức cá nhân, như: Tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm, tình yêu lao động, học tập không biết mệt mỏi; Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị nhân sự, đặc trưng của nghề, một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản lý, vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người lao động trong nền kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2008), *Đạo đức học Mác-Lenin*, NXB Chính trị quốc gia.

3. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học KTQD.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Khắc Chương (2005), *Đạo đức học*, Nxb ĐHSP Hà Nội..

2. Trịnh Duy Huy (2010), *Đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*, NXB Chính trị Quốc gia .

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1.ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Đạo đức và cấu trúc của đạo đức <i>1.1.1. Khái niệm đạo đức</i> <i>1.1.2. Cấu trúc của đạo đức</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu của đạođức học <i>1.2.1. Đối tượng của đạo đức học</i> <i>1.2.2. Nhiệm vụ của đạo đức học</i> <i>1.2.3. Các phương pháp nghiên cứu của đạo đức học</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội <i>1.3.1. Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị</i> <i>1.3.2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật</i> <i>1.3.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo</i> <i>1.3.4. Mối quan hệ giữa đạo đức và khoa học</i> <i>1.3.5. Mối quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật.</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2.MỘT SỐ PHẠM TRỪ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC	7	1		8	16	
2.1.Vai trò, nguồn gốc, bản chất	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và chức năng của đạo đức <i>2.1.1. Vai trò của đạo đức trong xã hội</i> <i>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức</i>						Độc TLC 2, chương 2 Độc TLC 3, chương 2
2.2. Một số phạm trù của đạo đức học <i>2.2.1. Phạm trù đạo đức học</i> <i>2.2.2.Nội dung các phạm trù cơ bản của đạo đức học</i> <i>2.2.2.1. Lễ sống</i> <i>2.2.2.2. Hạnh phúc</i> <i>2.2.2.3. Nghĩa vụ đạo đức</i> <i>2.2.2.4. Lương tâm</i> <i>2.2.2.5. Danh dự</i> <i>2.2.2.6. Thiện và ác</i>	5	1		6	12	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2 Độc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3.SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN	7	2		9	18	
3.1. Điều kiện xã hội và sự hình thành đạo đức cá nhân	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 2,3
3.2. Những phẩm chất cơ bản của đạo đức cá nhân <i>3.2.1. Tính trung thực</i> <i>3.2.1.1. Khái niệm, vị trí, ý nghĩa</i>	6	2		8	16	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của tính trung thực</i> <i>3.2.1.2. Những yêu cầu về giáo dục tính trung thực</i> <i>3.2.2. Tính nguyên tắc</i> <i>3.2.2.1. Khái niệm, vị trí, ý nghĩa của tính nguyên tắc</i> <i>3.2.2.2. Những yêu cầu về giáo dục tính nguyên tắc</i> <i>3.2.3. Tính khiêm tốn</i> <i>3.2.3.1. Khái niệm, vị trí, ý nghĩa của tính khiêm tốn</i> <i>3.2.3.2. Những yêu cầu về giáo dục tính khiêm tốn</i> <i>3.2.4. Lòng dũng cảm</i> <i>3.2.4.1. Khái niệm, vị trí, ý nghĩa của lòng dũng cảm</i> <i>3.2.4.2. Những yêu cầu về giáo dục lòng dũng cảm</i> <i>3.2.5.Tình yêu lao động</i> <i>3.2.5.1. Vai trò của lao động trong đời sống đạo đức</i> <i>3.2.5.2. Những yêu cầu về giáo dục tình yêu lao động</i> <i>3.2.6. Học tập không biết mệt mỏi</i> <i>3.2.6.1. Vị trí, ý nghĩa của học tập trong sự hình thành và phát triển nhân cách</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.6.2. Những yêu cầu về giáo dục đạo đức trong học tập						
CHƯƠNG 4. NHỮNG YÊU CẦU VỀ PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CỦA NHÀ QUẢN LÝ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	4	1		5	10	
4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cách mạng <i>4.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của đạo đức trong đời sống và trong xã hội</i> <i>4.1.2. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cách mạng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4,5
4.2. Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của nhà quản lý du lịch <i>4.2.1. Một số khái niệm</i> <i>4.2.1.1. Phạm trù nghề nghiệp</i> <i>4.2.1.2. Đạo đức nghề nghiệp</i> <i>4.2.2. Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người quản lý điều hành du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4,5
4.3. Một số vấn đề xây dựng đạo đức mới cho nhà quản lý du lịch trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4,5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.1. Những nguyên tắc của đạo đức mới						
4.3.2. Vai trò đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.						
4.3.3. Sự chuyển đổi của thang giá trị đạo đức hiện nay						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Du lịch bền vững**
 - Tiếng Anh: **Sustainable Tourism**
- Mã học phần: STT202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Du lịch bền vững cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam; Các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững, vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của du lịch bền vững như các nguyên tắc và biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến sự bền vững của du lịch cùng và ứng dụng vào các vùng sinh thái nhạy cảm trong hoạt động du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực phát triển du lịch theo hướng bền vững trong tương lai.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Du lịch bền vững là học phần lý thuyết dành cho sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trường đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Văn Đính (2006), *Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, Nxb Chính trị quốc gia.

2. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.

3. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.

4. *Making tourism more sustainable* (2005), UNEP, UNWTO.

5. *Indicators of sustainable development for tourism destination* (2004), UNWTO.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. DU LỊCH VÀ MÔI TRƯỜNG	5	3		8	16	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển các loại hình du lịch	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1,2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.Những đặc trưng cơ bản của điểm đến du lịch 1.2.1. Tính xen ghép 1.2.2. Vòng đời của điểm đến du lịch 1.2.3. Khả năng tải của điểm đến du lịch	2,5	1,5		4	8	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1,2
1.3. Ảnh hưởng tác động qua lại của du lịch và môi trường 1.3.1. Tác động tới môi trường của du lịch 1.3.2. Sức ép của môi trường lên phát triển du lịch bền vững	2	1,5		3,5	7	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1,2
CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	7	2		9	18	
2.1.Khái quát về du lịch bền vững 2.1.1. Khái niệm phát triển bền vững 2.1.2. Khái niệm du lịch bền vững 2.1.3. Phân biệt du lịch bền vững và du lịch không bền vững	2	1		3	6	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2,3 Độc TLC 3, chương 3
2.2. Ý nghĩa của phát triển du lịch bền vững	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2,3 Độc TLC 3, chương 3
2.3. Nguyên tắc đảm bảo phát triển du lịch bền vững 2.3.1. Biểu hiện của phát triển du lịch bền vững 2.3.2. Nguyên tắc	3	1		4	8	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2,3 Độc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 3
2.4. Một số thách thức chủ yếu đối với việc thúc đẩy du lịch bền vững	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CƠ SỞ KHOA HỌC CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	11	5		16	32	
3.1. Dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững 3.1.1. Từ góc độ đảm bảo sự phát triển về kinh tế 3.1.2. Từ góc độ đảm bảo sự bền vững về tài nguyên môi trường 3.1.3. Từ góc độ đảm bảo sự bền vững về xã hội 3.1.4. Một số dấu hiệu nhận biết khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
3.2. Các biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến du lịch bền vững 3.2.1. Hoạt động tiếp thị 3.2.2. Phát triển một chính sách tiêu thụ có ý nghĩa môi trường 3.2.3. Quản lý năng lượng 3.2.4. Tiết kiệm nước 3.2.5. Quản lý chất thải 3.2.6. Giao thông vận tải 3.2.7. Hoạt động đào tạo 3.2.8. Giáo dục và thông tin du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.9. Sử dụng các biện pháp can thiệp trong những tình huống cần thiết nhằm bảo vệ đối tượng du lịch						
3.3. Một số mô hình du lịch bền vững của các nước 3.3.1. Làng du lịch ở Austria 3.3.2. Mô hình du lịch bền vững của cộng đồng Châu Âu 3.3.3. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn Trung Quốc	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
3.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch ở một số quốc gia 3.4.1. Một số điển hình phát triển du lịch không bền vững 3.4.2. Một số điển hình phát triển du lịch bền vững 3.4.3. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
3.5. Đánh giá tính bền vững của du lịch 3.5.1. Đánh giá tính bền vững của du lịch dựa vào sức chứa 3.5.2. Đánh giá tính bền vững của du lịch dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của tổ chức du lịch thế giới UNWTO 3.5.3. Bộ chỉ số đánh giá nhanh tính bền vững của một điểm du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
CHƯƠNG 4. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở CÁC VÙNG SINH THÁI NHẠY CẢM	6	4		10	20	
4.1. Một số tính chất của các vùng sinh thái nhạy cảm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11
4.2. Du lịch bền vững ở vùng bờ biển 4.2.1. Phạm vi của vùng bờ biển 4.2.2. Các yếu tố sinh thái chính ảnh hưởng đến du lịch 4.2.3. Các bãi biển thích hợp cho du lịch 4.2.4. Các giai đoạn phát triển của điểm du lịch bãi biển 4.2.5. Các loại hình điểm du lịch bờ biển 4.2.6. Tác động môi trường của du lịch ven biển 4.2.7. Quy hoạch bền vững cho du lịch ven biển	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11
4.3. Du lịch bền vững ở miền núi 4.3.1. Những đặc trưng sinh thái của miền núi liên quan đến du lịch 4.3.2. Các loại hình du lịch miền núi 4.3.3. Tác động môi trường của du lịch miền núi 4.3.4. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở miền núi	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11
4.4. Du lịch sinh thái hoang sơ 4.4.1. Các khái niệm cơ bản 4.4.2. Những nguyên tắc của du lịch sinh thái 4.4.3. Các yếu tố đảm bảo thành công cho du lịch sinh thái	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.4. Định hướng quy hoạch xây dựng và quản lý các điểm du lịch sinh thái						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting**
- Mã học phần: FAC203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Thị Đông (2007), *Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán*, NXB Tài chính.

3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu,..

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	4	2		6	12	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình <i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định</i> <i>1.1.2. Phân loại tài sản cố định</i> <i>1.1.3. Đánh giá tài sản cố định</i> <i>1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định</i> <i>1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</i> <i>1.1.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.2. Kế toán thuê tài sản cố định <i>1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</i> <i>1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.3. Kế toán bất động sản đầu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tư 1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư 1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư						chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Nội dung các khoản đầu tư tài chính 1.4.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết 1.4.4. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con 1.4.5. Kế toán các khoản đầu tư khác 1.4.6. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3	1		4	8	
2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.						
2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho 2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.1. Phương pháp thẻ song song 2.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 2.4.3. Phương pháp sổ số dư						Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên 2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	3	1		4	8	
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.2. Các hình thức tiền lương						
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán						chương 5.
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ và nhiệm vụ kế toán 4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ 4.1.2. Nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành 4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 4.2.2. Đối tượng tính giá thành						
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất công nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.5. Phương pháp tính giá thành						
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ						
4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công nghiệp 4.7.1. Khái quát về hoạt động	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sản xuất công nghiệp</i> <i>4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp</i> <i>4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp</i>						
4.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ngành sản xuất nông nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH	5	1		6	12	
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính <i>5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh</i> <i>5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán</i> <i>5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính <i>5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính</i> <i>5.2.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.2.3. Phương pháp kế toán</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác <i>5.3.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.2. Tài khoản sử dụng 5.3.3. Phương pháp kế toán						17.
5.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5;
5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh						Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	2,5	1		3,5	7	Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị điểm đến du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism destination management**
- Mã học phần: TDM204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch, giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị điểm đến du lịch.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị điểm đến du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị điểm đến du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị điểm đến vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị điểm đến du lịch gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

3. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Lưu, *Thị trường du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

3. Trung tâm Quốc tế APEC về du lịch bền vững (AICST) (2006), *Quản lý rủi ro du lịch. Hướng dẫn chính thức để quản lý rủi ro du lịch*.

4. UNWTO (2007), *A Practical Guide to Tourism Destination Management*, Madrid, Tây Ban Nha.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)					Giờ tự học
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	8			8	16	
1.1. Khái quát về điểm đến du lịch <i>1.1.1. Khái niệm và vai trò điểm đến du lịch</i> <i>1.1.2. Phân loại điểm đến du lịch</i> <i>1.1.3. Chu kỳ phát triển của điểm đến du lịch</i> <i>1.1.4. Các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Quản lý điểm đến du lịch <i>1.2.1. Khái niệm và vai trò của quản lý điểm đến du lịch</i> <i>1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý điểm đến du lịch</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.3. Nội dung quản lý điểm đến du lịch 1.2.4. Tổ chức quản lý điểm đến du lịch						chương 1
CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	8	1		9	18	
2.1. Phân tích điểm đến du lịch 2.1.1. Phân tích tiềm năng tài nguyên du lịch 2.1.2. Phân tích cơ sở hạ tầng công cộng và cơ sở hạ tầng du lịch 2.1.3. Phân tích các dịch vụ tiện lợi trong du lịch 2.1.4. Phân tích các yếu tố khác 2.1.5. Đánh giá khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch	4			4	8	Đọc TLC 2, chương 3,5 Đọc TLC 3, chương 2
2.2. Xác định tầm nhìn và chiến lược cho điểm đến du lịch 2.2.1. Xác định tầm nhìn cho điểm đến du lịch 2.2.2. Xác định mục tiêu và chiến lược cho điểm đến du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3,5 Đọc TLC 3, chương 2
2.3 Kế hoạch hành động phát triển du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3,5 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	9			9	18	
3.1. Khái niệm và vai trò của marketing điểm đến du lịch 3.1.1 Khái niệm marketing điểm	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đến du lịch 3.1.2. Vai trò của marketing điểm đến du lịch						
3.2. Quy trình thực hiện marketing điểm đến 3.2.1. Nghiên cứu thị trường 3.2.2. Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu 3.2.3 Định vị thị trường 3.2.4 Xây dựng và quản trị thương hiệu điểm đến 3.2.5 Xúc tiến điểm đến du lịch	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 3
3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả marketing điểm đến 3.3.1 Chỉ tiêu đánh giá định tính 3.3.2. Chỉ tiêu đánh giá định lượng	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 4,5,6
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	7			7	14	
4.1 Khái niệm và các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến 4.1.1. Khái niệm chất lượng điểm đến du lịch 4.1.2. Các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến du lịch	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2,3.
4.2. Quản trị chất lượng điểm đến du lịch 4.2.1. Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng điểm đến 4.2.2. Các tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng điểm đến du lịch	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3 Quy trình đánh giá chất lượng điểm đến du lịch 4.2.4 Tổ chức thực hiện quản lý chất lượng điểm đến du lịch						
CHƯƠNG 5. MỘT SỐ MÔ HÌNH QUẢN LÝ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	3	7		10	20	
5.1. Kinh nghiệm quản lý điểm đến trên thế giới	1	3		4	8	Đọc TLC 2, chương 3
5.2. Mô hình quản lý điểm đến ở Việt nam	2	4		6	12	Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Operational administration of travel business**
- Mã học phần: OMT203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, major in Tourism Management and Travel Services
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành trang bị cho người học các kiến thức về các hoạt động quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.
- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những hoạt động tác nghiệp chủ yếu trong kinh doanh lễ hành và những quá trình quản trị các hoạt động đó trong các doanh nghiệp lễ hành.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Sinh viên sau khi học xong học phần này thì có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ các hoạt động tác nghiệp và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lễ hành, tư duy và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị tác nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lễ hành truyền đạt cho sinh viên các nội dung như sau: Tổng quan về kinh doanh lễ hành và doanh nghiệp lễ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lễ hành.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB đại học quốc gia Hà Nội.

3. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2011), *Quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê

2. Đồng Ngọc Minh và Vương Lôi Đình (2001), *Kinh tế du lịch và du lịch học*, Tp.HCM, NXB Trẻ

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH VÀ DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH	6			6	12	
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành 1.1.1. Nguồn gốc kinh doanh lữ hành 1.1.2. Một số tổ chức và công ty lữ hành trên thế giới	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Kinh doanh lữ hành 1.2.1. Khái niệm kinh doanh lữ hành 1.2.2. Lợi ích của kinh doanh lữ hành 1.2.3. Phân loại kinh doanh lữ hành 1.2.4. Hệ thống sản phẩm của kinh doanh lữ hành	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3 Doanh nghiệp lữ hành 1.3.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp lữ hành 1.3.2. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp lữ hành 1.3.3. Phân loại doanh nghiệp lữ hành	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG TRONG DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH	6	3		9	18	
2.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành 2.1.1. Khái niệm nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành 2.1.2. Vai trò của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành 2.1.3. Phân loại các nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành 2.1.4. Quyền lực của các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3
2.2. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp 2.2.1. Quan hệ theo hình thức ký gửi 2.2.2. Quan hệ theo hình thức bán buôn	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4
2.3. Xây dựng chuỗi cung ứng trong kinh doanh lữ hành 2.3.1. Hợp đồng giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp 2.3.2. Các hình thức vận dụng chính sách giá của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1. Chương trình du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Khái niệm chương trình du lịch 3.1.2. Đặc điểm của chương trình du lịch 3.1.3. Phân loại chương trình du lịch						chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
3.2. Quá trình xây dựng chương trình du lịch 3.2.1. Nghiên cứu và phân tích thị trường 3.2.2. Phát triển chương trình và các yếu tố cấu thành 3.2.3. Xác định chi phí và giá bán	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN HỖN HỢP, BÁN VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	7	3		10	20	
4.1. Quản trị hoạt động xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch 4.1.1. Quản trị hoạt động quảng cáo chương trình du lịch 4.1.2. Quản trị hoạt động tuyên truyền và quan hệ công chúng 4.1.3. Quản trị hoạt động khuyến khích thúc đẩy tiêu thụ, khuyến mãi và khuyến mại	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
4.2. Quản trị hoạt động bán các chương trình du lịch 4.2.1. Xác định thị trường mục tiêu 4.2.2. Hoạt động bán các chương trình du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
4.3. Quản trị hoạt động thực hiện các chương trình du lịch của doanh nghiệp lữ hành 4.3.1. Quản trị quy trình thực hiện chương trình du lịch 4.3.2. Quản trị hoạt động của	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hướng dẫn viên du lịch</i>						
4.4. Quản trị hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi của khách du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH	6	3		9	18	
5.1. Một số khái niệm về chất lượng sản phẩm lữ hành <i>5.1.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm lữ hành</i> <i>5.1.2. Khái niệm chất lượng chương trình du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12
5.2. Đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành <i>5.2.1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành</i> <i>5.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm lữ hành</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12
5.3. Quản trị hoạt động đảm bảo, duy trì, hoàn thiện và kiểm tra chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành <i>5.3.1. Quản trị hoạt động đảm bảo, duy trì, hoàn thiện chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành</i> <i>5.3.2. Quản trị hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31	12	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý đại lý lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Travel agency management**
- Mã học phần: TAM 204
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về Quản lý đại lý lữ hành như: đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành, quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích các khái niệm cơ bản liên quan tới kinh doanh lữ hành; Hoạt động kinh doanh đại lý lữ hành; Hệ thống các dịch vụ của đại lý lữ hành qua đó có thể đưa ra các quyết định quản trị phù hợp.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các hiểu biết về tổ chức quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ của đại lý lữ hành nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/ dịch vụ của doanh nghiệp đến với khách du lịch, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động của đại lý lữ hành có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những chiến lược về quá trình cung cấp và xúc tiến sản phẩm lữ hành giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho đại lý lữ hành.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của quản lý đại lý lữ hành trong kinh doanh du lịch nói chung để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: khái quát về đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành và quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành nhằm đưa ra các quyết định tổ chức quản lý kinh doanh đại lý lữ hành. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), *Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Mạnh (2015), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Phillip Kotler (2008), *Marketing management*, McGraw Hills Publishing Inc.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI LÝ LỮ HÀNH	3	1		4	8	
1.1. Khái niệm đại lý lữ hành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4
1.2. Phân loại đại lý lữ hành 1.2.1. Căn cứ vào quy mô khách hàng 1.2.2. Căn cứ vào mức độ phụ thuộc và sự ràng buộc giữa nhà cung cấp sản phẩm du lịch và đại lý lữ hành 1.2.3. Căn cứ vào chủng loại dịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vụ và thị trường 1.2.4. Căn cứ vào quy mô đại lý du lịch						
1.3. Chức năng và trách nhiệm pháp lý của đại lý du lịch 1.3.1. Chức năng của đại lý du lịch 1.3.2. Trách nhiệm pháp lý của đại lý du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA ĐẠI LÝ LỮ HÀNH	4	3		7	14	
2.1. Môi trường kinh doanh của đại lý lữ hành 2.1.1. Môi trường vĩ mô 2.1.2. Môi trường cạnh tranh trực tiếp – Những cơ hội và thách thức 2.1.3. Môi trường bên trong – Những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 3
2.2. Chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành 2.2.1. Xác định vị trí của đại lý lữ hành trên thị trường 2.2.2. Một số hình thái chiến lược cơ bản của các đại lý lữ hành	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 11
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẠI LÝ LỮ HÀNH	5	2		7	14	
3.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
3.2. Các mô hình cơ cấu tổ chức	2	1		3	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tiêu biểu có thể áp dụng với đại lý lữ hành						chương 3;
3.3. Cơ cấu tổ chức mang tính phổ biến của đại lý lữ hành ở Việt Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương3;
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ĐẠI LÝ LỮ HÀNH	6	4		10	20	
4.1. Hệ thống dịch vụ của đại lý lữ hành 4.1.1. Dịch vụ hàng không 4.1.2. Cung cấp dịch vụ thiết kế lộ trình 4.1.3. Cung cấp dịch vụ lưu trú và ăn uống 4.1.4. Cung cấp dịch vụ lữ hành bằng tàu thủy 4.1.5. Đăng ký bán chương trình du lịch trọn gói 4.1.6. Cung cấp các loại dịch vụ khác	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4
4.2. Hoạt động của đại lý lữ hành 4.2.1. Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng 4.2.2. Tư vấn thuyết phục khách hàng mua dịch vụ 4.2.3. Lắng nghe các yêu cầu của khách hàng 4.2.4. Theo dõi việc tiêu dùng của khách hàng 4.2.5. Nhận thông tin phản hồi từ phía khách hàng và các nhà cung cấp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4
4.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của đại lý lữ hành 4.3.1. Quan điểm về hiệu quả sử	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dụng đại lý du lịch 4.3.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đại lý						Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	18	10	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý điều hành chương trình du lịch**
 - Tiếng Anh: **Executive management in travel tour**
- Mã học phần: ETG204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Quản lý điều hành chương trình du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan đến quá trình quản lý điều hành chương trình du lịch, các bộ phận điều hành chương trình du lịch trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành.
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như hoạt động của các bộ phận điều hành chương trình du lịch trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản lý điều hành chương trình du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về quản lý điều hành chương trình du lịch, bộ phận điều hành chương trình du lịch trong doanh nghiệp du lịch và lữ hành, tổ chức điều hành chương trình du lịch, thực hiện kỹ năng tổ chức điều hành một số chương trình du lịch mẫu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân

2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động – Xã hội.

3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình kinh tế du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đinh Trung Kiên (1999), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học quốc gia

Hà Nội

2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, NXB Chính trị quốc gia.

3. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.

4. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	5	1		6	12	
1.1. Điều hành chương trình du lịch 1.1.1. Khái niệm chương trình du lịch 1.1.2. Khái niệm và vai trò của	2			2	4	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điều hành chương trình du lịch						
1.2. Quản lý điều hành chương trình du lịch 1.2.1. Khái niệm quản lý điều hành chương trình 1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của quản lý điều hành chương trình du lịch 1.2.3. Các mối quan hệ trong quá trình điều hành chương trình du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 2, phần 1
CHƯƠNG 2.TỔ CHỨC XÚC TIẾN VÀ BÁN TOUR DU LỊCH	7	1		8	16	
3.1 Xúc tiến tour du lịch 3.1.1 Khái niệm xúc tiến, quảng cáo du lịch 3.1.2 Vai trò của xúc tiến, quảng cáo du lịch 3.2 Các hoạt động quảng cáo tour du lịch 3.3.1 Các hình thức quảng cáo tour du lịch 3.3.2 Tổ chức thực hiện chiến dịch quảng cáo 3.4 Lựa chọn kênh phân phối	5	1		6	12	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 8
3.5 Các hình thức bán tour du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 8
3.6 Các điều kiện bán tour du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TOUR DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1 Điều hành chương trình du lịch 3.1.1 Khái niệm điều hành chương trình du lịch 3.1.2 Vai trò của điều hành chương trình du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 10
3.2 Quy trình điều hành chương trình du lịch 3.2.1 Giai đoạn thỏa thuận với khách 3.2.2 Giai đoạn chuẩn bị thực hiện 3.2.3 Tổ chức thực hiện 3.2.4 Kết thúc việc thực hiện tour	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 10
3.3 Một số lưu ý khi tổ chức điều hành chương trình du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 10
CHƯƠNG 4. ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	7	5		12	24	
4.1 Khái niệm về quy trình điều hành chương trình du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 10
4.2 Nội dung quy trình điều hành chương trình du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 10
4.3 Công việc của nhân viên điều hành chương trình du lịch	2	2		4	8	Đọc TLC 2, chương 10
4.4 Một số nghiệp vụ trong điều hành du lịch	1	2		3	6	Đọc TLC 2, chương 10
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOUR DU LỊCH	6	4		10	20	
5.1 Khái niệm chất lượng và quản	1			1	2	Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lý chất lượng tour du lịch 5.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng tour du lịch 5.2.1 Nhóm yếu tố bên trong 5.2.2 Nhóm yếu tố bên ngoài						chương 8 Độc TLC 1, chương 8
5.3 Các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng tour du lịch 5.3.1 Mô hình hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ theo quá trình 5.3.2 Những nội dung chủ yếu của đảm bảo và nâng cao chất lượng tour du lịch	2	1		3	6	Độc TLC 3, chương 8 Độc TLC 1, chương 8
5.4 Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tour du lịch	1	1		2	4	Độc TLC 3, chương 8 Độc TLC 1, chương 8
5.5 Phương pháp quản lý chất lượng tour du lịch	1	1		2	4	Độc TLC 3, chương 8 Độc TLC 1, chương 8
6.5 Phương pháp trả lời các câu hỏi của khách du lịch	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28	15	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hướng dẫn du lịch**
 - Tiếng Anh: **Travel guide**
- Mã học phần: TVG203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 17 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần hướng dẫn du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, quy trình và các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của hoạt động hướng dẫn du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái để phát triển các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch, từ đó có

cách ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của nghề hướng dẫn viên du lịch và các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thanh Thủy (2009), *Nghề nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

2. PGS.TS Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

3. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Giáo trình tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Trung Kiên (2011), *Giáo trình nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Đỉnh (2012), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp*, ứng xử trong kinh doanh du lịch, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Richard Harril, Ph.D (2003), *Guide to best practices in tourism and destination management*, American hotel and lodging education institue.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH	7	1		8	16	
1.1. Một số vấn đề cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đặc điểm nghề</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.2. Chức năng, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch <i>1.2.1. Chức năng của hướng dẫn viên du lịch</i> <i>1.2.2. Nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Yêu cầu đối với hướng dẫn viên du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.1. Yêu cầu về kiến thức 1.3.2. Yêu cầu về phong cách và đạo đức 1.3.3. Yêu cầu về kỹ năng						
1.4. Các mối quan hệ của hướng dẫn viên trong hoạt động hướng dẫn du lịch 1.4.1. Quan hệ với đồng nghiệp 1.4.2. Quan hệ với đoàn khách 1.4.3. Quan hệ với nhà cung cấp dịch vụ cho đoàn khách 1.4.4. Các quan hệ khác	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 2. NHỮNG YẾU TỐ KHÁCH QUAN TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	7		13	26	
2.1. Hình thức và thời gian của chuyến du lịch 2.1.1.Hình thức của chuyến du lịch 2.1.2. Thời gian của chuyến du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
2.2. Cơ cấu khách du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
2.3. Phương tiện vận chuyển khách du lịch	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các điểm của tuyến, trung tâm du lịch và điểm du lịch	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.5. Sự phối hợp giữa các đơn vị, địa phương liên quan đến hoạt động du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	5		11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Khái quát quy trình hoạt động hướng dẫn du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 2
3.2. Quá trình chuẩn bị trước chuyến đi 3.2.1. Chuẩn bị lệnh điều động hướng dẫn 3.2.2. Nghiên cứu kế hoạch chương trình 3.2.3. Tìm hiểu thông tin về khách hàng 3.2.4. Chuẩn bị điều kiện phục vụ 3.2.5. Chuẩn bị phương tiện và điều kiện tác nghiệp 3.2.6. Chuẩn bị cá nhân 3.2.7. Công tác chuẩn bị khác	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 2
3.3. Tổ chức việc ăn ở cho khách du lịch 3.3.1. Tổ chức chỗ ở cho khách du lịch 3.3.2. Sắp xếp ăn uống	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Tổ chức việc tham quan du lịch 3.4.1. Trước buổi tham quan 3.4.2. Tại buổi tham quan	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
3.5. Tổ chức tiễn khách du lịch 3.5.1. Chuẩn bị và kiểm tra 3.5.2. Giúp đỡ khách làm thủ tục theo quy định và tạm biệt 3.5.3. Một số chú ý khi tiễn khách	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN THAM QUAN DU LỊCH	7	4		11	22	
4.1. Khái quát về tham quan du lịch 4.1.1. Khái niệm tham quan du lịch 4.1.2. Khái niệm hướng dẫn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tham quan du lịch 4.1.3. Các yếu tố cấu thành tham quan du lịch						
4.2. Quá trình chuẩn bị hướng dẫn tham quan du lịch 4.2.1. Nghiên cứu, tìm hiểu về tuyến, điểm tham quan du lịch						Đọc TLC 1, chương 4
4.2.2. Thu thập tài liệu 4.2.3. Viết bài thuyết minh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nội dung công việc hướng dẫn tham quan	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch 4.4.1. Hướng dẫn tham quan tại một điểm 4.4.2. Hướng dẫn tham quan trên ô tô 4.3.3. Hướng dẫn tham quan đi bộ 4.3.4. Hướng dẫn tham quan theo chuyên đề	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3,4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	26	17	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thiết kế chương trình du lịch**
 - Tiếng Anh: **Design travel tour**
- Mã học phần: DTP204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 17 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần Thiết kế chương trình du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về chương trình du lịch, quy trình thiết kế chương trình du lịch. Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về thiết kế chương trình du lịch.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của việc thiết kế chương trình du lịch cũng như nắm vững các quy trình thiết kế chương trình du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có thể tự vận dụng để thiết kế một chương trình du lịch.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

- + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
- + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động thiết kế chương trình du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thiết kế chương trình du lịch bao gồm những nội dung chính sau: Khái quát về chương trình du lịch; nghiên cứu nhu cầu du lịch; nghiên cứu điều kiện cung ứng dịch vụ du lịch; xác định khả năng của doanh nghiệp lữ hành; xác định chương trình du lịch; xác định giá thành, giá bán của chương trình du lịch và vận dụng và thực hành thiết kế chương trình du lịch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Kinh tế du lịch*, NXB Lao động Xã hội.
3. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê
2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, NXB Chính trị quốc gia.

3. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.

4. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	4	1		5	10	TLTKC1, chương 1 TLTKC2, chương 1
1.1 Các khái niệm cơ bản <i>1.1.1 Tuyến du lịch</i> <i>1.1.2 Chương trình du lịch</i>	1			1	2	TLTKC1, chương 1 TLTKC2, chương 1
1.2 Đặc điểm và vai trò của chương trình du lịch <i>1.2.1 Đặc điểm</i> <i>1.2.2 Vai trò</i>	1			1	2	TLTKC1, chương 1 TLTKC2, chương 1
1.3. Một số điểm cần lưu ý khi xây	1			1	2	TLTKC1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dựng một chương trình du lịch						chương 1 TLTKC2, chương 1
1.4 Nguyên tắc xây dựng chương trình du lịch mới 1.4.1 Phân tích quy mô môi trường 1.4.2 Phân tích thị trường 1.4.3 Phân tích tình hình cạnh tranh 1.4.4 Phân tích nguồn lực 1.4.5 Nguyên tắc định giá 1.4.6 Khuyến cáo các chiến lược phát triển và tư vấn phát triển	1	1		2	4	TLTKC1, chương 1 TLTKC2, chương 1
CHƯƠNG 2. NGHIÊN CỨU NHU CẦU DU LỊCH	3	3		6	12	TLTKC2, Chương 2
2.1 Mục đích của việc nghiên cứu nhu cầu du lịch	1			1	2	TLTKC2, Chương 2
2.2 Các tiêu thức trong tiến trình nghiên cứu 2.2.1 Mục đích đi du lịch 2.2.2 Khả năng chi tiêu trong du lịch 2.2.3 Tập quán và hành vi tiêu dùng 2.2.4 Quỹ thời gian rỗi 2.2.5 Thời điểm đi du lịch 2.2.6 Các tiêu thức khác	1	1		2	4	TLTKC2, Chương 2
2.3 Các phương pháp nghiên cứu nhu cầu khách du lịch 2.3.1 Phương pháp nghiên cứu 2.3.2 Phương pháp điều tra trực tuyến 2.3.3 Thông tin qua các công ty lữ hành gửi khách 2.3.4 Thông tin qua các công ty tư vấn 2.3.5 Các phương pháp khác	1	2		3	6	TLTKC2, Chương 2
CHƯƠNG 3. NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÁC DỊCH VỤ DU LỊCH	3	2		5	10	TLTKC1, Chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Nghiên cứu về tài nguyên du lịch	1					TLTKC1, Chương 5
3.2 Nghiên cứu điều kiện cung ứng các dịch vụ du lịch 3.2.1 Nghiên cứu về điều kiện giao thông vận tải 3.2.2. Nghiên cứu điều kiện lưu trú 3.2.3 Nghiên cứu điều kiện ăn uống 3.2.4 Nghiên cứu các điều kiện khác	2	2				TLTKC1, Chương 5
CHƯƠNG 4. XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH	3	1		4	8	TLTKC1, chương 2,5
4.1. Khả năng tài chính	1					TLTKC1, chương 2,5
4.2. Khả năng khai thác khách	1					TLTKC1, chương 2,5
4.3. Mức độ cạnh tranh trên thị trường	1	1				TLTKC1, chương 2,5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	7	4		11	22	TLTKC1, chương 6
5.1. Xây dựng chủ đề của chương trình du lịch	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.2. Xây dựng tuyến hành trình cơ bản	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.3. Xây dựng phương án tham quan	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.4. Xây dựng phương án vận chuyển	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.5. Xây dựng phương án lưu trú	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.6. Xây dựng phương án ăn uống	1	0,5				TLTKC1, chương 6
5.7. Xây dựng lịch trình chi tiết	1	1				TLTKC1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 6. ĐỊNH GIÁ TOUR DU LỊCH	3	3		6	12	TLTKC2, chương 9
6.1. Xác định giá thành tour du lịch 6.1.1 <i>Khái niệm giá thành chương trình du lịch</i> 6.1.2 <i>Phân loại</i> 6.1.3 <i>Nội dung của giá thành</i> 6.1.4 <i>Các nhân tố tác động đến giá thành chương trình du lịch</i>	2	1,5				TLTKC2, chương 9
6.2. Xác định giá bán tour du lịch 6.2.1 <i>Khái niệm</i> 6.2.2 <i>Các nhân tố tác động đến giá bán chương trình du lịch</i> 6.2.3 <i>Phương pháp xác định giá bán chương trình du lịch</i>	2	1,5				TLTKC2, chương 9
6.3. Những điều cần lưu ý khi định giá tour du lịch	1					TLTKC2, chương 9
CHƯƠNG 7. VẬN DỤNG VÀ THỰC HÀNH THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	3	3		6	12	TLTC3, chương 2,3,4
7.1. Thiết kế chương trình du lịch vùng du lịch Bắc Bộ	1	1				TLTC3, chương 2
7.2. Thiết kế chương trình du lịch vùng du lịch Bắc Trung Bộ	1	1				TLTC3, chương 3
7.2. Thiết kế chương trình du lịch vùng du lịch Nam Bộ và Nam Trung Bộ	1	1				TLTC3, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	26	17	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THỰC HÀNH, THỰC TẬP, ĐỒ ÁN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập dã ngoại 1**
 - Tiếng Anh: **Fieldwork 1**
- Mã học phần: FWR212
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Tổng quan du lịch, Quản trị doanh nghiệp du lịch.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Quan sát mô hình cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú.

+ Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tập dã ngoại yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- 1 Nguyễn Hoàn (2012), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.
2. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lễ hành*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

4. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị thực tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.
- Phương pháp lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình thực tập đã ngoại	Điểm đánh giá báo cáo thực tập đã ngoại
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	20	40	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú			Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người

Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập 1: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập 1: + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping) + Nghiệp vụ lễ tân (front office) + Nghiệp vụ nhà hàng – bếp, bàn, bar			
Viết báo cáo			
Cộng	20	40	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THỰC HÀNH, THỰC TẬP, ĐỒ ÁN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập dã ngoại 2**
 - Tiếng Anh: **Fieldwork 2**
- Mã học phần: FWR223
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Tổng quan du lịch, Quản trị doanh nghiệp du lịch.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Quan sát mô hình cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành.

+ Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tập dã ngoại yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.

+ Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.

+ Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.

- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập

- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2012), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.

2. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

2. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

4. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị thực tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

- Phương pháp lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình thực tập đã ngoại	Điểm đánh giá báo cáo thực tập đã ngoại
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	20	40	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành			

Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
- Quan sát, thực tập tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ thông qua tour du lịch Hà Nội + Nghiệp vụ điều hành + Nghiệp vụ hướng dẫn - Tổng kết thực tập			
Viết báo cáo			
Cộng	20	40	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: ITS 204
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
☐	☐	☐	☐	☐	☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được tình hình thực tế của công tác quản lý tại các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác quản lý các nghiệp vụ này, củng cố thêm nhận thức và nâng cao kiến thức chuyên môn.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững công tác nghiệp vụ tại các đơn vị kinh doanh du lịch lữ hành.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

4. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, Nxb. Thống kê.
2. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, nghiên cứu, thu thập tài liệu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá bài thực tập:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. *Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập*: Trọng số 40%

8.2. *Điểm đánh giá của Trường*: Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập	15	30	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về công ty, cơ sở hình thành và phát triển của công ty, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động, sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập	16	32	
Bài 5. Vấn đề liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập (kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành) + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping) + Nghiệp vụ lễ tân (front office)			Trình bày về thực trạng của các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
+ Nghiệp vụ nhà hàng – bếp, bàn, bar			
Bài 5. Vấn đề liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập (kinh doanh dịch khách sạn) + Nghiệp vụ điều hành + Nghiệp vụ hướng dẫn - Tổng kết thực tập			Trình bày về thực trạng của các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.
Nội dung 3: Đánh giá về tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 7. Đánh giá chung về các công tác nghiệp vụ và mối quan hệ tại đơn vị thực tập	4	8	Nếu được các ưu điểm và nhược điểm, nguyên nhân của các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập.
Bài 8. Kiến nghị, đề xuất.	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác công tác quản lý các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.
Cộng	40	80	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Dissertation**
- Mã học phần: DST209
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
☐	☐	☐	☐	☐	☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của ngành du lịch và phát triển du lịch, dịch vụ một cách bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, NXB Thống kê.
2. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

- Sinh viên xuống cơ sở thực tập để thu tập tài liệu sau đó viết thành báo cáo.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.
- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận là điểm trung bình của 5 thành viên trong hội đồng bảo vệ khóa luận đã được phân công.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày 37÷38	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược**
 - Tiếng Anh: **Strategic management**
- Mã học phần: SMN204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (ĐH8QTDL)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☑
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 34tiết
 - Bài tập : 09 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về Quản trị chiến lược như: Một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; Lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các công cụ hoạch định chiến lược nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động hoạch định chiến lược có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định trong kinh doanh giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chiến lược kinh doanh trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Fredr. David (2012), *Khái luận về Quản trị chiến lược*, NXB thống kê.

3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), *Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Phương Đông.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Porter, M.E (1996), *What is strategy in Harvard Business Review*.

2. Porter, M., Michael Porter on Strategy (2005), *Leadership Excellence*.

3. Henri, J.-F (2006), *Management control systems and strategy: A resource-based perspective. Accounting, Organizations and Society.*

4. Dixit, A.K. and B.J. Nalebuff (2006), *Tư duy chiến lược: Thinking strategically*, ed. NXB.Tri Thức.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
1.1. Khái quát về chiến lược 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc trưng của chiến lược kinh doanh 1.1.3. Các cấp chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược <i>1.2.1. Khái niệm</i> <i>1.2.2. Vai trò của quản trị chiến lược</i> <i>1.2.3. Các mô hình quản trị chiến lược</i> <i>1.2.4. Các giai đoạn quản trị chiến lược</i> <i>1.2.5. Ra quyết định chiến lược</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
2.1.Môi trường kinh doanh <i>2.1.1. Môi trường bên ngoài</i> <i>2.1.2. Môi trường nội bộ doanh nghiệp</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3, 4
2.2. Tạo lập hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự báo môi trường kinh doanh <i>2.2.1. Xác định nhu cầu thông tin</i> <i>2.2.2. Xác định các nguồn cung cấp thông tin</i> <i>2.2.3. Xây dựng hệ thống thu thập và xử lý thông tin</i> <i>2.2.4. Dự báo diễn biến của các yếu tố môi trường</i> <i>2.2.5. Tổng hợp kết quả phân tích và</i>	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>dự báo môi trường kinh doanh</i> 2.2.6. Phân tích cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh và điểm yếu của Doanh nghiệp 2.2.7. Đề xuất các phản ứng chiến lược						
Chương 3. VIỄN CẢNH, SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
3.1. Viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.1. Khái quát về viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.2. Các yếu tố cấu thành của Viễn cảnh (Cấu trúc của viễn cảnh)	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Sứ mạng (nhiệm vụ) của doanh nghiệp 3.2.1. Khái quát về sứ mạng và bản tuyên bố sứ mạng 3.2.2. Vai trò của mục tiêu 3.2.3. Các yêu cầu đối với hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.5. Lựa chọn các mục tiêu chiến lược	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 2
Chương 4. LỢI THẾ CẠNH TRANH	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh <i>4.1.1. Cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh và quan điểm tạo lợi thế cạnh tranh</i> <i>4.1.2. Bản chất của lợi thế cạnh tranh</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
4.2. Tạo dựng lợi thế cạnh tranh <i>4.2.1. Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh</i> <i>4.2.2. Các khối tạo lợi thế cạnh tranh</i> <i>4.2.3. Các tiêu chuẩn để xác định lợi thế cạnh tranh bền vững</i> <i>4.2.4. Lựa chọn lợi thế cạnh tranh</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
4.3. Duy trì lợi thế cạnh tranh <i>4.3.1. Phân tích tính lâu bền chiến của lợi thế cạnh tranh</i> <i>4.3.2. Duy trì lợi thế cạnh tranh</i> <i>4.3.3. Các yếu tố tác động đến việc xây dựng lợi thế cạnh tranh</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 5. CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
5.1. Chiến lược tăng trưởng <i>5.1.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung</i> <i>5.1.2. Chiến lược tăng trưởng bằng con đường hội nhập (liên kết)</i> <i>5.1.3. Chiến lược tăng trưởng bằng</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cách đang dạng hoá</i>						
5.2. Chiến lược suy giảm 5.2.1. <i>Cắt giảm chi phí</i> 5.2.2. <i>Thu lại vốn đầu tư</i> 5.2.3. <i>Thu hoạch</i> 5.2.4. <i>Chiến lược rút lui</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7
5.3. Chiến lược đổi mới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. CHIẾN LƯỢC CẤP ĐƠN VỊ KINH DOANH VÀ CẤP CHỨC NĂNG	4	1		5	10	
6.1. Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.1. <i>Khái quát về chiến lược cấp đơn vị kinh doanh</i> 6.1.2. <i>Các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
6.2. Các chiến lược chức năng 6.2.1. <i>Chiến lược sản xuất/tác nghiệp</i> 6.2.2. <i>Chiến lược tài chính</i> 6.2.3. <i>Chiến lược nghiên cứu và phát triển</i> 6.2.4. <i>Chiến lược quản trị nguồn nhân lực</i> 6.2.5. <i>Chiến lược Quản trị hệ thống thông tin</i>	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.6. Chiến lược marketing						
Chương 7. LỰA CHỌN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
7.1. Lựa chọn chiến lược 7.1.1. Yêu cầu của lựa chọn chiến lược 7.1.2. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược 7.1.3. Quy trình lựa chọn chiến lược 7.1.4. Mô hình phân tích và lựa chọn chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
7.2. Thực hiện chiến lược 7.2.1. Bản chất và nguyên tắc của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.2. Nội dung chủ yếu của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.3. Quản trị thay đổi trong thực hiện chiến lược 7.2.4. Tạo môi trường văn hoá hỗ trợ cho chiến lược	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
Chương 8. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC	4	1		5	10	
8.1. Bản chất của việc đánh giá chiến lược 8.1.1. Mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.1.2. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
giá chiến lược kinh doanh						
8.2. Quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.1. Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.2. Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra 8.2.3. Phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh theo tiêu chuẩn 8.2.5. Tổ chức điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.6. Điều kiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh có hiệu quả	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 15; Đọc TLC 3, chương 8
Chương 9. CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	4	1		5	10	
9.1. Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược 9.1.1. Những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hóa 9.1.2. Những áp lực mà các doanh nghiệp phải đối mặt trước xu thế toàn cầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
9.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu 9.2.1. Chiến lược đa quốc gia	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.2.2. Chiến lược xuyên quốc gia 9.2.3 Chiến lược toàn cầu 9.2.4. Chiến lược quốc tế						
9.3. Các phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài 9.3.1. Xuất khẩu 9.3.2. Bán bản quyền 9.3.3. Nhượng quyền kinh doanh 9.3.4. Liên doanh 9.3.5. Lập các công ty con sở hữu hoàn toàn	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
9.4. Các liên minh chiến lược toàn cầu 9.4.1. Các lợi thế của liên minh chiến lược 9.4.2. Bất lợi của các liên minh chiến lược	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài nguyên và kinh doanh du lịch**
 - Tiếng Anh: Resources and Tourism business
- Mã học phần: RTB204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☑
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về các loại tài nguyên được sử dụng trong du lịch, các hoạt động kinh doanh du lịch, mối liên hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài nguyên và kinh doanh du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên và các hoạt động kinh doanh du lịch.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tài nguyên và kinh doanh du lịch gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tài nguyên du lịch như các loại tài nguyên du lịch, các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, định hướng và các giải pháp nhằm khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Giáo trình Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.
2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, 2008, *Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Doãn Thị Liễu, 2015, *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Hà nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ KINH DOANH DU LỊCH	6			6	12	
1.1. Tài nguyên du lịch 1.1.1. Khái quát về tài nguyên du lịch 1.1.2. Phân loại tài nguyên du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Kinh doanh du lịch 1.2.1. Khái quát về kinh doanh du lịch 1.2.2. Các loại hình kinh doanh du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN VÀ	6	2		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KINH DOANH DU LỊCH						
2.1. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên 2.1.1. Vị trí, địa hình 2.1.2. Khí hậu 2.1.3. Đặc điểm tự nhiên	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Các nhân tố khác 2.2.1. Kinh tế 2.2.2. Chính trị , pháp luật 2.2.3. Văn hóa, xã hội	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	8	2		10	20	
3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên 3.1.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên 3.1.2. Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 1, chương 4,5,6
3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn 3.2.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn 3.2.2. Các loại tài nguyên du lịch nhân văn	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
3.3. Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. KINH DOANH DU LỊCH	8	2		10	20	
4.1. Kinh doanh lữ hành 4.1.1. Khái quát về hoạt động kinh doanh lữ hành 4.1.2. Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh lữ hành	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Kinh doanh lưu trú 4.2.1. Khái quát về hoạt động kinh doanh lưu trú 4.2.2. Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh lưu trú	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 3
4.3. Kinh doanh nhà hàng 4.3.1. Khái quát về kinh doanh nhà hàng 4.3.2. Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4 , chương 4
4.4. Kinh doanh các dịch vụ khác 4.1.1. Khái quát về một số loại dịch vụ khác 4.4.1. Tổ chức và quản lý một số dịch vụ khác	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 5
CHƯƠNG 5. ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ KINH DOANH DU LỊCH	7	2		9	18	
5.1. Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Một số giải pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch 5.2.1. Khai thác và sử dụng các tài nguyên một cách hợp lý 5.2.2. Phát triển gắn với bảo tồn tính đa dạng 5.2.3. Phát triển phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội 5.2.4. Hạn chế sử dụng quá mức tài	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên và giảm thiểu chất thải</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam**
 - Tiếng Anh: Customary festival of Viet nam
- Mã học phần: CFV102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các

vùng miền trên đất nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch, văn hóa.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản của phong tục tập quán lễ hội Việt nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác liên quan đến lĩnh vực văn hóa dân gian sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam, các phong tục tập quán của người Việt, các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP.HCM.
2. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học
3. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

2. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam và trường Đại học Cần thơ (2004), *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ*, NXB Khoa học xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. PHONG TỤC VIỆT NAM	4	2		6	12	
1.1. Khái quát chung về phong tục Việt Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1. Các loại phong tục truyền thống của người Việt 1.1.2. Cưới hỏi 1.1.3. Sinh dưỡng 1.1.4. Tang lễ 1.1.5. Giỗ, tết 1.1.6. Chọn ngày giờ						
1.2. Những phong tục độc đáo ở các địa phương 1.2.1. Phong tục độc đáo ở miền Bắc 1.2.2. Phong tục độc đáo ở miền Trung 1.2.3. Phong tục độc đáo ở miền Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM	6	2		8	16	
2.1. Khái quát chung về tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.1. Khái niệm tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.2. Đặc điểm tín ngưỡng dân gian Việt nam	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4
2.2. Các loại tín ngưỡng	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dân gian truyền thống của Người Việt <i>2.2.1. Tín ngưỡng phồn thực</i> <i>2.2.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên</i> <i>2.2.3. Tín ngưỡng sùng bái con người</i> <i>2.2.4. Tín ngưỡng sùng bái thần linh</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. LỄ HỘI VIỆT NAM	6	2		8	16	
3.1. Khái quát chung về lễ hội dân gian Việt Nam <i>3.1.1. Khái niệm về lễ hội dân gian Việt nam</i> <i>3.1.2. Các đặc trưng của lễ hội Việt Nam.</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Các loại lễ hội dân gian truyền thống của người Việt	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. BẢN SẮC VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRONG PHONG TỤC TẬP QUÁN LỄ HỘI						
4.1. Mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Bản sắc văn hóa người Việt thể hiện trong phong tục tập quán lễ hội 4.2.1. Các giá trị vật chất 4.2.2. Các giá trị tinh thần	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Văn hóa các dân tộc Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Culture of nations in Vietnam**
- Mã học phần: CNV102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần văn hóa các dân tộc Việt Nam cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên mọi miền tổ quốc. Giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về văn hóa của các dân tộc Việt Nam trong nghiệp vụ du lịch và lữ hành của mình sau này.
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của văn hóa các dân tộc Việt Nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực du lịch và lữ hành trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần văn hóa các dân tộc Việt Nam bao gồm 6 chương, giới thiệu tổng quan về bức tranh văn hóa của các dân tộc Việt Nam, đi sâu vào từng đặc trưng văn hóa của người Việt – tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực, kết hợp với ngôn ngữ khác nhau.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin.
2. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.
4. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.
5. *Making tourism more sustainable* (2005), UNEP, UNWTO.
6. *Indicators of sustainable development for tourism destination* (2004), UNWTO.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT – MƯỜNG	4	1		5	10	
1.1.Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
1.2.Dân tộc Việt-Kinh 1.2.1.Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng 1.2.2.Sinh hoạt kinh tế truyền thống 1.2.3.Văn hóa vật chất 1.2.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Các dân tộc Mường, Chứt, Thổ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 2.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MÃ LAI - ĐA ĐẢO						
2.1.Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mălai-Đa đảo	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Dân tộc Chăm 2.2.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 2.2.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 2.2.3. Văn hóa vật chất 2.2.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
2.3.Các dân tộc Gia rai, Ê-đê, Chu ru, Raglai	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 3.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHƠ ME	3	1		4	8	
3.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
3.2. Dân tộc Khơ me 3.2.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 3.2.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 3.2.3. Văn hóa vật chất 3.2.4. Văn hóa tinh thần	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
3.3. Các dân tộc Môn - Khơ me phía Bắc. Mảng, Kháng, Ô đư, Khơ mú, Xinh mún	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ	4	2		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TÀY - THÁI						
4.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái 4.1.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 4.1.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 4.1.3. Văn hóa vật chất 4.1.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
4.2. Các dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay, Giáy, Lào, Lự, Bô y	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 5.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔNG - DAO	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
5.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
5.2. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
5.3. Sinh hoạt kinh tế truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
5.4. Văn hóa vật chất	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
5.5. Văn hóa tinh thần	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 6.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ HỖN HỢP (KA ĐAI)	3	1		4	8	
6.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ngôn ngữ Ka đai						chương 2 Độc TLC 2, chương 4
6.2. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 3, chương 1
6.3. Sinh hoạt kinh tế truyền thống	1			1	2	Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 1
6.4. Văn hóa vật chất	0,5	0,5		1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 3, chương 1
6.5. Văn hóa tinh thần	0,5	0,5		1	2	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử văn minh thế giới**
 - Tiếng Anh: **History of world civilization**
- Mã học phần: HWC102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghệp ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25tiết
 - Bài tập: 03tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới (đặc biệt văn minh phương Tây), nâng cao trình độ nhận thức, kết hợp hài hòa giữa các nền hóa với nhau. Đồng thời là tiền đề hỗ trợ cho sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch – lữ hành

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về nền văn minh lịch sử của thế giới qua các thời kì.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục.

2. Nguyễn Anh Thái (2006), *Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Vũ Dương Ninh (2003), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Đức An (1996), *Một số vấn đề về lịch sử thế giới*, NXB Giáo dục.

2. Doãn Chính (1992), *Đại cương lịch sử triết học Phương Đông cổ đại*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.

3. Ngô Minh Oanh (2005), *Tiếp xúc và giao lưu giữa các nền văn minh trong lịch sử nhân loại*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT	4			4	8	
1.1. Định nghĩa văn hóa, văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Các yếu tố của văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3. Đối tượng nghiên cứu của Lịch sử văn minh thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Các nền văn minh lớn trên thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á	3			3	6	
2.1. Văn minh Lưỡng hà cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Văn minh Ai cập cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5
2.3. Văn minh Arập	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 3. VĂN MINH ẤN ĐỘ	2	1		3	6	
3.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Ấn Độ	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2
3.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ấn Độ	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 4. VĂN MINH TRUNG QUỐC	2	1		3	6	
4.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Trung hoa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 15
4.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung hoa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 15
CHƯƠNG 5. VĂN MINH HI LẠP CỔ ĐẠI	2			2	4	
5.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 6. VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	2	1		3	6	
6.1. Cơ sở hình thành nền văn	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
minh La mã cổ đại						chương 8 Độc TLC 3, chương 5
6.2.Những thành tựu chủ yếu của văn minh La mã cổ đại	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 8
CHƯƠNG 7. VĂN MINH TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI	2	1		3	6	
7.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Tây âu thời trung đại	1				2	Độc TLC 1, chương 7
7.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Tây âu thời trung đại	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 7
CHƯƠNG 8. VĂN MINH CÔNG NGHIỆP	2	1		3	6	
8.1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp	1			1	2	Độc TLC 2, chương 17
8.2. Cuộc cách mạng công nghiệp	1	1		2	4	Độc TLC 2, chương 17
CHƯƠNG 9. VĂN MINH THẾ GIỚI THẾ KỈ 20	4			4	8	
9.1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ 20	1			1	2	Độc TLC 2, chương 17 Độc TLC 3, chương 8
9.2. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại	1			1	2	Độc TLC 2, chương 8 Độc TLC 3, chương 8
9.3. Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ 20	2			2	4	Độc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 3, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Việt Nam đại cương**
 - Tiếng Anh: **General history of Vietnam**
- Mã học phần: GHV102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Lịch sử Việt Nam đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Qua đó giúp cho sinh viên có thể vận dụng trong nghiệp vụ du lịch và lữ hành của mình.
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tế hoạt động du lịch và lễ hành sau này.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần lịch sử Việt Nam đại cương bao gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học có được những kiến thức về: Việt Nam thời nguyên thủy, thời kỳ dựng nước và giữ nước thời đại Hùng Vương – An Dương Vương, thời đại Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (năm 179 trước công nguyên – 938 sau công nguyên), thời đại xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (938 – 1958), thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trương Hữu Quýnh (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.
2. Đinh Xuân Lâm (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục.
3. Lê Mậu Hãn (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Bá Đệ (1998), *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ

- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1.THỜI ĐẠI NGUYÊN THỦY TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	3			3	6	
1.1.Những dấu vết đầu tiên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2.Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam <i>1.2.1.Sự xuất hiện người khôn ngoan</i> <i>1.2.2.Cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn – Chủ nhân nền văn hóa sơ kì thời đại đá mới</i> <i>1.2.3.Cách mạng đá mới và cư dân nông nghiệp trồng lúa</i> <i>1.2.4. Cư dân sơ kì thời đại đồng thau – tiền Đông Sơn</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2.THỜI KỲ DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG – AN DƯƠNG VƯƠNG)	4			4	8	
2.1.Thời đại các vua Hùng dựng nước <i>2.1.1.Niên đại và địa bàn cư trú của người Việt cổ thời Hùng Vương</i> <i>2.1.2.Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội</i> <i>2.1.3.Sự ra đời của nước Văn Lang</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương 2.2.1. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần và sự hình thành nhà nước Âu Lạc 2.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội và nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc 2.2.3. Cuộc xâm lược của nhà Triệu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 3.THỜI ĐẠI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (NĂM 179 TRƯỚC CÔNG NGUYỄN – 938 SAU CÔNG NGUYỄN)	4	1		5	10	
3.1. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc 3.1.1.Chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc 3.1.2.Những biến chuyển về kinh tế, xã hội, văn hóa	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Những cuộc đấu tranh độc lập 3.2.1.Phong trào đấu tranh vũ trang giành độc lập của nhân dân 3.2.2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng nhằm bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. THỜI ĐẠI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP (938 – 1958)	4	1		5	10	
4.1.Nước Đại Việt từ thế kỷ X – XIV 4.1.1. Thế kỷ X: bước đầu xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, thống nhất thời Khúc – Ngô – Đinh – Tiền Lê 4.1.2. Đại Việt ở thế kỷ XI – XII – Thời Lý 4.1.3. Đại Việt ở thế kỷ XIII – XIV – Thời kỳ Trần – Hồ 4.1.4. Tình hình văn hóa – xã hội ở các	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thế kỷ X – XIV						
4.2. Nước Đại Việt từ năm 1400 – 1527 4.2.1. Phong trào kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 4.2.2. Đại Việt ở thế kỷ XV – Thời Lê Sơ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nước Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX 4.3.1.Đại Việt trong các thế kỷ chia cắt (thế kỷ XVI – giữa XVIII) 4.3.2.Tình hình kinh tế, văn hóa ở các thế kỷ XVI – XVIII 4.3.3.Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến Đại Việt 4.3.4.Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX – Thời Nguyễn	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. THỜI KỲ ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1858 – 1945)	5	2		7	14	
5.1. Cuộc đấu tranh buổi đầu chống thực dân Pháp 5.1.1. Việt Nam đối diện với nguy cơ thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến bắt đầu 5.1.2. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống xâm lược mở rộng ra Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1873 – 1884) 5.1.3. Phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống chiến tranh bình định của thực dân Pháp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Phong trào yêu nước và Cách mạng đầu thế kỷ 20	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1. Những biến đổi của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX 5.2.2. Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX						
5.3. Phong trào Cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1930 5.3.1. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất 5.3.2. Bước phát triển mới của phong trào dân tộc ở Việt Nam sau chiến tranh 5.3.3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1925 đến 1930	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Phong trào cách mạng năm 1930 – 1945 5.4.1.Phong trào cách mạng sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời 5.4.2. Cuộc vận động dân chủ (1936 – 1939) 5.4.3. Cao trào vận động giải phóng dân tộc (1939 – 1945) và cách mạng tháng tám	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 6. THỜI KỲ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	4			4	8	
6.1. Cách mạng Việt Nam 1945 – 1954 6.1.1. Thuận lợi và khó khăn sau cách mạng tháng tám 6.1.2. Kháng chiến chống Pháp 1946 – 1954	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) <i>6.2.1. Giai đoạn 1954 – 1960</i> <i>6.2.2. Giai đoạn 1961 – 1965</i> <i>6.2.3. Giai đoạn 1965 – 1968</i> <i>6.2.4. Giai đoạn 1969 – 1972</i> <i>6.2.5. Giai đoạn 1973 – 1975</i> <i>6.2.6. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
6.3. Lịch sử Việt Nam từ sau 1975 đến nay <i>6.3.1. Việt Nam trong hơn năm đầu đấu tranh chống Mĩ cứu nước</i> <i>6.3.2. Việt Nam bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ tổ quốc</i> <i>6.3.3. Việt Nam đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Tổng diện tích đất của Trường: 4,7 ha.
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 27950m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2000.

Thông kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy Trung tâm Công nghệ thông tin	Bao gồm 22 phòng máy với hơn 1100 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo

Thông kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	0
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	26
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	180
5	Số phòng học đa phương tiện	55

Thông kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành III	693
2	Nhóm ngành IV	2011
3	Nhóm ngành V	3136
4	Nhóm ngành VII	2656

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nhóm ngành III								
Nguyễn Hoàn	24/10/1978	Kinh tế, chuyên ngành Kế toán					X	
Hà Thị Thanh Thủy	18/01/1979	Kinh tế đối ngoại					X	
Trần Lệ Thu	26/11/1980	Luật kinh tế					X	
Hoàng Đình Hương	08/02/1979	Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán					X	
Phan Thị Phương Hoa	09/02/1968	Quản trị kinh doanh					X	
Phạm Thị Bích Thủy	19/09/1980	Kinh tế				X		
Ngô Thị Kiều Trang	24/02/1986	Kế toán				X		
Nguyễn Thị Diệu Linh	01/04/1989	Kế toán				X		
Đinh Thị Hoài Ly	18/03/1990	Quản lý tài chính				X		
Nguyễn Thị Mai Anh	01/05/1986	Kế toán				X		
Đỗ Diệu Linh	10/09/1991	Kế hoạch và phát triển				X		
Bùi Thị Thu	02/04/1987	Thương mại Quốc tế				X		
Nguyễn Phương Anh	12/05/1988	Quản trị kinh doanh, Kế toán				X		
Nguyễn Thu Hiền	09/04/1988	Thương mại Quốc				X		

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
		tế						
Phạm Thị Hương	28/05/1990	Tài chính ngân hàng, Tiếng Anh cấp B1 khung Châu Âu				x		
Nguyễn Thị Thu Hường	10/08/1988	Quản trị kinh doanh				x		
Trần Thị Hương Ly	22/06/1984	Quản trị kinh doanh				x		
Bùi Phương Nhung	14/02/1991	Kế toán				x		
Trần Phương Nhung	04/11/1989	Kế toán				x		
Đỗ Thị Phương	07/06/1990	Quản trị kinh doanh				x		
Vũ Thị Hoàng Yến	14/11/1991	Tài chính - ngân hàng				x		
Bùi Thúy Quỳnh	21/08/1988	Kế toán				x		
Lê Thị Tâm	20/07/1988	Kinh doanh thương mại				x		
Đào Thị Thanh Thúy	30/12/1988	Kế toán				x		
Đào Thị Thương	06/07/1987	Thương mại Quốc tế				x		
Trương Thị Bích Trọng	10/10/1987	Kế toán				x		
Đào Hồng Vân	13/11/1989	kinh tế tài chính				x		
Phan Thị Yến	05/02/1990	Tài chính - ngân hàng				x		

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nguyễn Thị Bích	08/11/1988	Luật kinh tế				x		
Nguyễn Thị Bình	24/02/1988	Luật kinh tế				x		
Đặng Thị Hiền	17/10/1987	Quản lý kinh tế				x		
Nguyễn Văn Dung	04/10/1987	Kế toán				x		
Lê Thị Bích Lan	30/12/1977	Kinh tế				x		
Đào Mỹ Hạnh	14/05/1991	Tài chính ngân hàng				x		
Hoàng Thị Hương Hạnh	10/10/1989	Tài chính ngân hàng				x		
Lê Phương Thảo	20/07/1989	Kế toán				x		
Nguyễn Thị Thu Trang	01/06/1988	Kế toán				x		
Phùng Thị Vân	25/11/1989	Kế toán				x		
Nguyễn Văn Hách	26/06/1978	Quản trị kinh doanh				x		
Lê Trung Kiên	19/09/1986	Quản lý doanh nghiệp, Khoa học Môi trường				x		
Ngô Thị Duyên	01/02/1984	Thương mại				x		
Vũ Thị Ánh Tuyết	16/11/1983	Quản trị kinh doanh				x		
Nguyễn Thị Hiền	02/05/1988	Quản lý kinh tế				x		
Tạ Thị Bảy	13/05/1987	Kinh tế				x		
Nguyễn Hương Giang	10/03/1990	Tài chính - ngân hàng				x		
Trần Thu Hằng	10/11/1985	Tài chính tiền tệ				x		

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
		ngân hàng						
Nguyễn Thị Thanh Mai	05/05/1986	Quản trị kinh doanh				x		
Phạm Thị Ngoan	10/05/1985	Quản trị kinh doanh				x		
Đào Thị Thùy Linh	11/07/1990	Quản trị kinh doanh Quốc tế				x		
Nguyễn Thị Thu Hà	14/11/1985	Quản trị kinh doanh				x		
Đặng Hữu Mạnh	21/3/1979	Quản trị kinh doanh				x		
Lê Thị Tuyết Mai	23/11/1986	Quản trị kinh doanh				x		
Trần Thị Thu Trang	25/09/1990	Kinh tế				x		
Nguyễn Minh Tuấn	24/10/1985	Kinh tế				x		
Tổng Thị Thu Hòa	24/07/1990	Quản lý kinh tế				x		
Phạm Thị Linh	02/03/1986	Kinh tế chính trị				x		
Nguyễn Thị Na	22/02/1982	Kinh tế chính trị				x		
Triệu Thùy Hương	21/05/1979	Tiếng Anh, Kế toán			x			
Nguyễn Kiều Hoa	24/11/1989	Kế toán			x			
Nguyễn Khánh Ly	14/02/1990	Tài chính ngân hàng			x			
Đỗ Thị Ngọc Thúy	07/02/1991	Kinh tế			x			
Đinh Mai Thanh	05/07/1981	Quản trị kinh doanh			x			

4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.
